ĐỂ TƯỞNG NHỚ
THI SĨ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

Chiều Thu Rơi Hạt Mưa Sa Cuối Mùa *

THI SĨ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG VÀ NHỮNG MÙA THU TRÔI QUA CỦA KIẾP SỐNG LƯU VONG.

Phong Thu

Mùa thu năm 1999, tôi đến tham dự một buổi ra mắt sách tại trường Đại Học George Mason. Khi ra về, Hoạ sĩ Vũ Hối dẫn đến một người bạn áo quần còn dính dầy sơn trắng, khuôn mặt đầy đặn có nụ cười trẻ thơ giới thiệu với tôi " Phong Thu, chú giới thiệu với cháu đây là nhà thơ Hoàng Trùng Dương". Tôi gật đầu chào anh và đùa một câu "Áo quần dính sơn mà còn mê văn nghệ." Mặt nhà thơ Hoàng Trùng Dương đỏ ửng, anh cười cười đáp "Tôi đang đi làm nên quần áo dính sơn lung tung. Tôi có nghe anh Vũ Hối nói về chị và tôi cũng có đọc một bài chị viết rất cảm động". Tôi hỏi anh "Bài gì vậy anh Hoàng Trùng Dương". Anh đáp "Những Người Ra Đi". Tôi nói nhỏ "Tôi viết về những người chết. Có người chết rồi vẫn làm cho người sống thương nhớ mãi mãi. Nhưng có người còn sống mà người ta không thích đến gần". Từ đó, tôi có thêm một người bạn văn nghệ sĩ và anh là người gây cho tôi ấn tượng khó quên.

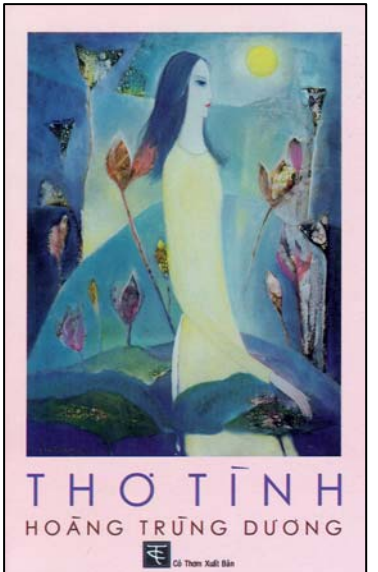

Có lẽ tôi có duyên nợ với người Quảng Nam nên suốt hơn 10 năm qua tôi cứ quanh quẩn bên các chú, các anh. Mỗi lần có văn nghệ sĩ nào ra mắt sách, tôi đều "hú" hoạ sĩ Vũ Hối, nhà thơ Hoàng Trùng Dương, nhà thơ Phan Khâm, nhà thơ Đăng Nguyên...Bốn ông nhà thơ tuổi đời hơn tôi rất nhiều nhưng do bản tính các ông hiền hậu, dễ mến, không khoe khoang, hợm hỉnh, tự cao xem mình là những nhà đại văn hào. Các ông lại thích chơi với một con nhỏ ngỗ ngáo như tôi nên tôi cứ hành hạ các ông đủ thứ. Chính vì hành hạ được các ông nên tôi thương mến các ông như những người bạn cố tri. Lâu lâu không gặp, không gởi thư, không gọi điện thoại là thấy thiếu một cái gì đó...

Năm nay, mùa thu lại về, mưa thu buồn giăng mắc cả bầu trời xám như chì. Gió mang theo hơi lạnh và cuốn theo những chiếc lá vàng rơi. Đất trời vẫn luân vũ nhưng bạn tôi giờ ở đâu? Anh đã đi về một nơi nào đó xa xôi lắm mà chúng tôi không thể nào đến viếng thăm. Anh còn để lại đây một nụ cười trẻ thơ, một tấm lòng đôn hậu và những dòng thơ buồn của "Kiếp Lưu Vong". Tôi còn nợ anh một bài viết về thơ anh. Nợ anh một buổi dự đám cưới con anh nhưng không thể đến vì nhớ ngày không chính

xác. Tôi nợ anh ngày đưa anh về cõi vĩnh hằng, tôi không kịp thắp cho anh một nén hương trước linh cữu người đã khuất. Tôi tệ bạc quá phải không anh Hoàng Trùng Dương. Tôi làm gì cũng trễ, hẹn gì cũng sai...vậy mà tôi lại hay oán trách người khác.

Có phải mùa thu dễ làm lòng tôi xao động, hay thu thường gợi cho tôi nhiều suy tư về một kiếp người phù du. Tôi tìm thấy tâm tình của anh trong bài thơ "Thu Buồn". Mùa thu trong thơ anh là mùa chia tay, đau buồn tiển biệt của kẻ ở, người đi, có những giọt nước mắt của Ngưu Lang-Chức Nữ, có tiếng mưa rơi gõ nhịp ngoài hiên và tiếng hát ai não nùng vang vọng mênh mông:

...Anh đi lệ vẫn còn vương
Quanh viền mi mắt đau thương vào sầu
Ngoài trời chợt đỗ mưa ngâu
Ngưu Lang-Chức Nữ gần nhau còn buồn
Giờ đây nước đã xa nguồn
Dư âm tiếng hát mường luông não nùng...
(Thu Buồn)

Những chiếc lá đã theo gió bay đi. Mùa thu đã tô điểm cho lá thu biến thành những đoá hoa nhiều màu sắc gợi cảm. Hoàng Trùng Dương đã xúc động diễn tả một buổi chiều thu thật đẹp, thật thơ mộng. Nhà thơ cảm thấy nỗi trống vắng cô đơn giữa một mùa thu lá rụng tơi bời:

Thu Về trên Virginia.
Vàng, nâu, tím, đỏ...Như Hoa trên cành
Chiều buông sợi nắng mong manh
Thiên nhiên tô vẽ bức tranh tuyệt vời
Gió đưa từng chiếc lá rơi
Không trung mây trắng nhẹ trôi lững lờ
Mờ xa cánh nhạn bơ vơ
Ta đơn côi giữa hoang sơ chiều tàn.
(Chiều Thu Trên Virginia).

Niềm cô đơn trong thơ anh như tiếng khóc của một cánh chim bạc xứ. Chim bay về đâu mà cánh đả mỏi rã rời vẫn chưa trở lại quê xưa, vẫn chưa được một lần hôn lên tóc mẹ, vẫn chưa một lần được nhìn lại "mái tranh buồn, khoai sắn nấu cùng ngô..."(Quê Nghèo trang 86) để rồi "...những cây lúa lớn lên thờ ơ không trổ hạt..."(Quê Nghèo trang 86). Lúa không thể ra hoa hay chính thế hệ trẻ Việt Nam đã không còn nhìn thấy tương lai trên đất nước Việt lắm khổ đau, chia cắt, hận thù. Đọc thơ Hoàng Trùng Dương, chúng ta ta rất dễ bắt gặp những dòng chữ thương mến tặng bạn bè thân ái sống quanh anh. Hình như anh làm thơ để tâm sư, gởi gấm, chia sẻ niềm đau mất nước, chia sẻ nỗi lo toan áo cơm của kiếp sống lưu đày. Hơn thế nữa, anh làm thơ để chia sẻ trái tim và một tấm lòng:

...Giữa triền dốc đã buông tay
Vùng tương lai đó lưu đày nẽo xa
Điệu buồn trên phiếm tay ngà
Chiều thu rơi hạt mưa sa cuối mùa...
(Thu Tàn)

Con người đa sầu, đa cảm như Hoàng Trùng Dương có một niềm tâm sự sâu kín. Nhìn anh ít nói hay cười, nhưng nếu không đọc hết thơ anh, tôi không thể nào hiểu hết những gì đang giấu phía sau nụ cười của anh. Bài thơ "Thu Buồn" gồm 16 câu viết theo thể 5 chữ , tôi không thể xác định được Hoàng Trùng Dương sáng tác năm nào. Nhưng đọc và suy gẫm, tôi có thể khẳng định anh sáng tác bài thơ nầy khi còn ở Việt Nam. Bài thơ mang dư âm của một người tuyệt vọng, đau khổ, đơn độc và bất lực trước cuộc sống không có ngày mai. Tác giả đã diễn đạt mùa thu buồn bằng những cụm từ "hoàng hôn tím, buốt giá, giông bão, hiu quạnh" để diễn đạt lên khung cảnh ảm đạm, thê lương của một buổi chiều thu.

Mây mùa thu giăng mắc
Hoàng hôn tím hoang sơ
Phố nhỏ buồn cúi mặt
Gác vắng lạnh mong chờ

Khói thuốc quyện hồn côi
Mười ngón tay buốt giá
Cà phê lạnh bờ môi
Linh hồn nghe băng rã
Còn gì cho tương lai?
Quá trình nhiều thống khổ
Đêm tối vẫn miệt mài
Hành trình trong giông bão
Phố nhỏ đèn hiu quạnh
Mưa lất phất đan nhau
Trời sang thu lành lạnh
Ngày mai ta về đâu
(Thu Buồn)

Câu thơ cuối cùng tự hỏi mình nhưng tác giả cũng không thể trả lời và không biết thân phận bọt bèo của mình sẽ về đâu? Tôi không biết anh đã có bao nhiêu cuộc tình và yêu bao nhiêu người con gái? Tôi cũng không biết rõ lúc còn là một thanh niên tuấn tú, anh đã có người yêu nào khác ngoài phu nhân của anh bây giờ không? Nhưng man mác trong những bài thơ anh viết tôi biết anh có những cuộc tình dang dỡ khiến lòng anh vẫn ôm ấp, thương nhớ. Bài thơ "Thu Nhớ" anh đã viết "Tặng một người ở Việt Nam" (trang 90). Anh tặng cho ai? Có thể đó là một người bạn, một người em gái, một cô hàng xóm...Nhưng chắc chắn rằng anh yêu mến con người nầy lắm nên lời thơ tha thiết nhớ mong. Nhà thơ cũng hỏi rằng biết người còn nhớ ta chăng hỡi người? Hỏi nhưng không đợi người ta trả lời mà tự anh ví mình như một con thuyền không bến đỗ, là một kẻ không nhà với đôi bàn tay trắng, nghèo xác sơ nên đành ôm mối tình si ra đi sống kiếp lưu đày nẻo xa:

Thu Nhớ
Tặng một người ở Việt Nam
Mưa bay ngoài song cửa
Lác đác lá vàng rơi
Ta tìm trong ánh lửa
Sưởi ấm chút hương đời
Mùa thu nhè nhẹ đến
Em còn nhớ người xa?
Ta con thuyền không bến
Lênh đênh kẻ không nhà
Thiên đường đành đánh mất
Ta còn lại những gì?
Ngoài hai bàn tay trắng
Ôm một mối tình si!
Thu về khơi nỗi nhớ
Thương chiếc lá vàng bay
Như đời ta hiu quạnh
Nỗi trôi kiếp lưu đày.

Nỗi lòng thương nhớ của nhà thơ còn trãi rộng ra thành mối tình thương nhớ quê hương. Câu thơ "thiên đường đành đánh mất. Ta còn lại những gì?" như một lời than thở, oán trách bản thân bất lực nên đã đánh mất quê hương yêu dấu. Mất quê hương là mất tất cả. Còn lại gì ngoài tấm thân tàn tạ, nhục hình trong các trại tù cải tạo. Cuối cùng là phải rời bỏ quê hương sống kiếp lưu đày. Nỗi buồn nào lớn hơn khi nhìn lá bay mỗi buổi chiều thu để hiểu cuộc đời mình bé nhỏ như chiếc lá mà mộng hải hồ đã khép kín từ lâu. Có còn đâu lối về đất mẹ để mỗi độ thu về thường gợi cho nhà thơ một nỗi buồn mang mác, nhung nhớ mong lung một mùa thu trên đất mẹ hiền:

...Nhớ những mùa thu trên đất Việt
Cúc vàng rực rỡ dưới nắng mai
Mây hồng trãi lụa trên trời biếc
Có ánh trăng thu chiếu đêm dài...
...Khung trời lạ mây trôi khiêu vũ
Lòng buồn chợt nhớ những thu qua
Làm sao tìm lại dư hương cũ
Thu vọng ngàn đời chẳng phôi pha.
(Thu Vọng)

Bài thơ "Sáng Thu Trên Hồ Fairlake" là bài thơ cảm tác về mùa thu cuối cùng trong tập thơ của Hoàng Trùng Dương. bằng những từ ngữ đơn

giản, mộc mạc, anh đã vẽ lên một bức tranh thuỷ mạc về cảnh mùa thu bên hồ nước Fairlake:

Nắng vàng hong chiếc lá vàng,
Lá khô rơi rụng giữa hàng cây phong.
Trời thanh soi nước trong xanh,
Thiên nga bơi lội thong dong trên hồ.
Chim muông bay lượn lao xao
Thu vàng về dưới nắng đào bình minh.

Trời xanh mà nước cũng xanh, nắng vàng mà lá cũng vàng. Phong cách dùng chữ đối chữ, câu đối câu để nhấn mạnh màu sắc, vật nầy đặt bên cạnh vật kia như so sánh, đối chiếu, tô điểm cho vật kia thêm sinh động, tươi sáng. Câu thơ đầu nghệ thuật nhân cách hoáthật đáng yêu. Tác giả ví von " nắng như một người tình đã biết nâng niu hong cho lá thêm vàng.

Hoàng Trùng Dương yêu mến mùa thu nên trong tập thơ "Kiếp Lưu Vong" chỉ có 133 trang , bao gồm 104 bài thơ với nhiều thể loại khác nhau nhưng có 9 bài thơ viết về mùa thu. Trong tập thơ, có bài thơ "Đất Đẹp Miền Nam" đã được nhạc sĩ Trịnh Hưng phổ nhạc. Bài hát nầy cũng rất dễ thương đã gợi lại hình ảnh xinh đẹp, trù phú hiền hoà của Miền Nam Việt Nam mến yêu.

Tôi còn nhớ ngày tôi chuẩn bị tổ chức buổi ra mắt sách cho nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên và nhà thơ Đỗ Bình, người tôi gọi đầu tiên là "tứ đại danh bộ": Vũ Hối, Đăng Nguyên, Phan Khâm, Hoàng Trùng Dương. Lúc đó, Hoàng Trùng Dương nói với tôi anh đang bị bệnh. Anh hứa hẹn với tôi đủ thứ y hệt như lúc còn khỏe mạnh rằng anh sẽ cố gắng hổ trợ, giúp gởi thư, mời bạn bè, vô hội trường sắp xếp bàn ghế...v...v..dù anh rất bận rộn. Anh cũng như tôi lo áo cơm, công việc gia đình. Tôi nghe phấn khởi quá! Tôi còn hối anh in tập thơ mới để tôi phụ anh ra mắt sách. Anh vui vẻ nói với tôi nhạc sĩ Trịnh Hưng sẽ qua và lần nầy tôi có thể gặp được nhạc sĩ Trịnh Hưng chớ không phải anh hứa lèo như lần trước...Vậy mà ngày tổ chức ra mắt sách rầm rộ lại vắng mặt anh. Tôi và mọi người lo và buồn. Mấy hôm sau, anh đã thực sự ra đi bỏ lại bạn bè, bằng hữu , gia đình trong niềm thương tiếc. Một tuần sau, nhà thơ Đỗ Bình gởi email cho tôi báo tin nhạc sĩ Trịnh Hưng cũng đã mệnh chung. Tôi bàng hoàng khi mất hai người bạn văn nghệ cùng một lúc. Vậy là hai người nghệ sĩ yêu mến tài nhau đã hẹn ngày tái ngộ bên kia thế giới.

Anh Hoàng Trùng Dương ơi! mùa thu năm nay lại về, trời giá lạnh hơn mọi năm. Mưa ào vỡ trên lá và trời u ám. Nắng ít lên để hong cho lá thêm vàng. Có phải ở cõi trời xa xăm nào đó anh đang nô đùa cùng lá chết? Có lẽ, anh đang viết những bài thơ không lời gởi cho đất trời chăng? Trên dương thế tôi vẫn còn đọc lại thơ anh. Tiếng thơ như tiếng lòng của một thi nhân yêu quê hương đất nước, yêu cuộc sống, nhân sinh và yêu thiên nhiên vô tận. Tâm tư và nỗi lòng anh buồn như chiếc lá thu rơi.

Phong Thu ví von anh như một giọt mưa sa cuối trời thu để nâng niu, nuôi dưỡng những mầm xanh của hoa lá đất trời. Xin anh hãy ngủ yên và nhận nơi đây một vòng nguyệt quế, một nén hương lòng thay cho buổi tiển đưa anh về cuối trời thương nhớ:

Quen nhau từ độ thu vàng ấy
Nhặt lá bên thềm đan tóc mây
Người đi cách trở muôn trùng nhớ
Nắng đã vàng phai lá đã tàn

Phong Thu
Mùa Thu Maryland, tháng 11 năm 2008

Chú thích: "Chiều Thu Rơi Hạt Mưa Sa Cuối Trời" là một câu thơ trong bài thơ Thu Tàn của Hoàng Trùng Dương.

Một Tai Nạn Nghề Nghiệp

Nguyễn-Phú-Long

Trước đây để phê bình Tản-Đà, Phạm-Quỳnh đã viết trên báo Nam-Phong: "người ta, phi người cuồng, không ai trần truồng mà đi ngoài phố. Nhà làm sách cũng vậy, không ai đem cái thân thế mình mà làm truyện cho người đời xem."

Số là trong tác phẩm Giấc Mộng Con, xuất bản năm 1916, Tản-Đà đã kể lại cuộc đi chơi "Tiêu Diêu Du" tưởng tượng bằng thơ với nhân vật là chính tác giả, khiến cho phần lớn độc giả cảm thấy rất tuyệt vời kỳ thú, nhưng riêng đối với Phạm-Quỳnh thì có lẽ ông không cùng quan niệm giống bao người khác nên đã mỉa mai như trên.

Thực ra đối với "Nhà làm sách" xưa nay, muốn để mọi người khác không biết
"Cái thân thế mình" mà vẫn thích giữ nguyên nội dung và những tình tiết "Cái thân thế mình" thì cũng dễ thôi.

Nhưng bây giờ dù xấu hoặc tốt, rất nhiều người không cần và không muốn né tránh, dè dặt để khỏi bị chê trách như lời nhận xét của Phạm-Quỳnh. Còn vấn đề trần truồng, ta thấy thời nay cả hơn nghìn người hò hẹn tụ tập nhau ngoài phố để cùng khỏa thân đứng chụp hình chỗ nọ, chỗ kia thiếu gì! Họ đâu có cuồng.

Lại nữa, về vấn đề này, thiết tưởng cũng nên lưu ý thêm một điểm, khi xem hay đọc một tác phẩm, đối với loại độc giả bình thường, thực hay giả, hư cấu hay không thì có gì quan trọng.

Vậy thì tôi cũng xin trình bầy "Một Tai Nạn Nghề Nghiệp" để " làm truyện cho người đời xem" và trong khi thực hiện tôi rất thoải mái không thấy ngại ngùng gì về việc nếu phải bộc lộ cái "thân thế" của tôi liên hệ trong truyện, mà quả thực chỉ thoáng chút bâng khuâng, là, không biết rồi đây, sau khi kể cái tai nạn nghề nghiệp này, nó có đẻ ra thêm một tai nạn nghề nghiệp nào khác hay chăng!

Trước hết tôi xin xác nhận: Tôi không phải là thi sĩ dù có làm thơ và dù sắp sửa nói về chuyện mấy câu thơ của tôi cùng mấy câu thơ của một người bạn.

Xung quanh chúng ta bây giờ, theo tôi, thi sĩ thực sự kể ra vẫn hiếm hoi. "Từ Chu Hán vốn sĩ này là quý.". Song người làm thơ thì rất nhiều. Như thế, công thức "Điều kiện cần và đủ để thành một thi sĩ là phải biết làm thơ." Nghe có vẻ nặng tinh thần toán học nhưng không đúng.

Thế làm sao để biết một người lúc nào cũng lơ tơ mơ, mài miệt ghép chữ, tác giả của rất nhiều áng văn vần…là thi sĩ hay không phải thi sĩ? Đó lại là chuyện khác, rất phức tạp, chắc chắn không thể mổ xẻ, chứng minh, phán quyết theo lề lối khoa học tuyệt đối. Nên tôi đâu có dại gì mà nhào vô bàn luận vấn đề này! "Văn chương không phải là đơn thuốc,
Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu." Chỉ biết câu "Văn mình vợ người." có thể cũng là một trong số các nguyên nhân khiến cho những kẻ, dù chưa được đời chấp nhận là thi sĩ vẫn tiếp tục làm thơ, vẫn tiếp tục "đường ta ta cứ đi.".

"Đường ta ta cứ đi" cũng mang ý hướng thời gian, nhẫn nại, học tập, tiến bộ, nghiên cứu, nhận xét…"Đường ta ta cứ đi" vì đi chưa đến, có thể sẽ đến, có thể sẽ không đến, và hiện thời dù đến hay không, rất nhiều người chẳng muốn bỏ cuộc dẫu cho con đường có khấp khểnh gập ghềnh.

Hãn hữu lám mới có trường hợp thiên phú, bẩy bước thành thơ. Và có lẽ không ai đột nhiên sáng ngủ dậy thấy mình tự nhiên lột xác, trở thành thi sĩ mới toanh! Lại nữa, được ăn cả ngã về không, chắc chắn chẳng kẻ nào chấp nhận danh xưng…phó thi sĩ (thợ thơ) giống như bên hệ thống khoa cử của nước Việt-Nam Xã hội chủ nghĩa hiện thời có chức vị tiến sĩ và những vị chẳng leo nổi tới ghế tiến

sĩ thì được cấp bằng phó tiến sĩ. (Nghe đâu người ta nói, dắt con bò qua Liên Sô khi về nó cũng trở thành phó tiến sĩ. Lại nghe đâu các vị phó tiến sĩ cũng chẳng lấy thế làm hoan hỷ, bất mãn tùm lum nên nhà nước lại phải điều chỉnh, gọi các vị ấy là tiến sĩ, còn các vị tiến sĩ thì lại được kêu là Tiến sĩ khoa học.)

Bởi lẽ đó, lại thêm lúc nào cũng đinh ninh trong bụng lời phán của ông tú Vị-Xuyên "Nhập thế cuộc bất khả vô văn tự." nên dù chưa phải thi sĩ tôi vẫn tiếp tục "trăn trở" làm thơ lai rai và điều quan trọng là, riêng cá nhân tôi, không bao giờ quên ưu tiên cho công việc, công việc nhẹ nhàng hay cực nhọc, hấp dẫn hoặc không thích cũng phải luôn luôn được ưu tiên:

Em ngồi nghe nhạc trời mưa,
Anh đang tư lự tìm chưa được vần,
Câu thơ nghĩ cũng chẳng cần,
Hay là tắt nhạc cho gần gụi nhau.
Thơ NPL. Trong tập BBNT.

Bất cứ việc gì thì cũng có vui có buồn. Làm thơ đối với tôi cũng vậy. Khi thấy thơ của mình trên nguyệt san đâu đó thì mở ra coi hoài, đắc chí, đọc tới đọc lui rất tiếc chẳng thể "Viết vào giấy dán ngay lên cột." như tiền bối được. Song ngược lại khi kiếm tìm mỏi mắt "đứa con tinh thần" không thấy trên giấy trắng mực đen (Quái, rõ ràng đã gửi tới tòa báo lâu rồi mà!) thì đành âm thầm làm lại từ đầu hoặc đợi chờ kiên nhẫn ở kỳ sau, đấy là sự thể thông thường của người đi chưa đến mà nhiều kẻ bi-đát hóa có thể gọi là nỗi vinh nhục. Đấy, đại khái một phần hoạt động của người làm thơ là như vậy, không có gì to tát, không có gì nặng nhọc, bởi vì, thơ phú, theo một số người nó đâu có chi quan trọng, đến ngay truyện Thúy-Kiều của Nguyễn-Du, từng được dịch ra tiếng nước ngoài như bản Pháp ngữ của nhà xuất bản Gallimard Paris chẳng hạn, bản dịch này đã cũ, nhưng mới đây, năm 1983, cố học giả Huỳnh-Sanh-Thông, một lần nữa cũng dịch ra tiếng Anh, nhan đề The Tale Of Kiều…là một trong số mấy tác phẩm tiêu biểu được chọn lựa, giới thiệu để nhiều người ngoại quốc biết đến văn học Việt-Nam mà nay còn có kẻ đặt vấn đề định lại giá trị…thì mọi sự nghĩ cũng thường.

Nơi trường văn trận bút câu nói của một thi sĩ Pháp, Alfred de Vigny, thú thực cũng giúp cho kẻ làm thơ nói riêng, suy nghĩ, thấy an ủi và rút tỉa nhiều kinh nghiệm quý báu, đó là: "Thói thường trong văn học người ta thích làm cho kẻ đã chết sống lại và làm cho kẻ đang sống chết đi."

Nguyễn-Bá-Học, một nhà nho, mô phạm, tác giả quyển sách giáo huấn "Lời Khuyên Học Trò." Đã viết:"Vận văn chỉ là để tiêu khiển trong lúc trà dư tửu hậu. Tiểu thuyết, ký sự, luận thuyết, diễn thuyết mới là những văn chương hữu dụng còn thơ phú, ca dao có vần điệu chỉ dùng để ngâm nga, không suy ra sự thực…

Những lối ngâm hoa vịnh nguyệt dù hay cho quỷ khóc thần kinh cũng không đáng giá một đồng tiền kẽm."

Dù biết thơ không đáng giá một đồng tiền kẽm, dù biết bài thơ phổ biến chẳng có nhuận bút, từ lâu tôi vẫn hỳ hục ghép vần, gửi bài đăng báo nọ báo kia trong vùng, và cũng từ lâu, như thể, sự làm ăn khấm khá, thỉnh thoảng tôi còn liên lạc với các tờ báo ở Oklahoma, ở Texas, ở Cali…báo này xen vào mấy câu lục bát, báo kia bài Đường thi vài đoạn tứ cú…thậm chí trên một tờ bán nguyệt san ở Chicago, một lần thấy có mục thiếu nhi, tôi cũng hăng hái tham gia, gửi một đoạn thơ rất dản dị, rất lành mạnh nhằm phục vụ quý độc giả nhi đồng, thí dụ như bài này:

Thơ đố vui.
Cây gì chẳng hết em ơi,
Chẳng hoa chẳng lá mọi người mến yêu.
Thân cây cao chẳng bao nhiêu,
Cắt ra sào nấu được nhiều món ăn.

Ôi chao câu đố khó khăn,
Cũng xin đáp thử một lần mà chơi!

Cây còn chẳng hết anh ơi,
Thủy chung tình nghĩa với người, thương yêu.

Giữ nhà giúp ích bấy nhiêu,
Nỡ đem làm thịt thành nhiều đồ ăn.
N.P.L.

Thường thường có lẽ mọi người đều biết, trên báo chí, những câu vận văn, bức vẽ hay ngay cả những đoạn văn xuôi đố vui ít khi thấy kèm giải đáp ngay như tôi trình bầy trên đây mà phần trả lời để ở trang khác, hoặc ở một kỳ báo khác cho người tham dự có thời gian suy nghĩ. Tôi làm khác cho tiện và đỡ mất thì giờ quý báu của độc giả đang cần thư giãn nghỉ ngơi.

Bài thơ gửi đi suôn sẻ, lên báo suôn sẻ. Ông chủ báo, thi sĩ Thủy Lâm Sinh rất thủy chung, chiêu hiền đãi sĩ, sau đó "lại quả" cho tôi hai số để "anh giữ làm kỷ niệm." Tôi mở ra đọc, thấy không có gì in sai vậy kể như xong. Mà có thấy sai thì cũng kể như xong! Nổi quậu là bậy, kêu ca khiếu nại ư? Có ai để ý lời đính chính và xin lỗi tác giả ở số báo sau, thôi im lặng cho tiện việc, đỡ mất thì giờ của mình và của nhân viên tòa soạn. Còn người đọc thì bây giờ có ai để ý đâu, có thấy chăng, nhiều khi, cũng chẳng thèm bắt bẻ gì.

Một người bạn quen hồi cùng học làm lính tại Thủ-Đức, sau khi ngồi bóc hơn mười cuốn lịch trong trại, hiện ngụ ở vùng Trung Bắc Mỹ, đọc bài này nhớ đến tôi, bèn gọi điện thoại hỏi thăm, lời lẽ còn phảng phất tình huynh đệ chi binh:" Mày bây giờ cũng bầy đặt làm thơ à!" Tôi đã nghe nhiều câu hỏi như thế, thú thực ban đầu cũng bực, tìm cách trả đũa đích đáng, nhưng thấy làm vậy có thể mất hòa khí, hơn nữa theo tôi thì, có tới chín mươi chín phần trăm người hỏi đều vô tình, hỏi mở đầu câu chuyện cho vui ấy mà, chứ thực sự không có ác ý gì đâu. Do đó bây giờ tôi thường chẳng buồn đáp lại, chỉ cười, đường ta ta cứ đi.

Tiếp theo hắn góp vài lời bàn Mao-Tôn-Cương về bài thơ cho có lệ, rồi lan man hồi tưởng tới thời gian xa xưa, hồi năm 1966…hồi mấy tên SVSQ chưa gắn Alpha, chưa được đi phép về "Saì-Gòn đẹp lắm" để thăm gia đình, để trả thù dân tộc, để bồi dưỡng…bèn tụ tập hùn hạp "ngả cờ tây" nhậu nhẹt, ở khu gia binh trường Thiết-Giáp vào những ngày nghỉ cho đỡ sầu đời…rồi cuối cùng hắn ngỏ ý mời tôi sang chơi, "dụ khị" qua chơi sẽ được thết món giả cầy bà xã hắn nấu là hết xẩy, là tuyệt cú mèo, là ngon lành chẳng khác chi cờ tây ở Thủ-Đức hồi nào..

Tưởng gì chứ bà vợ hiền của tôi cũng hãnh diện nấu món giả cây không ai sánh bằng đấy. Bả nghe vậy nói nhẹ nhàng:" Ông muốn ăn thì mai tôi nấu liền, đâu cần phải đi xa!"

Lạ nhỉ! Tôi đã tỏ thái độ muốn đi xa ăn giả cầy đâu! Và cái món giả cầy nấu ở nhà thì tôi có nói là không muốn ăn bao giờ đâu! Hóa ra do vụ này tôi mới khám phá ra một điều, là, cái màn nấu ăn cũng sinh ra thật nhiều tự ái, phần lớn các nội tướng không ai chịu thua kém ai về phương diện bếp núc.

Ở quê hương ta, thời gian các đấng đỉnh cao trí tuệ bầy đặt hô hào tiêu thổ kháng chiến, họ không muốn những tiếng "Gâu! Gâu!" làm cản trở bước chân âm thầm, nên đã bịt miệng, kết quả: loại thực phẩm này hồi ấy vô cùng… nở rộ, thế mới biết, trong khói lửa, chẳng những người lương thiện, ngay cả gia súc cũng bị vạ lây. Mà thôi, "Vật dưỡng nhân" Nói chung thì trước sau món ăn này cũng rất phổ thông. Cây còn "Cắt ra xào nấu được nhiều món ăn." Như luộc, xào lăn,, dồi, thịt nướng, xáo măng…

Tuy nhiên, sống trên đời… nơi đây có lẽ không bợm nhậu nào có gan "ngả cờ tây", những lúc ngồi bần thần nghĩ tới quê hương rồi lan man nhớ tới món khoái khẩu này, thì nên thi công làm nồi giả cầy cầm hơi, nghĩa là tạo ra hương thơm bốc lên ngào ngạt y như thật để mà tha hồ hít thở khoan thai…thịt cầy thay thế bằng thịt heo cũng đỡ lắm, và, giả cầy thì chỉ làm giả món nhựa mận thôi, những món khác của cây còn không thấy ai làm giả bao giờ.

Gọi là món nhựa mận vì nhìn nó mầu nâu, sền sệt như nhựa cây mận, nước không ra nước, khô chẳng phải khô, bầy trên bàn, trên mâm bằng bát lớn hoặc bằng đĩa cũng được. Món giả cầy phải có riềng, mẻ, phải thui cái

chân giò cho vàng, canh lửa riu riu, nấu cho nhừ, nêm nếm công phu, chuyên nghiệp...ăn với bún, rau răm xắt nhỏ, đưa cay bằng rượu nếp than…ôi thôi! Xin đừng nói tiếp, nhỏ nước miếng, chịu không thấu!

Ông cha mình thiệt hay, đã ngả cờ tây, nghiên cứu tỉ mỉ nhiều thứ cần đi với nhau để thành công qua những món ăn khoái khẩu, bổ dưỡng rất đáng khâm phục, lại cẩn thận chế biến ra những món tương tự như giả cầy để phòng hờ sài vào những trường hợp bất khả kháng làm phong phú kho tàng ẩm thực quê hương tuyệt vời, tiện lợi. Tiện lợi biết bao cho những người như chúng ta, đang trong hoàn cảnh xa xứ, khi ngứa mắt nhìn mấy con nai đồng quê gầm gừ, đẩy nhau…chịu không muốn nổi thì làm món giả cầy thưởng thức, chứ đừng ngả cờ tây lén lút ở đây nhỡ lộ ra chính quyền địa phương nó gọi lên làm việc cũng mất mặt bầu cua cá cọp.

Chuyện bài thơ đố vui, rồi lan man bắt qua vấn đề ăn uống với món giả cầy độc đáo tưởng sẽ quên đi như nước chẩy qua cầu, ai dè bỗng một hôm, cách ít ngày, còn nhớ đó là mùa hè, trời nóng ơi là nóng! Vào buổi sáng, như thường lệ, tôi mở máy computer xem báo, chếch thư…thì bất chợt nhận được mấy câu thơ của bà bạn ở xa, như sau:

Đố thi huynh biết là cái gì:
Cây gì chẳng hết anh ơi!
Phái tôi yêu thích chẳng rời ngày đêm.
Thân cây cứng ngắc chẳng mềm,
Lại thêm mũi nhọn dùi xuyên thịt mình.
T.L.

Đọc xong tôi sửng sốt, sững sờ nhưng không…sợ sệt!

Đúng ra thì mấy câu "đố vui" này cũng chẳng có gì ghê gớm, cấm trẻ em dưới mười tám tuổi, chẳng thuộc loại XXX bừng bừng khiêu khích, song, qua mấy câu thơ, như là thái độ của bà bạn đã thay đổi từ xã giao quy ước, chừng mực tới thân thiện phá rào đột ngột làm tôi không thể tưởng tượng bà bạn khả kính bao lâu mà nay thực tế lại thay đổi thái độ, gửi cho tôi như vậy.

Vì ở xa, cho đến khi đang viết những dòng "hồi ký" này tôi vẫn chưa hân hạnh gặp mặt bà T.L. Nhưng biết bà hiện là bác-sĩ, hâm mộ thơ văn. Trước đây, còn nhớ, bà cũng đã in một tập thơ mỏng, rất dễ thương, từ năm 1996 với trang bìa mầu sắc dản dị, nhã nhặn, trình bầy hình một thiếu nữ rất trẻ, "Em còn bé lắm các anh ơi!" , em mặc áo dài, ôm chiếc đàn nguyệt trước một bối cảnh quen thuộc, quê hương, có mái tranh lu nước, cây cau…

Do thư từ qua lại rất thường thì tôi bắt buộc phải kết luận một điều: Bà là người đứng đắn, cởi mở, thực tình. Thỉnh thoảng mỗi lần liên lạc bà thường sốt sắng hỏi, có cần gì không? Khổ quá! Về sức khỏe, tôi cần nhiều chứ! Dù có medicare, rồi thì medicaid nữa. Nhưng mấy cái đó đâu có giúp được gì, và thú thực, đến ngay cả bà bạn hay ngay cả bác sĩ gia đình cũng chẳng giúp được gì. Làm thế nào kể ra bây giờ! Làm thế nào để chữa trị bây giờ! Thí dụ như cái quả tim trong lồng ngực đôi khi nó cũng gây lắm điều ray rứt, lộn xộn khiến tôi nhiều lúc cứ bần thần chẳng hiểu mần răng!

Mới lại, "Rằng quen mất nết đi rồi" vì không thích vạch áo cho người xem lưng, nên ngay như mấy bệnh lặt vặt, thí dụ đau răng, trừ khi quá quắt, tôi cũng thả nổi, chẳng muốn khai ra, khai ra vợ hiền lo lắng lại áp lực lằng nhằng dẫn độ tới nha sĩ làm root canal là về nhà hôm đó hết muốn ăn giả cầy, thà cứ để vậy cho cuộc đời nó có chút "thú đau thương" nhè nhẹ, nhằm nhò gì, ai mà sống hoài, Socrate cũng vậy, mai sau lúc sắp đi đoong, cứ bình tĩnh, như thớt voi già khi linh cảm thấy gần tới ngày cùng tháng tận, âm thầm lặng lẽ từng bước chậm chạp vào vùng thâm sơn cùng cốc mà sửa soạn gục xuống an giấc nghìn thu, cô độc, biệt tăm, chẳng ai biết, chẳng ai hay, không kèn, không trống…

Chúng tôi đối với nhau tương kính, lại cùng hoạt động thơ văn trong một thi đàn, cũng vì vậy mới quen biết và tôi lớn hơn mấy tuổi nên

bà T.L. vẫn gọi tôi là thi huynh. "Thi huynh" gợi nhớ, phảng phất thời gian Lều Chõng của Ngô-Tất-Tố trở về trước, hơi cổ, nhưng là sự chọn lựa xưng hô rất đúng, hợp với cái lãng đãng của Đường thi xướng họa. Chưa gặp nhau mà gọi anh thì hơi gần, ông thì hơi xa. Thi huynh tuy xa mà gần, tuy gần mà xa…vui, văn vẻ, vừa vặn!

Xem bốn câu đố, tôi không tin là do bà sáng tác hoàn toàn, nhiều phần nó đã có sẵn cái khung, khác đi chút đỉnh đã được truyền tụng trong nhân gian như ca dao mà tôi không biết. Tuy nhiên mặt khác, tôi bắt buộc phải tin là nó cứng ngắc, nhọn hoắt, dùi xuyên vào da thịt mà phái nữ yêu thích ngày đêm!

Lẽ dĩ nhiên theo bà, bốn câu này phải là để mô tả một vật thể khác (Mục đích chắc chắn chỉ để mô tả vật thể khác ấy thôi!) nhưng tôi vốn "khờ khạo lắm! ngây ngô lắm!" lại "nhất trí" hiểu theo nghĩa khác mới đổ nợ chứ!

Vì muốn giữ trọn tình bạn văn thơ đứng đắn tôi định yên lặng không trả lời. Không ngờ bài thơ vui với trẻ em của tôi phổ biến trên báo vùng Ngũ Hồ còn bà thì ngồi bắt mạch cho toa mãi bên bờ bể viễn tây, cũng đã đọc, nên mới hào hứng nhập cuộc chơi, đố lại tôi như thế. Mà sao bà chẳng đưa lên báo để mọi người cùng thưởng thức tham dự mà nhè chỉ gửi riêng cho tôi vậy cà? Về sau, trước khi câu chuyện đố vui kết thúc, tôi hỏi, thì chính bà kể cho hay, vào dịp đó "người ta" đi thăm bạn ở Chicago, lúc tới một tiệm ăn Việt-Nam nhặt tờ báo chợ tình cờ đọc thấy tên tôi, nên mừng quá, chẳng kịp suy nghĩ vội gõ cho tôi…ai dè…thiệt là xui!

Trời đất! Tôi còn xui hơn chứ bộ.Tai bay vạ gió, đầu chẳng phải phải tai! Đọc bốn câu thai đố tôi nghĩ nếu không trả lời thì chẳng những bất lịch sự mà còn cảm thấy yếu quá! Hơn nữa sự im lặng có thể bà T.L. sẽ nghĩ là bị coi thường làm cho bao nhiêu điều hâm mộ, kính nể của bà ấy dành cho mình, chủ quan tôi nghĩ vậy, sẽ không cánh mà bay để chẳng bao giờ trở lại. Tạo ra được chút uy tín rồi giữ được cái uy tín tạo ra cũng là điều rất khó. Vài câu thai đố mà ấm ớ trả lời chẳng xong thì mặt mũi "thi huynh" còn gì!

Vả lại đây không phải là chuyện tôi khơi mào trước, tôi đã kinh nghiệm, biết đâu bè bạn chẳng muốn thử tôi xem sao, xem có khả năng đa hiệu không,chứ đi với bụt biết mặc áo cà-sa nhưng đi với ma không biết mặc áo giấy thì cũng dở ẹc

Từ trước đến nay, hơn "sáu mươi năm cuộc đời" đôi khi cũng sẩy trường hợp làm tôi suy nghĩ, hóa ra tôi trông vậy mà không phải vậy. Tôi từng nghe, hơn một lần, người đối thoại đã thố lộ thẳng với tôi "Xin lỗi, với cái thùng nước lèo khá bự, mới nhìn tưởng đứng trước một xì-thẩu hiền lành, nghiêm nghị, xa cách… Lúc đánh bạo ráp vô "nói chiện" mới rõ thì ra ổng cũng là …Ổ-Nàm! Đó chẳng biết có phải là câu khen hay lời chê? Một nhược điểm của tôi? Hay đó là một ưu điểm trời ban riêng cho tôi? Và có ảnh hưởng với tôi thế nào? Thôi mặc! Việt-Nam hay Chú Ba cũng tốt dzồi! Chứ mà để người ngoài nhìn tưởng con tắc-kè mới thực vừa tắc vừa kẹt! Bây giờ để tôi nhẩn nha viết mấy câu trả lời nối đuôi (Tiếp theo vần câu thơ cuối của T.L.) xem sao nhé!

Thưa chị T.L.
Vốn tôi chẳng mấy thông minh
Nghĩ suy chưa cạn thì hình dung thêm:
Xuyên vào da thịt ngày đêm,
Lại còn mũi nhọn chẳng mềm…đã thay!
Các bà yêu thích…ơ hay!
Chắc là cái đó! Nói ngay hơi kỳ!
N.P.L.

Đến đây chẳng biết quý độc giả có tưởng tượng ra được đoạn kết sẽ như thế nào chăng? Sau khi "Send" bài thơ cũng kể như bức thư phúc đáp, ngay lập tức, bà bạn phản đối tôi gay gắt, nhưng vẫn lịch sự: "Đó là cây kim khâu phái phụ nữ dùng để may vá sao lại trả lời vậy? "Thi huynh" coi tôi là người như thế nào?"

Ơ kìa! Tôi đâu có coi bà là người như thế nào? Hồi nào? Tôi trả lời vậy vì đâu biết đó là cây kim khâu! Thế nó chỉ dùng để tả cây kim

khâu à?Thật khổ! Thường mấy câu thai đố hay dẫn người ta đi lạc vào con đường suy nghĩ tục. Cũng hay! Lẩn thẩn, không biết kho tàng thai đố của Việt-Nam hiện còn lưu truyền nơi nhân gian có được kể như một loại văn chương bình dân đặc thù của dân tộc cần bảo vệ giữ gìn không nhỉ?

Mà trả lời như tôi thì cũng đâu có sai, như một học sinh làm luận văn, tôi đọc kỹ đầu đề rồi mới viết xuống giấy đấy chứ! Thử xét lại coi! "Bài làm" của tôi đâu có lạc đề. Chỉ hơi dài dòng, phải sài tới sáu câu mới trả lời xong cho bốn câu thai đố, không cân đối, hơi dở!

Rất may là hai người đang ở xa, nếu đối diện ai cũng lý sự, không biết sự thể sẽ như thế nào, và, dù thế nào tôi cũng lấy làm mừng vì đã chẳng nhìn thấy hình ảnh một đống, nối xùng của nhau lúc ấy.

Mặc dầu câu chuyện chẳng có gì, nhưng tình bạn giữa chúng tôi do mấy câu thai đố tự nhiên đã rơi vào một tình trạng khác, chẳng còn như cũ. Thật là tai bay vạ gió, đáng tiếc. Tôi cảm thấy như vậy, và ra cái điều mình là đàn ông, "lỗi tại tôi mọi đàng.", muốn chấm dứt cho xong, chẳng ăn thua làm gì, nên đã viết mấy dòng sau đó đề nghị không nói nữa để cùng quên đi…

Từ đó thì hai bên chẳng ai nhắc tới nữa, nhưng có lẽ quên không được, bè bạn thư từ chẳng trở lại bình thường, nghe như nó vẫn còn một chút phảng phất uể oải, âm ỷ, nhẹ nhàng. "Thi huynh coi tôi là người như thế nào?" "Ơ kìa! Tôi đâu có coi bà là người như thế nào!" Khiến tôi dù không có chi ân hận nhưng có lẽ mãi mãi chẳng thể quên được câu chuyện đã sẩy ra.

Từ từ mọi liên hệ giữa hai bên cứ bớt dần, năm ngoái chúng tôi cũng chẳng gửi thiệp giáng sinh cho nhau như trước, mặc dù tôi vẫn kính trọng bà bạn tôi, tôi vẫn thấy vui mỗi lần đọc thơ của bà trên đặc san, ngược lại bà bạn tôi vẫn là độc giả dài hạn của tờ báo tôi thường xuyên cộng tác, và…bây giờ lại là mùa hè, trời nóng ơi là nóng, thấm thoát thế mà đã mấy năm!

Nguyễn-Phú-Long
(Virginia)

Bác Sĩ
NGUYỄN THỊ KIM DUNG
Board-Certified Internal Medicine
- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York
- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia
CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT
6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM
Chủ Nhật: Theo hẹn
Nhận Medicaid, Medicare, và các loại bảo hiểm.
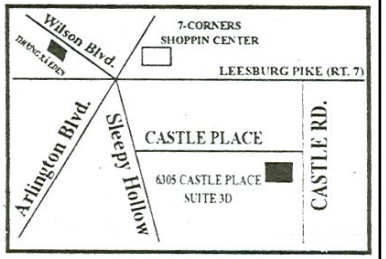

Đại Văn Hào của Nước Anh

CHARLES DICKENS

(1812 - 1870)

và Tác Phẩm DAVID COPPERFIELD

PHẠM VĂN TUẤN

1- Thời niên thiếu của Charles Dickens.

Charles Dickens là tiểu thuyết gia lừng danh của nước Anh và cũng là một trong các nhà văn hàng đầu của mọi thời đại. Các tác phẩm danh tiếng của ông gồm "*Một Bài Ca Giáng Sinh*" (A Christmas Carol), "*David Copperfield*", "*Các mong đợi lớn* lao" (Great Expectations), "*Oliver Twist", "Các tài liệu Pickwick*" (the Pickwick Papers) và "*Câu chuyện kể về hai thành phố*" (A Tale of Two Cities).

Charles Dickens đã sáng tạo ra các nhân vật đặc biệt trong nền Văn Chương Anh, đã mô tả đặc sắc các cảnh sống và các địa danh khiến cho độc giả phải say sưa tìm đọc, bởi vì ông là một nhà văn nhận xét tinh tế về cuộc sống, hiểu biết tường tận về bản tính con người, nhất là giới thanh niên. Ông đã có cảm tình với các người nghèo, các người thiếu may mắn và ông đã chế riễu các kẻ ích kỷ, các kẻ tham lam và những người tàn nhẫn.

Charles Dickens cũng là một văn sĩ hài hước. Bản tính khôi hài và ân cần của ca nhân ông đã thể hiện qua các nhân vật trong các tác phẩm văn chương giá trị.

Charles John Huffam Dickens chào đời vào ngày 7 tháng 2 năm 1812 tại Portsmouth, thuộc bờ biển phía nam của nước Anh. Cha của Charles là ông John Dickens, là một thư ký cấp thấp của văn phòng hải quân, lãnh một số lương nhỏ mọn nhưng phải nuôi tám đứa con. Charles là con thứ hai trong gia đình. Khi Charles được 2 tuổi, ông John dọn nhà tới Chatham rồi về thành phố London và cư ngụ tại các xóm nghèo, mỗi lần dọn nhà lại qua một khu nghèo hèn hơn và cuối cùng, ông John và cả gia đình đã bị giam trong nhà tù Marshalsea vì nợ nần.

Khi còn nhỏ tuổi, Charles Dickens đã phải làm việc trong một nhà kho đổ nát, sống trên một gác xép tồi tàn trong thành phố London và vào mỗi ngày chủ nhật, tới thăm gia đình trong nhà giam. Những kinh nghiệm sống cực khổ này đã theo đuổi Charles Dickens suốt đời và được mô tả qua hình ảnh của nhân vật David Copperfield, với hình ảnh người cha yêu dấu là nhân vật Wilkins Micawber và cảnh sống trong tù qua tác phẩm "*Little Dorrit*".

Về sau, nhờ thừa hưởng một di sản nhỏ, gia đình Dickens đã được thả khỏi nhà giam và Charles được đi học cho tới tuổi 15, mặc dù thời gian cắp sách không đều đặn. Charles Dickens đã vĩnh viễn rời khỏi ghế nhà trường khi còn quá nhỏ tuổi, nhưng lại là một cậu thiếu niên ham đọc truyện: các câu chuyện thần tiên, truyện phiêu lưu và tiểu thuyết. Cậu đã bị ảnh hưởng bởi các nhà văn Anh của thời kỳ ban đầu như William Shakespeare, Henry Fielding và đặc biệt là Tobias Smollett. Nhưng phần lớn hiểu biết mà Charles Dickens thu thập được là do cách quan sát cuộc sống ở chung quanh.

Vào cuối thập niên 1820, Charles Dickens bắt đầu với nghề thư ký tại một văn phòng luật

sư, kinh nghiệm này khiến ông rất ghét luật pháp và đã diễn tả luật pháp một cách khôi hài qua tác phẩm "*Bardell vs. Pickwick*" hay một cách bi kịch trong cuốn truyện "*Ngôi nhà lạnh lẽo*" (Bleak House). Sau đó, ông trở nên một phóng viên báo chí, đặc biệt phụ trách việc theo dõi các tranh luận tại Quốc Hội và ông cũng viết một số bài báo khác. Nghề làm báo đã giúp ông phát triển cách quan sát, lối mô tả một cách tinh tế các nhân vật với những lời nói thường ngày, sát với thực tế và cũng nhờ đó mà ông viết văn nhanh hơn, rõ ràng hơn. Charles Dickens lại có khả năng của một nghệ sĩ là biết chọn lựa các sơ liệu của các điều quan sát, để rồi dùng cho các tác phẩm giá trị.

Charles Dickens đã sống tại thành phố London, học hỏi nhờ cuộc sống này và ông thường xuyên tới các rạp hát, theo dõi các vở kịch mang đầy đủ các đặc tính bi hài về tình yêu, tranh chấp, lừa dối… và đôi khi ông cũng theo học cách đóng kịch. Nhờ điều sau này mà Charles Dickens đã hấp dẫn người nghe trong các lần ông trình bày tác phẩm trước đám đông. Vào thời gian này, Charles Dickens si mê cô nàng Maria Beadnell, một cô gái trẻ, nhẹ dạ, nhưng cha của cô nàng đã ngăn cản vì chàng phóng viên trẻ tuổi Dickens thuộc về giới trung lưu cấp thấp. Sự liên lạc này đã không mang lại kết quả về tình yêu nhưng đã khiến cho Charles Dickens thể hiện dần dần tài năng của mình.

Năm 1832, Charles Dickens được mời cộng tác với tờ báo *"the Morning Chronicle"* và được yêu cầu viết một loạt bài phác thảo về cuộc sống. Ông đã dùng bút hiệu *"Boz"* là tên gọi trong gia đình của người em trai. Sau đó, ông đã tập hợp các bài viết đăng trên *"Tạp Chí Hàng Tháng"* (the Monthly Magazine) và *"Báo London Buổi Chiều"* (the London Evening Chronicle) thành một tác phẩm có tên là "*Các phác thảo do Boz*" (Sketches by Boz). Đây là chân dung của các nhân vật hư cấu và các chuyện ngắn trình bày về hoàn cảnh xã hội và thói đời của thời đại đó. Ngay từ khởi đầu, loạt bài báo này đã được phổ biến rộng rãi tới độ trong lịch sử văn chương của nước Anh, ít có nhà văn nào thành công như vậy.

Sự thành công của tác phẩm kể trên đã khiến cho nhà xuất bản Chapman và Hall đề nghị Charles Dickens viết về các nhà thể thao của câu lạc bộ Nimrod. Loạt bài mang tính khôi hài viết về các hội viên của câu lạc bộ thể thao đã được phổ biến vào tháng 11 năm 1837 rồi qua năm sau, được xuất bản thành tập truyện với tên là "*The Pickwick Papers*". Qua tác phẩm này, Charles Dickens đã mô tả các cuộc phiêu lưu và nghịch cảnh khôi hài trong các năm 1836 và 1837, của một nhóm các nhân vật hơi khác thường của thành phố London và của miền quê nước Anh. Charles Dickens trở nên nổi danh vào tuổi 24 và đã duy trì được danh tiếng này cho tới khi qua đời.

Tháng 4 năm 1836, Charles Dickens cưới cô Catherine Hogarth, một trong ba cô con gái xinh đẹp của một nhà báo. Đôi uyên ương dọn vào cư ngụ trong khách sạn Furnival nhưng rồi hai người đã không thông cảm được nhau, chàng thấy nàng đẹp và yên lặng nhưng thiếu thông minh, không đúng theo ý nguyện, còn nàng không nhận ra ở chàng một thiên tài và không biết rằng tính vị kỷ thường đi liền với thứ tài năng thiên phú. Họ có với nhau 10 người con và rồi ly dị nhau vào năm 1858.

2- Thời kỳ sáng tác.

Charles Dickens là nhà văn có năng lực thể chất và tinh thần rất xuất sắc. Ông đã có nhiều bạn

bè thuộc các thế giới nghệ thuật và văn chương. Khả năng sáng tạo ra các nhân vật mang nhiều kịch tính trong các tiểu thuyết của ông có thể do từ lòng yêu thích kịch nghệ. Các tiểu thuyết lớn vào cuối thập niên 1830 của Charles Dickens gồm các cuốn "*Oliver Twist*", *"Nicholas Nickleby", "Old Curiosity Shop*", và "*Barnaby Rudge*".

"Oliver Twist" (1837-39) mô tả cuộc phiêu lưu của một em trai nghèo, mồ côi. Cuốn truyện đặc sắc ở điểm đã trình bày một cách xúc cảm cái thế giới tội phạm của thành phố London đồng thời chỉ trích cách đối xử tàn nhẫn của nước Anh đối với giới nghèo.

Trong tác phẩm "*Nicholas Nickleby*" (1838-39), Charles Dickens công kích các ông chủ trường tư thục tham lam, đã đối xử với học sinh một cách tàn nhẫn và không dạy dỗ chúng được điều gì tốt lành.

Cuốn "*The Old Curiosity Shop*" (1840-41) không được thời nay ưa chuộng như thời bấy giờ khi mới được xuất bản, do bởi cái chết của Little Nell mang vẻ quá tình cảm. "*Barnaby Rudge*" (1841) là một tiểu thuyết lịch sử đề cập tới một loạt các rối loạn tại thành phố London năm 1780.

Vào thập niên 1840, Charles Dickens là nhà văn danh tiếng nhất của nước Anh, vượt qua nhà văn Walter Scott và ông Dickens đang tìm kiếm các thế giới độc giả khác để chinh phục. Do xuất thân từ giai cấp bần hàn, ông không ưa đảng Tory và thể chế độc đoán tại nước Anh nên muốn tìm hiểu Hoa Kỳ vì các tự do của miền đất mới này.

Vào tháng 1 năm 1842, Charles Dickens đã cùng vợ lên bến cảng Boston, Hoa Kỳ, sau khi để lại nhà bốn đứa con nhỏ. Thành phố Boston vào tháng này tưng bừng đón tiếp Văn Hào người Anh. Đã có các bữa tiệc tiếp tân, các lời ca tụng và trong số các nhà trí thức người Mỹ có cả các nhà văn danh tiếng như H. W. Longfellow, William Ellery Channing. Tiến Sĩ Oliver Wendell Homes là một trong các người đứng ra tổ chức.

Charles Dickens đã thấy ở Boston các tình bạn mà ông không bao giờ quên được, dù cho sau này ông có gặp vài điều cay đắng và ảo tưởng. Từ Boston, ông qua New York, nơi tổ chức một dạ hội khiêu vũ gọi tên là "*Boz Ball*", đông tới 3,000 người rồi thành phố Philadelphia cũng long trọng đón tiếp ông. Sau đó là thành phố Baltimore và Thủ Đô Washington, nơi Charles Dickens được gặp Tổng Thống John Tyler và Quốc Hội. Rồi ông tới thành phố Richmond tìm hiểu nền văn hóa miền nam của Hoa Kỳ. Ông cũng qua thăm miền Tây, tới tận Cairo thuộc tiểu bang Illinois rồi trở về Canada.

Charles Dickens là nhà văn thường lên tiếng chỉ trích các bất công xã hội. Vào thời kỳ đó, Hoa Kỳ hân hoan đón chào các tác phẩm của Charles Dickens, một phần bởi vì chưa có một luật lệ quốc tế nào về tác quyền và các nhà xuất bản Mỹ tự tiện in ấn và phổ biến các tiểu thuyết của ông mà không trả cho tác giả một chút lợi tức nhỏ mọn nào. Tại Hoa Kỳ, Charles Dickens đã lên tiếng về tác quyền và nói về sự bất công, không chỉ đối với chính mình mà còn đối với các nhà văn người Anh khác, đồng thời ông cũng cho biết chính ông Edgar Allen Poe cũng có các tác phẩm in ấn và bán tại nước Anh mà không được đền bù.

Trước các lời xây dựng công bằng này, các báo chí Hoa Kỳ thời đó đã tấn công ông Dickens và cho rằng ông đã lạm dụng lòng hiếu khách của Hoa Kỳ. Từ đó, các hình ảnh tươi đẹp về Hoa Kỳ, từng có trong tâm trí của Charles Dickens, đã phai lạt dần và các ác cảm cùng thất vọng về xứ sở Hoa Kỳ đã được ông thể hiện qua các bức thư gửi cho bạn bè, qua tác phẩm "*Các lời ghi chú về nước Mỹ*" (American Notes) xuất bản năm 1842 và qua cuốn truyện "*Martin Chuzzlewit*" (1844), một khảo sát về các hình thức ích kỷ cùng các lề thói thô kệch của người Mỹ với hai nhân vật đáng nói trong cuốn truyện này là Pecksniff, một con người đạo đức giả, và cô mụ Sairey Gamp, hay

say rượu và ngồi lê đôi mách. Theo cách nhìn của Charles Dickens, Hoa Kỳ chỉ gồm những người nhai thuốc lá, nuôi nô lệ để bóc lột giống như tại các cơ xưởng của nước Anh và chính quyền Hoa Kỳ mang vẻ xỏ lá và ăn cướp. Charles Dickens chỉ thấy lãnh thổ Hoa Kỳ là các cánh đồng lầy rất rộng chứa nhiều ếch nhái với các giòng sông mênh mông nhiều phà thuyền qua lại. Ông đã không nhận ra được dáng vẻ rực rỡ của một lãnh thổ bao la, hùng vĩ, không nhìn thấy sức sống đang bừng lên từ các miền đất mới, đang được khẩn hoang.

Sau khi từ Hoa Kỳ trở về, Charles Dickens là một nhân vật của thành công, thanh danh và các hoạt động từ thiện. Vào năm 1851, ông và gia đình sinh sống một cách sang trọng tại Tavistock Square và bạn bè của ông gồm các tác giả, các nghệ sĩ, các kịch sĩ hàng đầu của nước Anh. Ít lâu sau, ông lại mua nhà tại Gad's Hill và thực hiện được những tham vọng của thời niên thiếu.

Các văn phẩm của Charles Dickens dần dần xuất hiện hàng tháng và rất được phổ biến trong mọi giới độc giả của nước Anh và nhiều nước khác. Trong thập niên 1840, Charles Dickens đã viết năm cuốn truyện chuyên về Lễ Giáng Sinh. Cuốn đầu tiên "*Một Bài Ca Giáng Sinh*" (A Christmas Carol) là một trong các tác phẩm danh tiếng nhất trên văn đàn. Trong cuốn này, ba con ma đã cho anh chàng keo kiệt Ebenezer Scrooge thấy quá khứ, hiện tại và tương lai của anh ta và vì nhận thức được mình đang theo đuổi một lối sống tham lam, ích kỷ, Scrooge đã đổi thành một con người vị tha và thân thiện với các người khác. Các tiểu thuyết khác về Lễ Giáng Sinh gồm: "*Bộ Chuông*" (The Chimes-1844), "*Con Dế trong khu lò sưởi*" (The Cricket on the Hearth-1845), "*Cuộc Tranh Đấu của Đời Sống*" (the Battle of Life - 1846) và "*Con người bị ám ảnh*" (the Haunted Man -1848).

Vào cuối thập niên 1840, Charles Dickens đã nhìn vào xã hội của triều đại Victoria và có lẽ nhìn cả sang thế giới bên ngoài với vẻ bi quan hơn. Các mẩu chuyện khôi hài của ông thường mang hình thức châm biếm, chỉ trích. Các cốt chuyện và nhân vật trong chuyện có vẻ như nhấn mạnh về phía xấu xa của con người. Đồng thời với tư tưởng hoài nghi về lòng tốt của con người, Charles Dickens đã tinh luyện lại nghệ thuật viết văn của mình. Giọng văn của ông đã được khai triển và ông đã chú tâm hơn tới cấu trúc và cách xếp đặt cốt chuyện, nhân vật, tình huống… Ông hướng về các đề tài có tính tượng trưng hơn, để diễn tả và mở rộng các điều nhận xét cả về mặt chính trị lẫn xã hội, và ông không quên đề cập tới luân lý và các giá trị đạo đức.

Các tác phẩm kế tiếp của Charles Dickens gồm các cuốn: "*Dombey và con trai*" (Dombey and Son, 1846-48) qua đó tác giả cho rằng tính ích kỷ đã làm xa cách con người ra khỏi sự ấm áp của tình yêu nhân loại. Đây là tác phẩm đã làm rơi lệ cũng như gây nên nhiều tiếng cười nơi độc giả. Cuốn truyện nhấn mạnh về các thói xấu của thời đại Victoria, nhất là sự tôn sùng đồng tiền. Charles Dickens tin rằng đồng tiền vào thời đại này đã trở nên một thứ thước đo các tình cảm cá nhân và là mục tiêu của nhiều tham vọng.

Tác phẩm "*David Copperfield*" (1849-50) được coi là tiểu thuyết lớn lao nhất của Charles Dickens. Qua cuốn này, tác giả đã giảm bớt việc chỉ trích xã hội mà quay sang cách tự thuật về cuộc đời của chính mình. Cuốn truyện mô tả một người trẻ tuổi khám phá ra các thực tế của cuộc đời trưởng thành, và tuổi trẻ của David Copperfield là một phần hình ảnh lúc trẻ của chính tác giả.

Tác phẩm "*Căn nhà lạnh lẽo*" (Bleak House, 1852-53) cũng là một trong các tiểu thuyết cỡ lớn về nhiều phương diện, có cấu trúc phức tạp, mang nhiều cấp độ ý nghĩa và lẫn bên trong là các bình

luận về xã hội Anh cùng các lời châm biếm. Tác phẩm này cũng đề cập tới nhiều thói xấu, với các tu sĩ và các nhà đạo đức giả, trình bày các thủ tục pháp lý của nước Anh vừa phí phạn, vừa tàn nhẫn, và xã hội Anh đã mang các bệnh hoạn, lại đặc biệt thiếu trách nhiệm đối với các người nghèo và các người bất hạnh.

"*Các thời kỳ khó khăn*" (Hard Times, 1854) là một tác phẩm ngắn hơn và đơn giản hơn. Charles Dickens đã dùng truyện này để tấn công chủ thuyết thực dụng (utilitarianism) của nhà triết học Jeremy Bentham. Ông Bentham tin rằng mọi ý tưởng, hành động và các định chế của con người nên được cân nhắc theo "công dụng" của nó. Dickens lại cho rằng ông Bentham đã xét các liên hệ xã hội theo lợi ích vị kỷ, vừa lạnh lùng, vừa máy móc.

Viết ra thật nhiều tác phẩm để chỉ trích các thói xấu của xã hội Anh chưa làm cho bản chất của Charles Dickens thỏa mãn, và vì xuất thân từ nghề phóng viên, ông còn muốn là chủ biên của một tờ báo để cho công cuộc cải tiến được phổ biến sâu rộng hơn. Tháng 1 năm 1846, Charles Dickens làm chủ bút của nhật báo Daily News (Tin Tức Hàng Ngày) nhưng 19 ngày sau, ông đã phải rút lui vì công việc quá phức tạp. Năm 1850, Charles Dickens thành lập tờ tuần báo Household Words (Lời Gia Đình) rồi 9 năm về sau, lại chủ trương tạp chí All the Year Round (Quanh Năm). Cho tới ngày ông qua đời, Charles Dickens đã viết thêm các cuốn tiểu thuyết "*Các Câu Chuyện Giáng Sinh*" (Christmas Stories), "*Câu chuyện kể về hai thành phố*" (A Tale of Two Cities), "*Các Mong Đợi lớn lao*" (Great Expectations) cùng vài cuốn khác.

Qua tác phẩm "*Little Dorrit*" (1855-57), Charles Dickens tiếp tục chỉ trích tinh thần vật chất và thói trưởng giả dởm mà đại diện là gia đình Merdle và các người bạn của gia đình này, họ là những người tìm cách leo lên địa vị xã hội. Ông cũng chế nhạo sự bất lực của chính quyền Anh qua hình thức "*Văn Phòng Vòng Vo*" (the Circumlocution Office) và tác giả đã cố biện minh rằng nhà tù tượng trưng cho các điều kiện đau đớn của đời sống trong một xã hội vật chất đang thoái hóa.

"*Câu Chuyện kể về hai thành phố*" (A Tale of Two Cities, 1859) là tiểu thuyết lịch sử thứ hai, được dựng trên hai thành phố London và Paris và kể về sự anh hùng của nhân vật hư cấu Sidney Carton trong cuộc Cách Mạng Pháp.

Qua tác phẩm "*Các Mong Đợi Lớn Lao*" (Great Expectations, 1860-61), Charles Dickens trở về chủ đề khám phá ra các thực tế của đời sống. Nhân vật chính trong truyện là anh chàng trẻ tuổi, khá anh hùng, tên là Pip, đã được một người ẩn danh cung cấp tiền bạc để có thể sống như một nhà quý phái. Sự kiêu hãnh của Pip đã giảm bớt khi anh chàng hiểu rõ nguồn gốc của *"các mong đợi lớn lao"* của mình và nhờ xét lại các giá trị mà Pip biết đặt căn bản của cuộc sống trên tình cảm hơn là trên tài sản, trên sự khoe khoang và địa vị xã hội.

"*Bạn Tương Giao*" (Our Mutual Friend, 1864-65) là tiểu thuyết chỉ trích xã hội cuối cùng của Charles Dickens qua đó, ông đã tấn công các giá trị giả hiệu của các kẻ mới giàu có. Ông đã châm biếm lòng tham lam, dùng đống rác to lớn của thành phố London làm biểu hiệu của thứ tiền bạc bẩn thỉu. Cuốn truyện này cũng đáng kể vì đề nghị cách xử dụng giòng sông Thames.

Ngoài công việc viết tiểu thuyết, Charles Dickens còn đặc biệt quan tâm tới sân khấu. Nhiều vở kịch thời đó đã được soạn theo các tiểu thuyết của ông và đã có lần sau buổi trình diễn, Nữ Hoàng Victoria trẻ tuổi và Quận Công Consort đã yêu cầu được gặp mặt *"Ông Dickens",* một danh dự lớn lao, nhưng Văn Hào Dickens đã khước từ với lý do y phục của ông không đủ trịnh trọng cho việc trình diện trước Nữ Hoàng.

Charles Dickens còn tham gia vào các buổi diễn thuyết công cộng và đọc tác phẩm. Có hoạt động này từ khi ông đọc một trong các câu chuyện Giáng Sinh cho các bạn bè và họ đã tán thưởng nồng nhiệt. Ngoài ra, Charles Dickens còn thực hiện một số chuyến đi xa, trong nước Anh cũng như tới xứ Tô Cách Lan và Ái Nhĩ Lan, vào các năm 1858-59, 1861-63, 1866-67 và 1869-70. Ông cũng sang Hoa Kỳ lần thứ hai vào khoảng thời gian 1867-68.

Năm 1858, Charles Dickens ly dị với vợ. Người em vợ tên là Georgina Hogarth đã sống với vợ chồng ông từ năm 1842, vẫn còn tiếp tục chung sống với gia đình ông cho tới khi ông qua đời và trước khi chết, Charles Dickens đã viết di chúc, chia tài sản cho cả hai người phụ nữ này.

Charles Dickens viết được hai phần ba tác phẩm cuối cùng khi ông qua đời vào ngày 9 tháng 6 năm 1870, đó là cuốn tiểu thuyết "*Bí Mật của Edwin Drood*" (The Mystery of Edwin Drood). Không ai đoán được ý định của tác giả muốn kết thúc cuốn truyện này ra sao. Trong nhiều năm, nhiều người đã đề nghị các giải đáp cho điều bí ẩn của cuốn truyện.

3- Cốt truyện David Copperfield.

Bà Copperfield là một góa phụ trẻ đẹp khi David chưa chào đời, và khi đứa trẻ này được sinh ra thì bà cô giàu có, có tính tình bất thường, tên là Betsey Trotwood, đã nổi giận khi hay tin đứa bé không phải là gái. David được nuôi dạy trong một gia cảnh vui sướng, với chị giúp việc Clara Peggoty. Nhưng tuổi thơ thảnh thơi này đã bị gián đoạn khi ông Murdstone, một người đàn ông có bộ ria mép màu đen, đến tán tỉnh bà Copperfield. Vào lúc này, David về thăm làng quê Yarmouth của chị giúp việc Peggoty, đã gặp người anh làm nghề đánh cá của chị ta tên là Daniel, gặp cháu nuôi Ham và cháu bé gái Emily. Khi David trở về nhà thì ông Murdstone đã kết hôn với bà Copperfield và không lâu sau đó, người em gái Jane của ông ta cũng dọn vào, ở chung nhà. Ông Murdstone và cô Jane thường hay bắt nạt mẹ của David và khủng bố tinh thần David cho tới một ngày kia, David đã nổi điên, cắn vào tay ông Murdstone. Để trừng phạt hành vi này, David bị gửi tới một nhà trọ gần thành phố London, có tên là Salem. Dù sống trong hoàn cảnh bị hành hạ, David đã làm quen được 2 người bạn mới: Tommy Traddles là một thiếu niên đứng đắn nhưng chậm hiểu, còn James Steerforth là học sinh xuất sắc, lớn tuổi hơn và được David luôn luôn coi trọng.

Các ngày đi học của David đã bị gián đoạn khi có tin bà mẹ và đứa bé sơ sinh đều qua đời. Sau đám tang buồn thảm này, David không được quay trở về trường học nữa mà bị giữ tại nhà, sống lông bông không học hành trong khi chị giúp việc Peggoty bị sa thải, chị đã về quê và kết hôn với một chàng đánh xe ngựa tên là Barkis. Ít lâu sau, ông Murdstone cho biết đã chọn cho David một công việc làm trong nhà kho chứa rượu vang của ông ta. David mới 10 tuổi nhưng phải làm việc cực nhọc nhiều giờ một ngày để lấy vài shillings, 6 ngày một tuần, cùng với các trẻ em khác dơ bẩn, vô giáo dục. Trong thời kỳ u tối này, David chỉ có một niềm vui, đó là sự quen biết với gia đình Micawber nghèo khó, cùng thuê phòng trong tòa nhà. Nhưng khi gia đình Micawber này dọn đi nơi khác, David đã trốn đi mà không có tiền trong túi, tới tá túc nơi căn nhà tranh của bà cô Betsey tại Dover. Bà cô Betsey đã bối rối khi thấy đứa cháu rách rưới tới nhờ vả mình nhưng bà đã che chở cho David khi ông Murdstone đến tìm kiếm. Và mặc dù vẻ ngoài khó khăn, cô Betsey đã nhận nuôi David, đối xử tử tế và cho David theo học một ngôi trường khá quy củ. Trong thời gian này, David đã làm quen được một số người khác gồm có ông Dick, tính tình giản dị, sống cùng cô

Betsey, luật sư của cô Betsey là ông Wickfield với người con gái dịu ngọt tên là Agnes, và người thư ký hay nịnh hót Uriah Heep, ngoài ra còn có ông hiệu trưởng, Tiến Sĩ Strong, với bà vợ trẻ Annie và người bà con của bà này là chàng thanh niên hay tán tỉnh, tên là Jack Maldon.

David Copperfield đã lớn lên trong hoàn cảnh có các người quen biết kể trên và khi đã học xong, cô Betsey để David đi London chọn nghề. Tại thành phố London, David gặp lại người bạn cũ là James Steerforth và anh chàng này đã dẫn David về nhà, giới thiệu với bà mẹ giàu có cùng cô bạn gái Rosa Dartle. Bù lại, David cũng dẫn Steerforth về Yarmouth để thăm chị Peggoty và gia đình của chị này.

Trở lại London, David thực tập tại văn phòng luật sư Spenlow và Jorkins. David đã gặp cô gái trẻ đẹp Dora của ông Spenlow và đã say đắm cô này. David cũng gặp người bạn cũ Tommy Traddles khi anh này đang sống với gia đình ông Micawber. Khi David tới Yarmouth để dự đám tang của ông Barkis thì vào đêm hôm đó, Emily, người cháu cưng của chị Peggoty, người đã hứa hôn với Ham, đã trốn nhà đi theo Steerforth. Cả gia đình đã buồn rầu về rắc rối này nhưng rồi ông Peggoty đã đi tìm thấy Emily và đưa cô này về nhà.

Vào lúc này, David phải làm việc khá bận rộn để giúp đỡ cô Betsey. Bà này đã dọn về London, sống nhờ David khi mọi tiền bạc đầu tư đã bị thua lỗ. Trong cảnh lợi tức eo hẹp này, David vẫn âm thầm theo đuổi nàng Dora, cho tới khi ông Spenlow qua đời và cả hai người có thể tuyên bố hứa hôn. Nhưng ông Spenlow đã không để lại tài sản nào khiến cho David càng phải cố gắng làm việc, để có đủ tiền lo đám cưới. Chàng David làm thêm nghề phụ, đó là phụ tá cho Tiến Sĩ Strong, vị hiệu trưởng cũ, nay đã dọn nhà về London. David cũng theo học môn tốc ký và bắt đầu làm nghề tường thuật các vụ tranh luận tại Quốc Hội. Sau nhiều cố gắng, David đã có đủ tiền để cưới Dora, họ dọn qua một căn nhà bên kia đường, đối diện với nơi cư ngụ của cô Betsey.

Sau khi về sống chung, David đã khám phá ra rằng cô vợ của chàng là một người đàn bà không biết gì về nội chợ và không biết trách nhiệm. Vì vậy David đã tìm quên trong công việc và đã nổi danh về cách viết truyện. Cũng vào lúc này, David chứng kiến sự dàn hòa giữa Annie và Tiến Sĩ Strong. Gia đình này đã bất hòa vì sự tán tỉnh Annie bởi chàng Jack Maldon và David đã nghe Annie nói với Tiến Sĩ Strong rằng tình yêu đã cho nàng sức mạnh cùng sự khôn ngoan, điều này khiến cho David tự hỏi liệu hôn nhân của chính mình có thể sống còn hay không.

Sau vụ rắc rối tại gia đình Tiến Sĩ Strong, David nhận được tin từ Canterbury, cho biết cơ sở thương mại của ông Wickfield đã bị tên Uriah Heep chiếm đoạt khi tên này lại đang theo đuổi cô nàng Agnes. Ông Wickfield đã thất vọng và uống quá nhiều rượu, trong khi đó người đàn ông thường bị thất nghiệp là ông Micawber lại đang làm việc cho tên Heep, và không biết vì sao, tính tình của ông Micawber cũng đổi khác, nên đã đối xử với vợ vừa bí mật, vừa tàn nhẫn. Do lòng yêu quý ông Micawber trước kia, David đã cùng với Traddles tìm các chứng cớ để lật tẩy tên lường gạt, cứu nguy ông Wickfield và phục hồi một phần tài sản của cô Betsey.

David cũng giúp đỡ ông Daniel Peggoty tìm ra Emily. Cô nàng này trở về London và đã trở thành một người đàn bà tàn tạ. Cô ta và người chú đang dự trù di cư sang xứ Uc xa xôi để không ai biết được quá khứ của họ. Bà cô Betsey cũng khuyến khích gia đình ông Micawber nên bắt đầu một cuộc sống mới bằng cách di cư sang Uc và bà đã giúp cho ông ta một món tiền để ra đi dễ dàng.

Trở về London, David cùng với Agnes chăm sóc Dora đang lâm trọng bệnh nhưng cuối cùng, Dora cũng qua đời. Trong cơn đau buồn vì vợ chết, David đã giúp đỡ nhóm người di cư và đồng ý cầm

bức thư của Emily gửi cho Ham. Nhưng một trận bão tàn phá Yarmouth và David đã nhìn thấy Ham xông ra cứu giúp những người bị đắm tầu. Và David chứng kiến cảnh Ham bị chết đuối trong khi đang cứu nạn nhân cuối cùng là Steerforth. Thân xác của Steerforth trôi dạt vào bờ.

Sau khi nhóm người di cư đã ra đi, David qua Thụy Sĩ để tìm quên. Chàng bắt đầu viết một cuốn truyện kể lại các kinh nghiệm sống của mình. Chàng cũng nghĩ tới Agnes, cảm thấy yêu thương nàng và tiếc rằng Agnes từ trước chỉ mang một thứ tình cảm của người em gái. Khi trở về London, David cuối cùng đã bày tỏ tâm sự cùng Agnes và được biết rằng Agnes cũng yêu chàng. Họ lập gia đình với nhau, sinh con và sống với nhau trong hạnh phúc.

4- Vài tương đương giữa David Copperfield và tác giả.

David Copperfield được viết tắt thành D.C., là hai chữ viết ngược của C. D. hay Charles Dickens. David Copperfield là cuốn tiểu thuyết tự thuật với nhiều nét giống như cuộc đời của tác giả.

David bị bắt buộc thôi học khỏi trường Salem House và phải làm việc trong nhà kho của Murdstone và Grinley tại thành phố London. Dickens cũng rời khỏi trường Chatham và lao động trong nhà kho của James Lamert thuộc London.

David sống với gia đình ông Micawber, vì nợ nần ông này bị tống giam vào nhà tù King's Bench rồi chẳng bao lâu, gia đình ông ta cũng dọn vô nhà tù này. Tương tự, cha của Charles Dickens là ông John Dickens vì nợ nần bị tù trong nhà giam Marshalsea với gia đình sinh sống bên trong.

David lãnh việc thư ký cho văn phòng luật sư Spenlow và Jorkins rồi sau này học thêm tốc ký và trở nên thư ký Quốc Hội. Cũng giống thế, Charles Dickens làm nhân viên văn phòng luật sư Ellis và Blackmore vào năm 1827, học thêm tốc ký rồi lãnh chân thư ký của Quốc Hội vào năm 1832.

David bắt đầu viết văn, có sáng tác phổ biến rồi sau này, dồn toàn thời gian vào công việc viết truyện. Vào cuối năm 1832, Charles Dickens bắt đầu phác thảo vài mô tả về các đời sống trong thành phố London, với các truyện ngắn được phổ biến trên *"Tạp Chí Hàng Tháng"* (the Monthly Magazine) rồi sau lần thành công với tác phẩm Pickwick vào năm 1837, Dickens từ bỏ công tác phóng viên tường thuật cho tờ báo Morning Chronicle.

5- Vài nhận xét về Charles Dickens.

Charles Dickens là tiểu thuyết gia của nước Anh có các tác phẩm bán chạy nhất trong thế kỷ 19. Vào thời kỳ đó, đã không có các giải trí phổ thông như chiếu bóng, truyền thanh và truyền hình, đọc tiểu thuyết là hình thức giải trí chính và các tiểu thuyết không mang tính *"văn học"* nhiều như được đánh giá theo tiêu chuẩn hiện nay. Các tác phẩm của Charles Dickens được nhiều giới độc giả tìm đọc. Giới trí thức ưa thích các bình luận châm biếm vừa mang tính chính trị, vừa có tính xã hội. Giới trung lưu thấy các tiểu thuyết của Charles Dickens có chứa đựng nhiều hoàn cảnh tình cảm và các lời nhắn nhủ về đạo đức, còn giới nghèo cười lớn vì các phần khôi hài trong chuyện và họ theo dõi những lúc hấp dẫn. Charles Dickens đã nối được các nhịp cầu thông cảm tới mọi giai tầng của xã hội bằng các cốt chuyện ly kỳ, các nhân vật đa dạng và tới cuối đợt bài viết đăng trên các báo, là các cao điểm hồi hộp, gây ra nhiều thắc mắc, khiến cho độc giả phải tìm hiểu ở phần kế tiếp.

Charles Dickens đã dùng các tiểu thuyết của mình để cứu xét các vấn đề xã hội. Trong cuốn truyện *"Oliver Twist",* ông đã trình bày các điều kiện sống nghèo khó của những khu nhà ổ chuột. Ông chỉ trích các trường học tàn nhẫn, thiếu trách nhiệm của miền Yorkshire trong tác phẩm "*Nicholas Nickleby*", cũng như chê bai Tòa Án Chancery trong cuốn "*Bleak House*" (Căn nhà

lạnh lẽo). Charles Dickens còn phơi bày nỗi thống khổ của các trẻ em phải lao động quá sớm và chế nhạo các cải tiến nhà tù. Ông hướng về lòng từ thiện Thiên Chúa Giáo và các lý tưởng theo sự công bằng.

Các chỉ trích mang tính xã hội trong các tiểu thuyết đã làm cho danh tiếng của Charles Dickens được phổ biến, đã khiến cho giới trung lưu của thời đại Victoria tự coi rằng họ là các công dân phải quan tâm tới những vấn đề được nêu ra. Các tác phẩm của Charles Dickens mang nhiều yếu tố bi hài, bí ẩn, chỉ trích các thói xấu xã hội và mang cả đặc tính giải trí. Qua tác phẩm "*David Copperfield*", tác giả viết về cuộc đời của chính mình và khám phá bản chất của các cá nhân con người hơn là bản chất xã hội, còn phạm vi tâm lý được ông đào sâu qua các cuốn tiểu thuyết viết về sau, chẳng hạn như "*Little Dorrit*", "*Great Expectation*" (Các Mong Đợi lớn lao) và "*Our Mutual Friend*" (Bạn Tương Giao).

Charles Dickens là nhà văn quan sát rất nhậy cảm, ông đã đả kích nhiều loại bạo hành và lạm dụng của xã hội, ông mô tả trẻ em thiếu tình thương của cha mẹ, không được xã hội bảo vệ, ông trình bày hình ảnh của các trường học ghê tởm, nhiều loại hình luật tàn nhẫn với cách nhốt tù vì nợ nần, các khu nhà ổ chuột mất vệ sinh và từ nơi đây đã đẻ ra các kẻ phạm tội. Ông cũng nói tới cách đối xử tàn nhẫn với trẻ em và việc khai thác sức lao động của thiếu niên, sự thiếu an toàn trong nhà máy. Như vậy phải có nhiều sai trái trong trật tự xã hội và cần phải cải tổ các kẻ xấu cũng như các định chế xấu (badly-run institutions). Những chỉ trích này, theo George Orwell, không có tính chính trị hay kinh tế mà mang tính đạo đức (moral) và tác giả Dickens đã không đề nghị gì về hệ thống xã hội mới hay các định chế mới.

Thế giới của các tiểu thuyết do Charles Dickens sáng tác là một thế giới hư cấu, giống như chuyện thần tiên nhưng lại chứa đựng các cơn ác mộng. Đây là thế giới nhìn qua đôi mắt của một đứa bé, nó đã thấy sương mù dày đặc hơn, bóng tối đen sẫm hơn, các căn nhà cao lớn hơn, khu phố trống trải hơn và mang tính đe dọa. Charles Dickens cũng mô tả cách du lịch của thời đại với xe ngựa, xe lửa, quán trọ cùng các sinh hoạt của thời kỳ Cách Mạng Kỹ Nghệ (the Industrial Revolution) với hình ảnh của kỹ nghệ gia sẽ là chủ nhân của tương lai.

Các tác phẩm của Charles Dickens hàm chứa tính triết lý về các cách tranh đấu của con người trong các định chế xã hội và về phương diện này, ông xứng đáng được xếp hàng cùng với các nhà văn lớn như Herman Melville, Fyodor Dostoevsky và Franz Kafka. Các nhân vật trong các tiểu thuyết của Charles Dickens mang nhiều phong thái về màu sắc, năng lực, đời sống và biến hóa, thể hiện đầy đủ tính bi hài của đời người và độc giả đã tìm thấy các nhân vật đặc sắc tương tự trong các tác phẩm của Đại Văn Hào William Shakespeare.

Theo ý kiến của nhiều nhà phê bình văn học, Charles Dickens là nhà văn sáng tạo lớn lao nhất của nước Anh với tên và bản chất của các nhân vật trong tác phẩm không thể quên được trong lòng độc giả. Tính hài hước trong các tác phẩm của ông thật là độc đáo, bởi vì ở sâu phía dưới còn thể hiện lòng nhân từ, biết thương sót kẻ khác.

Hiện nay, các tác phẩm của Đại Văn Hào Charles Dickens vẫn được độc giả khắp nơi tìm đọc và vào tháng 12 mỗi năm, cuốn truyện "*Một Bài Ca Giáng Sinh*" (A Christmas Carol, 1843) thường là một món quà đặc sắc của Mùa Lễ Giáng Sinh./.

PHẠM VĂN TUẤN
(Virginia)

TIN MỪNG

Được hỷ tín Ông Trần Gia Thái

(Học Giả TS Trần Bích San)

và Bà Tạ Thị Kim Loan đã làm lễ vu qui cho

Trưởng Nữ là

CATHERINE TRẦN

đẹp duyên cùng

HARRY EDWALD FELLOWS

thứ nam Ông Bà George W. Fellows

Thứ bẩy ngày 3 tháng 1 năm 2009

tại New Orleans, Lousiana.

Trân trọng chúc mừng anh chị Trần Bích San.

Chúc hai cháu Catherine và Harry trăm năm hạnh phúc,

sắt cầm hòa hợp.

Toàn thể văn thi nghệ sĩ

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

HOA VÀ XUÂN

Thơ : *Phan Khâm*
Nhạc : *Vĩnh Điện*

Nhịp vừa (nhiệt tình, thắm thiết)

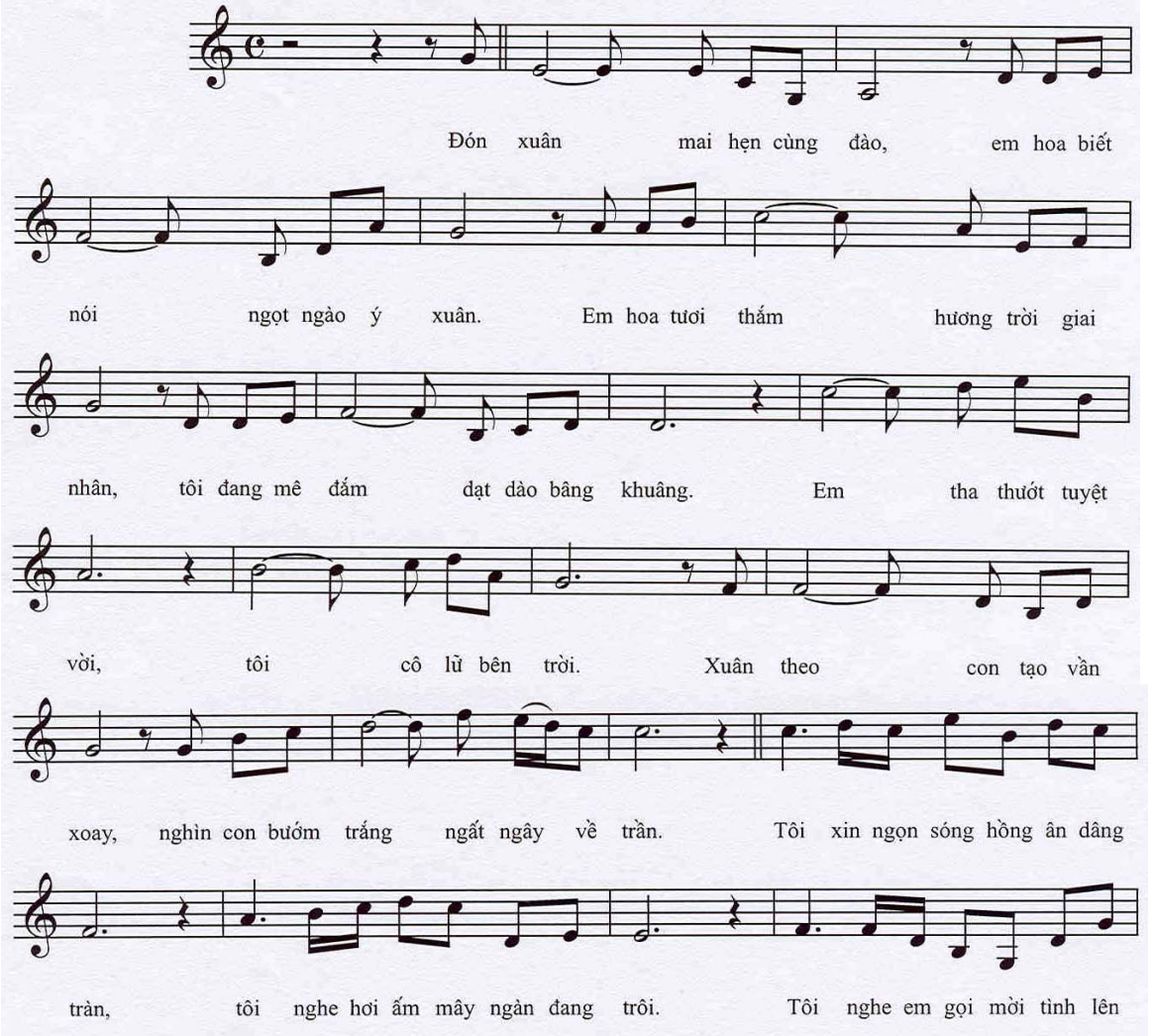

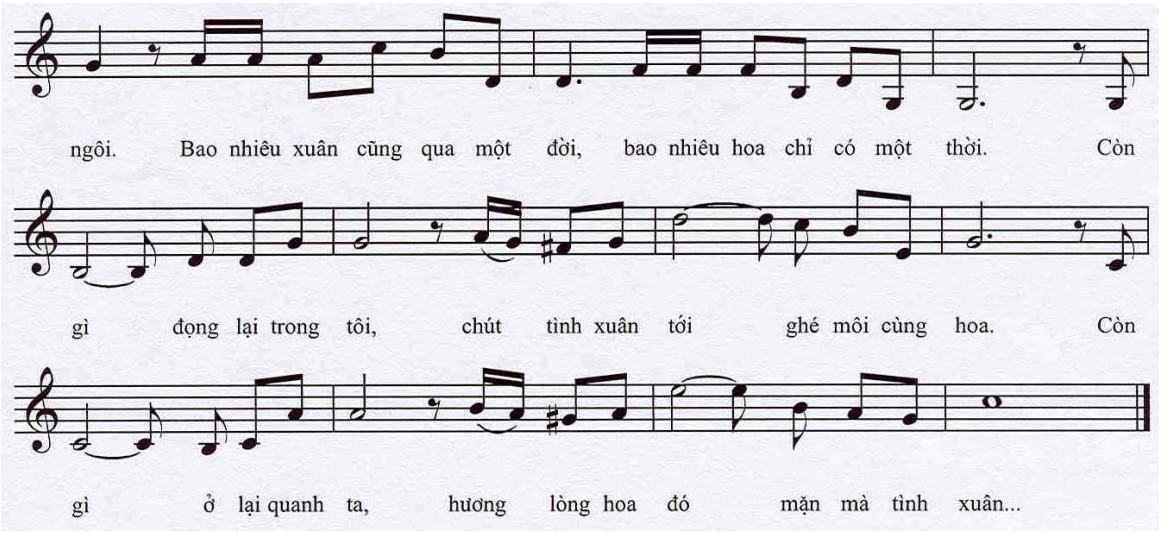

PHÒNG MẠCH
BÁC SĨ VÕ ĐẠM
591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454

BÁNH CHƯNG NAM MỸ

DIỆU TẦN

Chàng nhận được thư nhà, biết rõ được sự thật mà chàng đã đoán biết sẽ xảy ra. Không còn nổi giận được nữa, chỉ còn lại nỗi buồn thấm thía. Thật ra chàng cũng có lỗi trong vụ này, lỗi của một người đàn ông một thời lãng mạn. Giờ đây, điều cần nhất là chàng phải đưa được hai đứa con sang bên này, trong khi người đàn bà, vợ chàng, nhất định không chịu qua, đòi ly dị và cố chéo kéo giữ chúng lại. Hai đứa con là một thứ con tin để vừa moi tiền vừa để trả thù tình cảm.

Đó là chuyện chàng phải đối phó với người bên kia đại dương. Tại đây chàng cũng bận tâm đối phó với một người đàn bà. ^Tên nàng là Martinez, cũng như chàng là dân nhập cư, có điều cha nàng nhập đất Mỹ thuộc thế hệ thứ nhất, nàng là nhị thế. Tuy là một dân Mỹ trăm phần trăm, nhưng đầu óc nàng vẫn đặc sệt chất Mỹ La tinh. Chừng ngoài ba mươi, đã có bằng cao học về giáo dục ở một nước Nam Mỹ. Chàng cười về bằng cấp của nàng, có lần bị nàng giận trợn mắt cự:

- Mỗi xứ có một nền giáo dục riêng, anh không nên cười mỉa mai như thế!

Bởi chàng biết có nhiều giáo sư gốc Nam Mỹ, trên bằng cấp tự xưng là Doctor, tương đương như Ph. D. của Mỹ, nhưng trên thực tế, thời gian học cũng như trình độ chỉ cao hơn B.S., B.A. chút xíu thôi. Khổ nhất cho chàng là khi nghe họ nói tiếng Anh, chàng và các bạn Á Đông không hiểu họ nói thứ tiếng gì, chỉ thấy họ cong lưỡi phát âm có nhiều giọng R quá. Matinez thì không thế, nàng xổ tiếng Anh lưu loát và đúng mẹo luật như một Mỹ da trắng sinh sống lâu đời ở đây. Do đó có lần nàng trả đũa chàng:

- Anh nói tiếng Anh như dân Avignon Pháp nói tiếng Anh vậy.

- Đúng thế, vậy mà có người khen là sang đấy, là rất Âu châu đấy!

Lời khen lịch thiệp này là của chính Martinez ban tặng chàng trong buổi sơ giao

Nàng nói:

- Nghe anh nói tiếng Anh, em nghe như đâu đây nét thanh lịch của dân Paris!

Những gì của Âu châu là Martinez khen lấy khen để, còn cái gì của Mỹ đều bị nàng chê hết. Tây ban nha là nhất, Bồ đào nha là nhất. Nàng góa chồng, tác người cao lớn, nước da ngăm đen. . Chàng bỏ qua khuyết điểm này để thấy rõ ưu điểm là nàng có cặp chân mày rậm, mi cong vút và mái tóc thật dầy mầu nâu sẫm, nói chung là nàng có duyên thầm. Một khuyết điểm khác là cách phục sức và trang điểm của nàng quá xuề xòa. Chàng có lần nhắc khéo nàng về chuyện này, nàng trả lời:

- Em không phải là người mẫu hay một tài tử chiếu bóng. Em như thế đó, anh có chịu thì chịu, không chịu anh đi tìm người khác đi!

Chàng nhớ lại buổi mới gặp nhau, trong một buổi hội thảo về ngôn ngữ. Nàng đại diện cho ban Tây ban nha, thuyết trình về *Tiếng tây ban nha tại Nam Mỹ*. Trong phần góp ý, chàng có khen những chi tiết trong bài là phong phú, nhưng cũng đưa ra nhận xét là vấn đề rộng lớn quá. Giống như đề tài tiếng Anh ở chính quốc với tiếng Anh lai thổ ngữ tại các xứ thuộc địa Anh cũ; tiếng Pháp ở Paris với tiếng Pháp của các dân tộc hải đảo Thái Bình Dương và Phi châu. Nàng cám ơn và nhận điều nhận xét đó là đúng.

Đến lượt chàng, muốn bầu không khí tươi lên, chàng đưa ra nét biến chuyển tài tình của tiếng Việt, tuy có nhược điểm là không chia động tự

được, nên thiếu chính xác về thời gian. Chàng đưa câu ví dụ ngắn ngủi của linh mục giáo sư Lê Khắc Lý: *Sao không bảo nó đến?* có thể đảo vị trí để tạo thành 25 câu nghĩa hoàn toàn khác nhau: *Nó đến sao không bảo; đến sao không bảo nó*?……Tiếng Anh, tiếng Pháp dịch năm chữ này của Việt Nam thành những câu khá dài. Câu chuyện ngắn của chàng đã gây được nhiều tiếng cười thích thú và một tràng pháo tay giòn giã.

Vào giờ nghỉ uống cà phê, Martinez đến làm quen, bắt tay chàng, khen:-

- Ngôn ngữ nước ông lạ thật, và ông đã cho chúng tôi nghe một bài nói chuyện bổ ích. Rồi nàng nói tiếp:

- Ông có tài nói trước đám đông, còn mấy ông già kia- nàng hất hàm về phía một vài người Trung Đông và Đông Âu khác – thú thực với ông, họ nói tôi chẳng hiểu gì hết!

- Cám ơn bà có lời khen, tôi chỉ nói ra những điều có thực …

- Cứ gọi tên tôi cũng được, tôi sống độc thân.

Rồi nàng rủ đi ăn sáng, ăn trưa, nàng ra chiêu trưiớc, đến khi được mời đến nhà ăn tối, mối thân tình coi bộ khó gỡ cho ra. Tối hôm đó, nàng đãi một bữa thịnh soạn theo kiểu Nam Mỹ, có rượu vang, rồi cuối bữa là sâm banh. Đứa nhỏ đã ngủ yên trong phòng riêng, người coi trẻ về từ chiều, Martinez và chàng hòan toàn tự do. Má nàng hồng lên vì men rượu, một điều ít thấy, bởi nước da nâu, giọng nàng vốn trầm và mạnh, lúc này đượm vẻ lãng mạn:

- Em tưởng em chỉ thích anh thôi, nhưng em nhầm, em yêu anh.

- Cám ơn em …

- Bỏ cái giọng khách sáo đó đi. Thật khó hiểu quá, tại sao lại yêu anh?

Rồi nàng vòng ra sau ghế, bóp vai chàng, không cần đợi chàng trả lời, cúi xuống hôn chàng, nụ hôn có hơi rượu và mùi thịt bò. Tuy hãnh diện hấp dẫn được người khác phái, nhưng chàng hơi ngạc nhiên và hơi bất mãn là không ứng dụng được nam tính của mình là chinh phục là tấn công trước.

Có đến năm năm chàng không gần gụi phụ nữ, muốn sống đời tu hành, bận đấu trí với vợ bên nhà, lo lắng cho hai đứa con còn vắng mặt, lo đọc sách, dạy học. Giờ đây bị tấn công trước, chuyện xảy ra không phải lỗi ở chàng. Dường như lúc đó chàng có ú ớ phản ứng sao đó, nhưng có hơi men đồng lõa, bản năng đàn ông trỗi dậy.

Chàng đáp lễ bằng một nụ hôn mạnnh bạo, sau đó chuyện phải xảy ra đã xảy ra. Chàng biết trước là nàng sẽ đa tình lắm. Bởi Martinez cao bằng chàng, thân hình thật chắc chắn, mái tóc rậm. Nàng hoàn toàn chủ động, chàng chỉ còn nước chịu trận.

Nàng thở mạnh và bảo:

- Đêm nay ngủ lại đây với em.

- Anh phải về, sáng nai còn chấm thi cho sinh viên …

- Ồ mặc xác đám sinh viên. Đừng nói đến công việc làm ở đây. Anh sống cô đơn mãi chưa chán sao? Em cũng vậy …

Có lần nàng tâm sự – chưa bao giờ nàng nói nhiều như thế- cuộc sống lẻ loi với một đứa con nhỏ, với công việc không đủ lấp chỗ trống thời gian và tâm hồn em. Nàng ứa nước mắt, nàng khóc thật sự, từ khi quen nhau chàng chỉ biết nàng là người quyết đoán, dứt khoát, không ngờ nàng cũng giàu tình cảm. Em sẽ phải sống buồn chán đến bao giờ? Đến mãn đời chăng? Chàng bị bất ngờ và thấy hơi hài trước tấm chân tình của nàng. Là người đàn bà sống và làm việc bằng lý trí, thông minh, nàng hiểu ngay:

- Em thành thật bị anh cười, em cũng cứ nói, em cần nói. Nhưng coi chừng, đừng đùa với em, không dễ đùa đâu!

Chết thật, khi không mắc vào cái vòng, cái lưới rắc rối tơ vò này. Được yêu thương mà sợ toát mồ hôi! Chàng đã bắt đầu thấy hệ lụy ái tình từ từ xâm chiếm đời sống vốn buồn nản nhưng tự do của chàng. Chàng từ từ, vừa vùng vẫy để thoát

khỏi, vừa thụ động lười biếng nằm im hưởng cái thú vị trên tấm lưới êm ả do Martinez tung ra. Càng gần nàng chàng càng thấy không nên đùa rỡn với người phụ nữ gốc Nam Mỹ này. Ánh hưởng nàng bao trùm lên đời sống độc thân bắt buộc , đôi lúc chàng thấy thiếu tự do. Chàng phải lên tiếng:

- Thì em cũng phải cho anh thoải mái một chút, phải cho anh có đời sống riêng của anh chứ!

Nàng nghiêm trang đáp:

- Anh ích kỷ lắm. Em biết anh vẫn chưa thật lòng yêu em đâu. Nhưng rồi em sẽ thắng, anh phải yêu em, thật đó! Em không thích người Mỹ sống lâu đời ở đây, họ máy móc và bủn xỉn lắm, họ thực tế quá mức đến nỗi em phát sợ. Còn đàn ông Nam Mỹ, em hiểu quá rồi, tuy giầu nam tính, nhưng phần đông thô lỗ, ồn ào, vô tích sự. Em vẫn dành rất nhiều thì giờ cho cho anh đấy chứ, nghĩ lại coi.

Đúng thế chàng chỉ cần có mặt ở nhà nàng vào những ngày lẻ, kể cả thứ bảy. Có rất nhiều thì giờ để nghe nhạc, viết thư cho các con, gọi điện thoại về Việt Nam, soạn bài, chấm bài …không bao giờ nàng quấy rầy chàng vào những ngày chẵn và ngày chủ nhật. Nàng tính cũng gọn:

- Anh cứ việc bảo lãnh hai đứa con anh, sang đây ở luôn nhà này. Em sẽ luyện giọng Mỹ cho chúng, em sẽ coi chúng như con em, cũng như anh coi đứa nhỏ kia là con anh...

Cái đó mới phiền, gỡ không ra. Cảnh c*on anh và con em đánh con chúng ta*, một ngày nào đó sẽ diễn ra.

- Anh khỏi phải thuê phòng riêng nữa. Người Nam Mỹ và người Á Đông *ăn hết nhiều, ở hết bao nhiêu.* Anh và em sẽ chung tiền nhau nới thêm phòng ngủ nữa cho đủ ở. Em sẽ, em sẽ…, nàng đưa ra nhiều chương trình ngắn hạn và dài hạn.

Tấm lưới ngày càng thắt lại, chậm mà chắc. Ở chỗ làm việc, đồng nghiệp coi chàng và Martinez là vợ chồng rồi. Chuyện đó đối với họ quá thường, xảy ra rất nhiều, chẳng có gì phải tò mò. Việc đối phó với tình hình, đầu tiên là phải làm sao không có con với Martinez. Việc thứ nhì là phải về Việt Nam chuyến đầu tiên và là chuyến chót để đưa hai đứa con qua bên này. Khó khăn nhất, là phải thoát ra khỏi ảnh hưởng và sự quyến rũ của nàng, không còn ở cảnh thơ mộng nữa mà là tình nghĩa vợ chồng. Martinez nói:

- Em không nghĩ là anh sẽ mau chán em đâu. Yêu anh, em thiệt thòi hơn anh nhiều. Tùy anh, em không cần cầu xin tình yêu. Em không bao giờ bỏ anh trước, em nghĩ anh không phải là những người dân bản xứ, thay bạn tình như thay áo. Nếu anh xa em, em sẽ sống một mình suốt đời để gậm nhấm cái lầm lẫn, đánh giá sai con người.

Nàng không khóc lóc van xin, chàng đâu phải là triệu phú cao sang như một ông hoàng, cũng không dữ dằn đe dọa. Nàng cứ từ từ, đằm đằm tiến tới. Nàng nấu cơm nồi điện, ăn ớt cay hơn cả chàng, tập luộc bún để nấu bún bò Huế. Có một món mà chàng không thể nào ăn được là món rau xương rồng. Khi cần, nàng nốc bia Corona và rượu Taquila với muối, chàng cũng phải đầu hàng. Nàng tìm hiểu phong tục, tập quán Việt Nam không vì tò mò tìm hiểu, mà để thắt mối giây cho chặt hơn.

Chàng nghĩ đến cách rời bỏ thị trấn này để kiếm một việc làm khác, nhưng thời buổi khó khăn, tìm được viêc làm đúng với khả năng, ý thích không phải dễ…. Điểm đặc biệt ở Martinez là khi gần nhau, nàng quá tích cực, buông thả hết mình khiến chàng vừa hài lòng vừa e ngại.

Một bạn đồng hương bảo chàng:

- Cỡ cô ấy là anh ban đêm phải cao tay lắm mới trị nổi.

- Sao anh đoán như thế?

Chẳng phải thày tướng số tôi cũng biết. Mái tóc rậm, giọng nói đục, khào khào là dữ lắm! Phải tẩm bổ vào cho lại sức nhé!

Chàng giật mình, ngó trong gương và đứng lên cân biết mình đã xuống ký. Nếu có chểnh mảng là nàng biết ngay và cho rằng chàng đãbớt yêu mình đi. Nàng lả lơi, dí tay vào trán chàng, bảo:

- Câu nói *Tối nay anh nhức đầu* là dành cho đàn bà, không phải cho anh đâu. Anh đừng có giả vờ, đừng có làm biếng!

*

Trong thâm tâm chàng chưa yêu Martinez nhưng có nể vì và quý nàng chân tình thổ lộ và rât thẳng thắn. Khác với một vài người đàn bà da trắng chàng đã có liên hệ. Họ chỉ lợi dụng sức khỏe và tiền bạc của chàng. Họ giả bộ sôi nổi nồng nhiệt, nhưng khi chán, rời bỏ chàng ngay, rất thản nhiên, rất vô tâm. Martinez không thế, nàng rất Á Đông. Nếu nàng như mấy người kia, thật dễ cho chàng giải quyết. Một hôm chàng chỉ nói bâng quơ là thích mái tóc dài mầu đen, nàng lẳng lặng nuôi tóc và hôm đó dành cho chàng một ngạc nhiên. Mái tóc nàng vốn mầu nâu đã nhuộm đen bóng! Chàng quên và chưa hiểu, hỏi:

- Bây giờ em thích theo mốt rồi, phải không?

Nàng nhăn nhó:

- Anh quên, anh đã nói là thích mái tóc đen dài phụ nữ nước anh rồi à? Anh không khen em, còn hỏi nữa!

Chàng phải xin lỗi, không ngờ nàng chiều mình đến như vậy. Về giải trí, cả hai cùng có sở thích ưa đọc sách, nghe nhạc cổ điển và nhạc nhẹ tình cảm. Cho nàng thưởng thức những bản nhạc buồn Việt Nam, Martinez phê bình:

- Tuy không đơn điệu và thê thiết như nhạc Mỹ Da Đỏ, sao em nghe thấy buồn thảm quá. Hèn chi nước anh bị đô hộ hàng trăm năm, hàng nghìn năm. Dân nước chậm tiến là như vậy đó. Cũng như dân nước em và rât nhiều nước Trung Nam Mỹ lời nhạc cũng buồn lắm, tuy nhạc thì ảnh hưởng từ Tây ban nha. Dân bị trị, dân mất nước thường có những nét nhạc buồn. Nhưng em rất thích nhạc dân dã rất độc đáo nước anh.

Từ chuyện âm nhạc, nàng nhảy sang chuyện chính trị, chê trách Mỹ. Nàng nói Mỹ đối với các nước tại châu Mỹ theo chính sách sân sau, sân nhà rất kẻ cả và trịch thượng. Cũng như cung cách đối xử với các nước đồng minh. Chắc anh thừa hiểu có nhiều loại đồng minh, như với Anh, Pháp, Nga là loại một, còn các nước nhược tiểu tiếng là đồng minh, nhưng chỉ ở vào loại ba thôi. Đã từ lâu chàng cố quên biến cố 1975, quên đi quá khứ đau buồn, nghe gợi lại, chàng thở dài. Đó cũng là khía cạnh giữa chàng và và nàng có mối đồng cảm, chưa kể cả hai đồng nghiệp, nghề *gõ đầu trẻ lớn,* có những câu chuyện, những vấn đề chung để trao đổi.

Nàng tấn công lối giáo dục tại Mỹ. Cũng như chàng, cho rằng nhất tự vi sư, bán tự vi sư, thày là thày, nhưng quan niệm mới, thày chỉ là bạn, là anh, chị. Với trẻ nhỏ, nàng trách nhà cầm quyền không trực tiếp can thiệp để học sinh xem ti vi nhiều giờ hơn là giờ học ở trường ở nhà. Với sinh viên, chủ trương để sinh viên phê bình giáo sư quá trình độ của họ và dựa vào đó để đánh giá giáo sư là điều trái ngược. Người ta chủ trương thày phải thật giỏi, tri thức phải cập nhật hóa, nhưng quên đi là cũng cần phải có sinh viên giỏi, chăm, cần tuyển lựa sinh viên. Thậm chí coi người thày chỉ là người đứng bán món hàng hiểu biết, trò là khách hàng, khách hàng chê là thày thất nghiệp, thày đói. Thật ra thời buổi bây giờ, đó là sự thực chua xót, nhưng không chối cãi được.

Nàng khá bảo thủ, trong khi chàng buồn nhớ lại chuyện học hành thi cử hiện nay, thày cô bỏ lớp kiếm việc làm dễ sống hơn, trò bỏ học đi kiếm cơm trước đã, ở bên nhà. Chàng trêu nàng:

- Em là thế hệ thứ hai ở đây rồi, chưa Mỹ hóa à?
- Mỹ hóa tùy từng cái chứ!
- Em bảo thủ trong lớp học nhưng không bảo thủ trong phòng ngủ.

Nàng xấu hổ và bất hợp tác mất một tuần. Martinez hay hỏi chàng về phong tục tập quán Việt

Nam. Áo dài, nón lá, nước mắm, nàng biết rồi, còn biết cách chế biến nước mắm ra sao nữa. Còn món chả giò nổi tiếng thế giới, nàng học cuốn và chiên mãi chưa thành công mà chiếu cố tận tình! Câu tục ngữ *vắng chúa nhà, gà mọc đuôi tôm*, hay *vắng chủ nhà, gà vọc niêu tôm*, nàng hiểu cả hai nghĩa, và còn biết cái *nồi* khác với cái *niêu* ra sao.

Năm đó gần Tết nguyên đán, chàng có dịp giảng cho nàng nghe khá nhiều về phong tục tết Viêt Nam, chàng hài lòng đã có một trò thông minh mau hiểu. Càng về gần cuối năm chàng càng bị giằng co, chọn lựa là nên *dứt giây chuông* hay thắt chặt giây chuông. Đúng là cảnh bỏ thì thương, vương thì tội, cũng như chàng hiểu rõ được nghĩa câu quen hơi bén tiếng. Đi vấn kế bạn bè, họ bầy cho nhiều giải pháp mà chàng không thể dùng được:

Chàng sẽ nói dối với Martinez là vợ chàng đã hòa lại với chàng, bằng lòng cho bảo lãnh qua cùng với hai đứa con, nên buộc lòng phải xa cách nhau…. Không, chàng không thể nói dối, không thích nói dối như thế muốn thành thực với lòng mình và với Martinez, một cô giáo có cá tính mạnh, trực tính.

Qua hai ngày lễ Tạ Ơn và lễ Giáng Sinh, nàng cho chàng thưởng thức món ăn Mỹ chinh hiệu con nai vàng, chàng no đến tận cổ, ớn mùi món ăn Mỹ đến mang tai. Hai đêm đó chàng ở lại và là đêm của nàng, nàng chủ động như hỏa diệm sơn. Sáng hôm sau nàng gật gù:

- Còn ngày Tết âm lịch của anh nữa đấy…

Nàng bỏ lửng và nở nụ cười bí mật. Đã trải qua nhiều cái Tết vô vị trên đất Mỹ, chàng thờ ơ, rồi bị công việc cuốn hút, chàng cũng chẳng nhớ ngày nào là mùng một Tết.

Sáng thứ Tư , chàng nhận được cú điện thoại, giọng nàng vui vẻ:

- Hôm nay là ngày thứ Tư, ngày chẵn của anh, nhưng cứ ghé em đi. Anh sẽ nhận được món quà Tết.

Mình tệ quá, Tết nhất mà chẳng nhớ, chẳng chuẩn bị đón Tết

Cảnh vật cũng không báo tin gì cho biết là sắp đến ngày đầu năm thiêng liêng. Con người ở thị trấn quê người này cũng dửng dưng. Chàng như lây nỗi mừng vui của cô bạn. Chàng diện đồ lớn để chứng tỏ vẫn giữ phong tục, hãnh diện bởi có người thương yêu mình, biết nhớ đến ngày Tết cổ truyền. Chàng nhớ là đã giảng nghĩa nhiều về những tục lệ Tết cho Martinez nghe. Trên đường lái xe, chàng nôn nao nhớ lại những kỷ niệm Tết hồi còn ở Sài Gòn, ở trại tị nạn Mã Lai..

Đến nơi, bấm chuông, có tiếng nàng vọng ra:

- Chờ một phút!

Chàng phải chờ đến ba phút cửa mới mở. Một khung cảnh đầm ấm chờ đón chàng. Đèn sáng trưng, góc phòng khách bày một chậu đào lùn miền nam, trên bàn một bình hoa cúc khoe sắc vàng thắm. Nàng tươi cười trong tấm áo dài gấm mầu đỏ sẫm bông vàng.

Thằng Joe, con nàng đứng kia trông hoàn toàn khác lạ trong áo dài màu xanh lam, hơn nữa trên đầu còn có chiếc khăn xếp cùng màu ngộ nghĩnh.

Chàng ngạc nhiên sung sướng. Nàng bước lại gần chắp tay nói, giọng lơ lớ:

- *Chôốc mừng nam mứi*!

Chàng quá hài lòng, ôm lấy nàng để khen thưởng, bị nàng đẩy ra và nói bằng tiếng Anh:

- Ấy, không được. Người Việt đâu có ôm hôn vào ngày Tết?

Chàng hơi ngượng, nàng nói tiếp:

- Anh mừng tuổi cho cho thằng Joe đi.

Chàng lúng túng, vì không chuẩn bị, rút ví tiền đưa tờ 5 đô la cho đứa nhỏ. Nó nhận tiền, nói cám ơn rồi quay đi chạy biến vào trong.

Bấy giờ nàng mới ôm chàng, âu yếm hỏi:

- Anh thấy thế nào, đã đúng với phong vị Tết Việt Nam chưa?

- À, à, em giỏi quá. Em là một học trò có trí nhớ tốt, thông minh.

- Tối nay em cho anh thưởng thức món ăn quê hương. Nhưng em không phải là đầu bếp giỏi, ăn

không đúng vị cũng phải khen đó. Em làm bánh dầy và gói bánh chưng. Lại đây, mời anh ngồi.

Nàng lăng xăng, đon đả, đưa tay ngón tay dứ dứ:

- Anh chẳng nhớ gì cả. Anh đã nói là tiền lì xì phải bỏ vào chiếc phong bì nhỏ mầu đỏ kia mà!

- Anh xin lỗi. Đã lâu lắm rồi anh có mừng Tết đâu.

- Đó là lỗi ở chính phủ Mỹ – nàng khôi hài – anh không có lỗi vì họ bắt anh đi làm vào ngày thiêng liêng. Thôi, xem món bánh chưng này có được không, anh?

Trên bàn ngoài mấy món ăn tây phương, chàng thấy một chiếc bánh trông giống như bánh chưng. Hỏi ra mới biết là nàng lấy gạo nếp nấu cơm nếp, rồi xới ra, bọc giấy bạc, hấp lên, xong dùng phẩm làm bánh màu xanh quét bên ngoài bánh. Bên trong cũng có nhân đậu xanh và thịt heo. Khổ nỗi thịt nếm như thịt luộc nhạt thếch, nhân đậu chưa chín, nàng đã bỏ vào máy xay nhuyễn bét, nhai sậm sựt.

- Em không kiếm được lá chuối, nhưng cũng có màu xanh đó chứ. Ngon không , anh?

Chàng phải gật đầu nói dối:

- À, à, ngon lắm!

Đã hết ngạc nhiên, con người kén ăn như chàng đã tắt nụ cười. Còn thứ bánh gì kia nữa? Chàng tự hỏi.

- Đây là bánh dầy, bánh dầy hình tròn tượng trưng cho Trời, bánh chưng hình vuông tượng trưng cho Đất, có đúng không?

Thứ bánh muốn tượng trưng cho Trời được tạo nên bằng *glutinous rice*, dĩ nhiên, ngó mới thảm hại làm sao. Martinez em ơi, em thương anh thì có thương thật đấy, nhưng sao em bôi bác văn hóa phong tục nước anh quá vậy? Bánh gì nát nhão, lởm chởm trông phát ớn thế em ơi!

Thấy chàng nhướng mắt ngó thứ gì tròn tròn trên bàn, nàng thôi cười, giải thích

- Lần đầu tiên làm bánh dầy em chưa có kinh nghiệm. Cơm nếp dính quá, xay không nổi!

Chàng tự an ủi: thôi, được thế này là may lắm rồi, cốt ở tấm lòng thành. Chàng vỗ về nàng:

- Em giỏi lắm, anh mới thật đoảng. Cám ơn em đã cho anh sống lại những giây phút xa xưa vào ngày Tết cổ truyền.

Nói xong chàng ứa nước mắt, chàng đã nói thật và tưởng như đang nói với vợ chàng trước năm 1975. Qua giây xúc động, bỗng nhiên chàng cảm thấy lòng trống rỗng, nguội lạnh hẳn. Con người Việt Nam trong chàng, một con người khá cổ điển, bảo thủ lên tiếng

Quả thật Martinez đã vô tình phạm nhiều lỗi lầm. Khổ người cao lớn, cứng cỏi không tài nào phù hợp với tà áo dài mềm mại. Nàng lại mặc quần tây ống chật, thêm sơ xuất nữa, lại đi đôi dép lạc loài. Còn thằng nhỏ, nó không phải là là hình bóng của chàng thời thơ ấu. Những bông hoa thì chấp nhận được. Ở không gian nào thì hoa vẫn là hoa, dù là chưa có đào Nhật Tân, cúc vàng Hóc Môn. Nhưng bánh thì quá tệ, không thể chấp nhận được. Thà đừng bày vẽ ra.

Chàng im lặng. Biết có điều gì không vừa ý, nàng hỏi:

- Thế tiền mừng tuổi của em đâu?

Chàng như chợt tỉnh, đánh trống lảng:

- Ơ, ơ.. thì con người anh đây là một món quà tặng riêng em rồi còn gì nữa?

- Bữa nay mới nghe được một câu tình tứ của anh.

Nàng thông minh lắm, hình như đoán biết được phản ứng của bạn tình, nàng mới có nét gượng gạo. Nàng hiểu lầm, nghĩ rằng chàng đang nhớ những kỷ niệm xưa cũ ở quê nhà, càng quý chàng hơn, một người rất giàu tình cảm:

- Này, uống nữa đi, rồi em nhận phần thưởng của anh tặng đấy. Mình lì xì lẫn cho nhau bằng cách đó là thú nhất.

Chàng không trả lời, còn lưng chai vang hai người cụng ly uống hết. Rượu vang trộn lẫn với xâm banh khiến chàng say. Chàng giải tỏa nỗi bất mãn bằng cách tấn công trước. Nàng ngạc nhiên thích thú. Món quà li xì Nam Mỹ nặng mùi trần tục. Nàng thì thào:

- Ở lại với em đêm nay, em lì xì cho anh nhiều…

Nàng hài lòng. Tết năm ấy, chàng không có pháo, không có cây nêu, không có khói nhang, câu đối. Chỉ có hơi rượu, hơi phụ nữ, mùi kem, dầu thơm, có tiếng nhạc tây phương êm dịu….

Nửa đêm về sáng, đã hả hết hơi men, chàng thức giấc, nhìn qua khe màn cửa. Ánh đèn đường vàng quạch, chàng cảm thấy mệt mỏi rã rời, trống rỗng. Người bạn tình ngủ mê ú ớ trong miệng. Giờ đây nàng là hiện thân của cám dỗ, nhầm lẫn. Đùi vai hở hang trong tấm áo ngủ mỏng như sương khói, có làn da nâu mịn màng. Ở phía ngực và hông lờ mờ khoảng da thịt trắng hơn nhờ năng phơi nắng mặc bikini. Thời gian đầu, chàng ngắm nàng và khen là có vẻ uể oải, chán chường, lôi cuốn ngầm. Nhưng sao đêm nay chàng thấy rõ cái xấu xí, chán chường của nàng khi đã no nê, thỏa mãn. Đến đêm nay chàng mới thấy rõ những nhược điểm của Martinez. Đi đứng mạnh bạo, quá thẳng thắn, hai vai ngang, không thuôn thả để mặc áo dài cho mềm dịu. Nàng nằm cạnh, miệng hơi há ra, son phấn không còn, mái tóc rũ rượi, thiếu thẩm mỹ.

Nàng không hiểu được là sắp có tin không vui. Chàng đã quyết định ngay từ lúc này, dứt khoát rồi. Cũng không hiểu sao mình lại có quyết định mau chóng đến thế. Kể từ ngày mai, phải rời bỏ nơi đây, phải xa lánh người đàn bà này ngay. Nàng không có lỗi gì cả, chỉ vì chàng đã thấy rõ ràng Martinez, người đàn bà Nam Mỹ, không thể trở thành vợ chàng được, không thể là nàng dâu Việt Nam được. Nàng không có vóc dáng quê hương, không biết làm những món ăn quê hương. Tuy nàng đã cố gắng hết sức, nhưng tất cả chỉ là cái vỏ. Cái cốt lõi nàng đã không trở thành, không biến thành được. Nàng không có một quá khứ Việt Nam, không chia xẻ được những vui sướng, đau buồn của giống giòng Giao Chỉ suốt một chiều dài lịch sử.

Martinez là người Mỹ pha lẫn với một chút phong tục tập quán Nam Mỹ. Ngay cả chuyện gối chăn cũng vậy, đó là cách thế của Âu Mỹ, nhất định không phải của phụ nữ Á Đông. Chàng không chấp nhận điều gì trái với tự nhiên. Chàng không cố chấp, chỉ hơi cổ điển một chút. Soi mình trong gương chàng thấy quả đúng như người bạn đã tiên đoán, chàng hơi xanh. Nếu còn đắm đuối vào thứ hồ ly tinh tân thời này, sinh lực sẽ bị rút tỉa mau chóng.

Còn hai đứa con chàng nữa, trách nhiệm làm cha còn nặng nề lắm, trong khi cách giải quyết của nàng về chúng xem ra chưa ổn. Khác giòng máu, chắc gì người đàn bà này yêu thương con mình?

Chẳng có gì giấu diếm, chẳng cần lẩn tránh đi nơi nào khác. Dường như quyết định chợt đến chỉ là kết quả của nhiều ngày suy nghĩ đắn đo và nhất là do tấn kịch Tết nàng đã vô tình đóng trò vụng về. Thật vậy, tệ hại nhất là câu chúc đầu năm ngọng nghịu, tất nhiên và rõ ràng thất bại. Tôi nghiệp cho Martinez, chỉ vì muốn vừa lòng người bạn tình.

Nàng cũng chẳng thiệt thòi mất mát gì. Chàng biết nàng chỉ tự trách là đã chọn lầm người. Nàng can đảm và có cá tính mạnh lắm, sẽ không than van, khóc lóc. Dù sao cũng phải cám ơn nàng đã cho chàng những tháng ngày hạnh phúc có giới hạn. Dù sao cũng nên xin lỗi nàng, tuy chàng không hứa hẹn gì. Chàng sẽ gọi điện thoại hay viết cho nàng mấy hàng chữ đại ý như sau:

Anh nghĩ chúng ta nên xa nhau thì hơn. Lý do thật đơn giản, dễ hiểu. Chúng ta không thể kết hợp với nhau lâu dài được. Anh và em đều cố gắng và đều hiểu rõ như thế. Đừng bi thảm hóa vấn đề như em thường nói. Cho anh xin lỗi em, nếu em nghĩ anh có lỗi. Chúng ta vẫn là bạn và vẫn là đồng nghiệp. Chúc em và Joe vui mạnh.

DIỆU TẦN

(California)

NGƯỜI MẸ

Nguyễn Lân

Từ ngày biết Tố Tâm, con gái mình đắm chìm trong tình yêu, bà giáo Định lo lắng lắm. Tố Tâm là người thật thà tốt bụng, ưa giúp đỡ mọi người, lễ phép với người trên, nhường nhịn kẻ dưới, giầu lòng nhân từ. Cô lại giỏi nội trợ, chăm chỉ công việc nhà và là người con có hiếu. Cô không từ bất cứ công chuyện gì trong gia đình để cha mẹ khỏi đụng tay, ngay cả việc nặng nhọc của đàn ông cô cũng quán xuyến; dù lúc cô mười sáu tuổi, ông giáo Định, cha cô mới ngoài năm mươi. Nhưng Tố Tâm có nhược điểm là yếu bóng vía, hay hoảng sợ, đa lo, lúc nào nàng cũng e ngại không làm vừa lòng mọi người, nhất là cha mẹ. Bà Định biết những nhược điểm của con nhưng bà mặc kệ, vì nghĩ cho kỹ; chính nhờ cái tính thiếu tự tin của con gái mà bà dễ dậy con theo ý mình. Bà chỉ cần con cái biết phục tùng cha mẹ. Bà có cái uy nên con cái sợ, vào khuôn vào phép. Bà chỉ cần con cái biết sợ và bà bằng lòng với lối giáo dục của bà. Vì thế cả hai người con, cậu ấm Lương và cô Tố Tâm đều rụt rè, e sợ trước mặt mọi người, mọi việc, và ngay cả trong trường đời.

Cậu ấm Lương là một thanh niên tốt bụng, hiền lành, chỉ phải cái tính ngại việc và thích chơi. Khi Lương xong Tú Tài Hai, bà Định tính chạy cho cậu cả sang du học ngoại quốc, trốn lính. Xưa kia, ông Định đi dạy học quen nhiều, nay học trò cũ của ông nhiều người có danh phận, nhiều người làm lớn trong chính phủ; nhưng tính ông e ngại, không thích nhờ vả cậy cục. Vì thế, bà phải ra tay, bà gõ cửa đúng chỗ. Thế là cậu ấm Lương lên đường sang Đức du học, khỏi phải ra trận. Lòng bà hả hê vì làm tròn bổn phận "mẫu tử tình thâm". Sang tới Đức, thiếu cha mẹ bên cạnh, lại sẵn tiền ông bà gửi sang, Lương ăn tiêu vung vãi, chơi bời thả cửa, học hành dang dở, tương lai mờ mịt không như mẹ cậu mong ước. Bao dự định, đầu tư vào cậu con trai duy nhất đã tan ra mây khói, tiền ông bà dành dụm cho con đi du học ngoại quốc đã rã thành bọt biển.

Ông bà thất vọng! Sau khi định cư ở Mỹ, ông bà nhắn cậu sang; Lương trả lời cha mẹ là nếu ông bà có sẵn nhà và sang một cửa hàng để cậu vẽ tranh bán thì cậu mới xum họp được với gia đình. Ông bà đành chịu thua, chỉ còn trông cậy vào cô Tố Tâm thôi. Tố Tâm đã ngoài bốn mươi, nàng còn sống với cha mẹ đến giờ này cũng là nhờ bà Định biết quản giáo, biết dậy dỗ con đặt chữ hiếu lên đầu. Năm hai mươi tuổi, Tố Tâm đã một lần dang dở do chính tay bà mẹ phá. Bà không muốn con gái xa cha mẹ, nàng còn trẻ, nhẹ dạ, anh chàng bồ lại thuộc loại "hippi", tóc để xõa tới lưng, râu ria lởm chởm. Ông bà ghét cay ghét đắng. Ngày mất nước năm 75, anh chàng trước khi rời Việt Nam có đến xin phép ông bà và năn nỉ Tố Tâm đi cùng. Nhưng làm sao được! Yêu thì nàng yêu lắm, nhưng Tố Tâm không bao giờ có can đảm xa cha mẹ. Anh chàng đi rồi, nàng như người chết dở… Mấy năm đầu, nàng còn nhận được thư từ, nhưng sang đến năm thứ ba, nàng bặt tin anh chàng luôn. Sau này có người quen cho biết anh ta đã lấy vợ bên Mỹ. Tố Tâm khóc mấy tháng ròng nhưng rồi cũng xong, Bà Định thầm nghĩ: "Thế cũng may!" Rồi bà chợt sợ hãi: "Chắc con gái nó oán mình lắm".

Bà hắng giọng:

- Tâm ơi, con ra đây mẹ hỏi!

Tố Tâm đang nấu dở nồi bún thang, nàng chỉ cất giọng:

- Con đương dở tay, chốc nữa cơm trưa xong, mẹ nói gì hãy nói.

Bà Định bực mình, cao tiếng:

- Tắt bếp lên ngay đây, chuyện quan trọng.

Tố Tâm đành vâng lời mẹ, nhưng mặt nhăn nhó, miệng lép chép:

- Khó thế! Mẹ không để con nấu bếp thì bao giờ mới xong nồi bún thang cúng ông nội chiều nay?

Đợi Tố Tâm ngồi ngay ngắn trên ghế, bà Định nhìn thẳng vào mặt con gái, thủng thẳng nghiêm nghị hỏi:

- Tối qua mẹ gọi đến nhà Lan Chi, bạn con nói con không đến nó. Con đi đâu và đi với ai vậy?

Tố Tâm tái mặt. Nàng xin phép cha mẹ ở chơi nhà Lan Chi qua đêm, nhưng nàng đã đến nhà Lộc, người yêu mới. Lúng túng, Tố Tâm lắp bắp trả lời:

- Con tới thăm anh Lộc. Mẹ vẫn bảo anh Lộc là người đáng tin cậy mà!

Bà Định quắc mắt, giọng đanh lại:

- Ấy là tao định dùng thằng Lộc để nhờ cậy mọi việc vì nhà mình không có đàn ông, chứ không phải để cô cậu mèo mỡ với nhau. Con gái đi chơi với trai ban đêm tối là đốn mạt!

Tố Tâm nóng mặt:

- Chúng con tuy gặp nhau ban đêm nhưng không có gì đáng phiền trách cả. Anh ấy dẫn con đi chơi vùng Georgetown, đi ciné, trò chuyện về bài vở. Anh ấy đứng đắn, lễ độ và người lớn lắm.

Bà Định đổi giọng, nhẹ nhàng:

- Vẫn biết vậy. Nhưng nếu hắn có ý quyến rũ con, mẹ không để hắn yên đâu!

Tố Tâm thảng thốt:

- Trời ơi! Mẹ! Con đã bốn mươi hai tuổi rồi!

Bà Định im lặng, thong thả, lạnh lùng đứng dậy bỏ vào phòng ngủ trước vẻ ngơ ngác của con gái. Cách xử sự của bà bao giờ cũng nhẹ nhàng mà cương quyết, các con bà phải chịu thôi. Bà đã để vuột mất cậu quí tử, hắn đã thoát khỏi tầm tay của bà, hắn không bao giờ trở lại nữa! Bây giờ chỉ còn cô con gái, bà không thể để mất Tố Tâm! Bà cần nàng, chồng bà cần nàng. Tố Tâm gần gũi cha mẹ suốt từ nhỏ cho tới giờ, nàng đã quen phụng dưỡng ông bà, nàng phải hầu hạ cha mẹ cho đến ngày ông bà theo nhau qua bên kia thế giới. Nhất là ở xứ này, ông bà không biết tiếng Mỹ. Ông đã quá già bẩy mươi tuổi rồi, còn học gì nữa! Phần bà, bà ghi danh đi học, những tưởng vài năm sẽ bập bẹ nói được mà sao khó quá! Cứ thấy người Mỹ là bà cứng họng, lưỡi thụt vào, ấp úng không ra tiếng, chữ nghĩa biến vào không gian!

Ông Định ngày càng suy sụt, có lẽ vì sầu xa xứ, vì thiếu bạn tâm giao.

Ông không còn ham thích dự những cuộc vui của cộng đồng người Việt nữa. Ông khổ sở vì sống ở cái xứ văn minh này. Quyết định ra đi là của bà chứ không phải của ông. Bà muốn bứt ông ra khỏi đám bạn già mà bà nghi họ chơi bời hút sách. Bà sợ ông ghiền ả Phù Dung, mê bàn đèn, dọc tẩu; chứ cũng chẳng phải bà nghĩ đến tương lai của Tố Tâm, con gái đã quá thì còn làm gì được nữa, ở vậy lo cho cha mẹ là đúng rồi. Bà Định là người duy nhất trong nhà ham sang Mỹ. Ngày còn ở Việt Nam với Cộng Sản, Tố Tâm đã là giáo sư Anh Văn, nàng dậy tiếng Anh cho những người sắp đi ngoại quốc, tiền bạc thu vào nhiều, vì thế nàng cũng chẳng thiết đi. Sang tới Mỹ, nàng học về ngành Luật, nàng trở thành một phụ tá đắc lực cho một luật sư Mỹ. Dù công viêc bề bộn, vì nàng phải lo đối đầu với khách hàng người Việt, nàng vẫn thu xếp đưa cha mẹ đi chơi hằng ngày sau bữa cơm chiều. Những ngày cuối tuần, nàng đưa ông bà Định đi xa ngắm thắng cảnh, đi chợ Việt Nam, đi chơi bài, đi xem văn nghệ để ông bà khỏi cảm thấy tù túng, lạc lõng.

Nếu cuộc đời cứ mãi êm trôi như vậy, bà Định cũng vui rồi. Những mơ ước giầu sang từ thuở mới lấy chồng không còn nữa. Bây giờ bà chỉ mong chồng con mãi mãi bên mình… Bà chỉ sợ con gái có kẻ rước đi thôi. Tố Tâm lấy chồng ai lo cho ông bà, nghĩ liên miên, bà chạnh nhớ tối hai cụ phán, thân sinh ra bà, bà thở dài ân hận…

Khi xưa, bà Định là con nhà giầu, là con gái một, là con cưng của hai cụ phán, được cha mẹ nuông chiều, muốn gì được nấy. Khi gặp thầy giáo Định đẹp trai phong nhã quá, bà mê say ông và quyết lấy cho kỳ được dù hai cụ phán không ưng vì thầy Định nghèo, con nhà thanh bạch. Hai cụ muốn gả con cho nơi giầu sang phú quí, học vấn cao như bác sĩ, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ để cô con gái rượu có một cuộc đời phong lưu nhàn hạ. Nhưng trước ý chí cương quyết của con gái, các cụ phải chiều lòng. Các cụ mang chàng rể về nuôi, tránh cho con cái cảnh làm dâu. Bố mẹ chồng lần lượt qua đời, bà Định vẫn chưa bao giờ phải lo toan hầu hạ. Kịp đến năm 54, khi đất nước bị phân cắt, ông Định mang vợ con di cư vào Sài gòn, bà Định theo chồng và từ ngày đó bà không còn nhìn thấy cha mẹ nữa. Thương cha mẹ, bà vẫn thương, nhưng cha mẹ không thể bằng chồng, con cái cũng không thể bằng chồng, chồng là nhất!

Vào Nam, không còn hai cụ phán bên cạnh giúp đỡ tiền bạc, bà Định bắt đầu một cuộc đời vất vả. Đương là một mệnh phụ giầu sang bà trở thành một người buôn bán tầm thường . Bà có gian hàng bán vải ngoài chợ Bến Thành. Bà thức khuya dậy sớm, làm lụng suốt ngày để lo cho gia đình. Rồi khi cậu Lương khôn lớn, bà lại chắt chiu giành dụm để có tiền lo chạy cho con đi ngoại quốc. Ngày cậu ấm Lương đi, bà phải hốt hai bát hụi, sau này lại cật lực làm việc trả nợ. Tuy vậy, bà vẫn thấy tràn trề hạnh phúc với người chồng thương yêu bên cạnh, dù có những ngày ông Định mê rượu chè bài bạc , bỏ bê vợ con, bà vẫn không trách cứ, vẫn khéo léo chiều chuộng mỗi khi ông về nhà.

Ngày bà Định theo chồng vào Nam, hai cụ phán thương nhớ héo mòn, đôi vợ chồng già vẫn kéo dài cuộc sống cô đơn hơn một phần tư thế kỷ. Năm 75, sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, bà Định được tin hai cụ vẫn còn, nhưng bà không thể ra Bắc thăm vì đúng lúc đó bà đang lo giấy tờ đi Mỹ. Trước ngày đi, bà được tin cha mẹ già đau bệnh, rồi lần lượt qua đời trong vòng vài tháng; bà đau lòng nhưng biết làm sao?! Vì thế, bà sợ Tố Tâm noi theo "vết xe lãng tử" của mình, bà phải chặn trước, bà đánh vào cái tính thiếu tự tin của con gái, làm như sểnh cha mẹ là chỉ có đời sống trôi nổi bấp bênh, làm như rời cha mẹ là không còn bấu víu được vào ai, làm cho cô ả sợ, co vòi yêu đương mơ mộng, trai gái vẩn vơ lại. Ngoài bốn mươi tuổi rồi, còn yêu đương gì nữa! Bà vẫn nhắc khéo con, nào "có chồng đeo gông vào cổ", nào "có con nặng nợ trần gian". Bà hướng dẫn con gái một cuộc sống "chay tịnh" để Tố Tâm từ bỏ ý định lập gia đình.

Dạo này, ông Định xuống sắc quá, yếu hẳn. Lần lần, ông không thể đứng lên đi lại được nữa, hít thở ngày một khó khăn nặng nhọc. Hồi trẻ, ông rượu nhiều, hút thuốc liên miên nên khi già, cuống phổi teo lại, rồi ông bị stroke, liệt giường, nói năng khó khăn, ú ớ không ra lời.

Bà Định và Tố Tâm thay nhau bón cơm, mớm nước. Ông Định không kiểm soát được tiêu tiểu nữa; ông "bậy", ông "phọt" ra bất cứ lúc nào. Tố Tâm phải cho ông đeo tã như con nít. Lúc cái tã nặng quá, ông ra dấu, Tố Tâm phải hành xử nghề y tá bất đắc dĩ "giường cứt chiếu đái" cho cha. Một mình nàng khiêng ông tắm rửa, thay quần áo cho ông một cách chật vật.

Tay chân bà Định đã bắt đầu yếu, bà không lo cho chồng được nữa, bà khuyến khích con gái "hầu hạ cha mẹ là điều đại phước". Bà vẫn bảo con là bà bạc phước nên không được hầu hạ hai cụ phán trong những ngày cuối của hai cụ. Đôi khi bà mủm mỉm cười thầm, tự nghĩ : mình nói với con là mình vô phước không được hốt phân, dọn nước tiểu cho cha mẹ, nhưng chính ra là mình đại phước, mình không có nợ với cha mẹ, không phải nhúng tay vào những thứ dơ bẩn, còn con mình nó mắc nợ với mình. Nghĩ vậy, nhưng bà kín tiếng. Con Tố Tâm nó ngoan và khù khờ, bảo sao nó cũng chịu,

nhất là lời của bà, một bà mẹ có quyền uy, một mẫu mực cho con cái noi gương.

Vợ chồng Lộc là hàng xóm cũ của ông bà Định từ ngày ở Sài gòn. Cả hai vợ chồng đều thanh lịch, lễ độ nên xưa nay ông bà có cảm tình. Ngày gia đình ông bà Định gặp lại Lộc tại thủ phủ Hoa Thịnh Đốn, chàng đã góa vợ. Vì là hàng xóm cũ, chàng năng lại thăm ông bà và Tố Tâm. Bà Định nhắm Lộc thay vào chỗ của Lương, cậu con trai xa cách mà bà không trông cậy được. Ông Định đã già yếu vì thế bà định nhận Lộc làm con nuôi vừa dễ nhờ cậy, vừa phân rõ ngôi thứ anh em giữa chàng và Tố Tâm, để cô cậu khỏi lăng nhăng, để thằng đàn ông khỏi gạ gẫm con gái bà. Bà đã tính kỹ, hành xử đúng vậy mà hai đứa vẫn phải lòng nhau!

Lộc đẹp trai, khéo nói, vậy mà bà quên điều đó. Tố Tâm mang giòng máu mẹ, đã ái mộ Lộc từ lâu, từ hồi còn ở Việt Nam, trước khi chàng góa vợ. Còn Lộc chàng thích tính tự nhiên và cảm mến lòng chân thành của nàng. Hai người trở thành đôi bạn chân tình, họ thành thật thương nhau, lo lắng cho nhau. Biết được, bà Định lo quá, bà không ngờ con gái mình đã lớn tuổi mà còn nồng nhiệt đam mê! Nó giống mình! Bà lạnh người khi nghĩ cái ngày Tố Tâm lập gia đình, nó sẽ quên bố mẹ như chính bà thuở xưa đã quên hai cụ phán!

*

Đã bốn năm qua, kể từ ngày ông Định mất, bà sống một mình trong nhà già vì Tố Tâm đã thành hôn với Lộc. Tất cả những dự tính của bà Định đã bị xáo trộn, bà không chấp nhận cuộc hôn nhân của con gái, nhưng bà đành chịu thua vì Tố Tâm đã quá tuổi trưởng thành. Tố Tâm thương mẹ lắm. Ngày nào sau khi ở sở ra nàng cũng ghé vào nhà già thăm mẹ. Cuối tuần nàng vẫn đưa bà đi chơi.

Từ ngày chồng mất, bà Định tham dự vào những hoạt động của các bậc cao niên, đi nơi này nơi nọ ngoạn cảnh, những cuộc vui nhàn tản, khi thì tam cúc, chắn; lúc lại tổ tôm, mạt chược. Bà còn tiếp tục học Anh Văn để giết thời giờ chứ không phải để dùng vì đi đâu bà vẫn có con gái lo. Tố Tâm vẫn mang mặc cảm bỏ bê mẹ. Khổ nỗi, Lộc không bằng lòng đón mẹ vợ về chung sống và chàng cũng tránh dự phần vào gia đình vợ. Tố Tâm đau lòng vì nàng muốn Lộc thương yêu mẹ nàng như chính nàng. Lộc thẳng thắn nói với vợ:

- Em lo cho mẹ là việc của em, anh không dự phần vào, anh còn nhiều việc phải làm. Nếu bảo phải lo cho người già thì anh lo cho tất cả các cụ chứ chẳng phải riêng ai.

Tố Tâm biết chồng không ưa mẹ mình vì theo chàng, bà Định tuy là người vợ hiền nhưng không phải là người con ngoan, người mẹ tốt . Suốt đời bà Định chỉ biết tới chồng, biết thương yêu, biết lo cho chồng , nhưng với những người khác bà chỉ biết "dùng" , ngay cả với cha mẹ con cái bà cũng có chủ ý. Nuôi con là có đi có lại như bà vẫn tuyên bố "trẻ cậy cha, già cậy con".

Tố Tâm buồn lắm, nàng biết chồng không hợp với mẹ mà nàng là người con chí hiếu. Cũng chỉ vì bà Định mà hai vợ chồng cắn đắng nhau hoài! Cuộc sống lứa đôi càng ngày càng khó thở!

Mặc dầu con gái vẫn dấu diếm, nhưng bà Định biết. Bà thừa khôn ngoan kinh nghiệm để hiểu chuyện vợ chồng chúng nó. Tố Tâm hằng ngày đến thăm mẹ nhưng Lộc thi họa hoằn. Ngày giỗ ngày Tết mới có mặt chàng. Nhiều lần, trước mặt bà, Lộc dám nói thẳng để sửa vợ, nào "thiếu tự tin, nhát nhúa", nào "đụng đâu đổ đấy", nào hơi tí là la hoảng, làm to chuyện.

Bà Định bực lắm vì Lộc dám nói như vậy là coi bà không ra gì, làm như bà giáo dục con cái sai lầm. Nhưng bà không nói ra cho có vẻ hiền mẫu, không dự phần vào đời sống gia đình của con cho thằng con rể phải phục và cô con gái sẽ thấy thương mẹ hơn, gần gũi mẹ hơn. Trong thâm tâm bà thấy Lộc nói đúng, bà biết tính con gái từ thuở nhỏ, nhưng chính nhờ nó yếu đuối như vậy

bà mới chỉ huy được con, nó mới thấy bà hơn nó, nó mới nghe lời bà. Bà chỉ cần con hiếu để. Bà đã mất Lương vì cậu xa bà khi còn quá trẻ, nhưng bà không bao giờ mất Tố Tâm vì nàng đã thấm nhuần lối giáo dục của bà, đã quen sống trong vòng tay cha mẹ, chỉ thấy yên ổn dưới mái gia đình cha mẹ. Sự nghiêm nghị quá đáng của ông và sự hà khắc của bà chỉ là điều tất nhiên phải có.

Tố Tâm không bao giờ so sánh cuộc đời mình với những cô gái khác có cha mẹ cởi mở hơn, nàng bằng lòng với cuộc sống từ tấm bé, nàng đã sống với cha mẹ già nửa đời người, những lời khuyên nhủ của bà đã thấm sâu vào trí não, vào huyết mạch nàng rồi. Bà luôn luôn là tấm gương sáng, là mẫu người cho Tố Tâm ngưỡng mộ từ lời nói đến hành động, từ cách cư xử với chồng con tới lối giao tế với bà con quyến thuộc, lúc nào bà cũng làm đẹp mặt chồng, lúc nào bà cũng dược mọi người khen tụng cái giọng nói dịu dàng mềm mỏng mà uy nghi, mệnh phụ.

Tố Tâm không được những cái khôn khéo của mẹ. Nàng hành xử tự nhiên như trẻ thơ, nói năng hấp tấp. Ông Định đã nhiều lần cằn nhằn vợ:

- Con mình ngoan và tâm tốt thật nhưng nói năng chẳng ra đâu vào đâu, cứ như con nít, ồn ào, vô ý thức. Người ngoài nhìn vào coi sao được!

Bà Định nhẹ nhàng trả lời chồng:

- Theo tôi, cứ để nó tự nhiên. Chẳng ma nào nhìn, chẳng thằng nào rước lại hoá hay. Nhiều người ngợi khen, lắm kẻ ngấp nghé, đâu có tốt lành gì! Mình chỉ cần nó lo cho mình, chứ tôi hỏi ông; nó đi lấy chồng , ai lo cho ông với tôi đây?

Bà háy mắt với chồng:

- Cái gì tôi làm cũng có chủ định. Ông để mặc tôi.

- Ấy, thế bà cho thằng Lương đi du học cả mấy chục năm nay, nó đã làm được cái gì?

Bà nhìn chồng, giọng trách móc:

- Nếu nó ở nhà thì đã bị bắt lính, biết đâu xác đã bị vùi dập nơi nào?! Ông mà biết lo ư?

Ông Định bực mình, xẵng giọng:

- Con nhà người ta thì sao? Ai cũng trốn lính thì lấy đâu người bảo vệ tổ quốc?!

Bà nguýt dài:

- Ôi chao! Tổ Quốc! Tổ Quốc đã làm gì được cho gia đình ta? Rõ hão!

Ông đành ngậm miệng, để bà toàn quyền, càng khoẻ thân.

*

Tiếng chìa khóa lách tách tra vào ổ làm bà Định ngưng suy nghĩ , bàbiết con gái đến thăm mình . Nó có chìa khóa phòng bà nên bà chẳng cần ra đón.

Tố Tâm ào vào, vội vã:

- Mẹ vào sửa soạn, con đưa mẹ đi xem hoa anh đào ở ven sông Potomac. Hoa đương nở rộ, đẹp lắm!

Bà hỏi vọng:

- Anh Lộc đâu? Anh ấy không đi cùng với mình ư?

- Anh ấy còn bận họp, bận hội này hội nọ, bận lắm!

Bà Định biết ngay, lúc nào Lộc cũng bận, đó là cái cớ để chàng thoái thác, để tránh mặt bà. Thoáng nhìn, bà đã thấy cặp mắt con gái mọng đỏ. Lại cãi cọ nhau! Bà không nói gì, lẳng lặng vào phòng thay áo, điểm trang. Ngắm mình trong gương, bà vừa lòng, chỉ tiếc ông Định không còn sống để thấy bà vẫn đẹp. Bà đã bẩy mươi nhưng diện lên vẫn còn phong độ chán! Lộc vẫn chọc mẹ vợ là Hoa Hậu Lão Niên! Mà cũng thế thật!.

Ngoài phòng khách có tiếng nấc nhẹ của Tố Tâm. Bà chạnh lòng. Bà biết vợ chồng chúng nó cãi cọ chỉ vì bà. Con gái bà và Lộc sống với nhau không có hạnh phúc như bà và ông Định. Chắc chắn Tố Tâm không thương yêu chồng đủ như bà thương yêu ông. Ngày bà lấy ông Định, bà đã quyết đặt chồng lên hàng đầu của cuộc đời. Con

gái bà không như vậy, nó thương yêu và lo cho bố mẹ nhiều hơn.

Vừa thoa son môi, bà vừa nghĩ tới những đêm trằn trọc khó ngủ. Quả thật, bà sợ sống một mình ban đêm. Ban ngày, bà không cần con, bà còn bận vì những hoạt động của Hội Lão, bà còn nhiều bạn bè. Đêm đến, dù đã bốn năm trong căn phòng ấm cúng của nhà già, bà vẫn thấy lạnh lẽo lo âu. Thật là một cực hình! Bà phải chấm dứt tình trạng này. Con gái bà, Tố Tâm không có hạnh phúc với chồng. Tại sao bà không khéo léo khuyến khích nó tìm chân hạnh phúc nơi mẹ? Nếu nó thương yêu và kính để bà, dốc lòng vì bà thì nó sống suốt đời bên bà là nó đủ sung sướng, tìm được sự thoải mái trong tâm hồn, hơi đâu đèo bòng thêm thằng chồng cứng cổ! Tại sao bà không nhẹ nhàng kéo dần con gái ra khỏi vòng tay của thằng chồng bạc phước? Hai mẹ con hủ hỉ với nhau không phải là hạnh phúc thế gian sao? Bà đã bẩy mươi, con gái bà cũng ngoài bốn mươi rồi, nó phải hầu hạ kề cận bên bà cho đến ngày bà nhắm mắt. Bà Định mủm mỉm cười, một kế hoạch mới phác họa trong đầu, toan tính này sẽ làm bà không còn cô đơn trống trải lúc đêm về… Bà biết, bà còn tinh tường lắm!

NGUYỄN LÂN

(Virginia)

SOVEREIGN REALTY, INC.

3907 Annandale Road, Annandale, Virginia 22003

DIANA DUYÊN NGUYỄN

- Member of Million dollar President's Club
- NVAR Multi-Million Dollar Sales Club
- NVAR, Top Producer
- Chuyên viên địa ốc nhiều kinh nghiệm

Xin gọi

DIANA DUYÊN NGUYỄN

Office: (703) 941-3650

Fax: (703) 941-4692

Cell: (703) 598-6374

BẢO ĐẢM UY TÍN, KÍN ĐÁO, CHUYÊN NGHIỆP

XUÂN NẦY CHÁU KHÔNG VỀ

Thư ngoại gửi đừng về quê ăn Tết
Giờ xóm làng tràn ngập cảnh đau thương
Giặc rót pháo rơi sát vách giáo đường
Đang lúc ấy bầy con chiên hành lễ

Tối hôm qua, giặc giật cầu Cái Khế
Nhà gần cầu đành hóa kiếp thành tro
Kẻ không nhà về tá túc bến đò
Người lối xóm gom góp tiền giúp đỡ

Bác Hai Ròm từ bao năm quét chợ
Chạng vạng ra đìa dở cá giăng câu
Sáng dân làng phát giác chết trên cầu
Cổ bị cắt, tay còn cầm xâu cá
Bóng thần chết về trong đêm lạnh giá
Dân phập phồng gặp phải những tin hung
Tai nạn ai cũng là nỗi buồn chung
Không ruột thịt cũng tình người lối xóm

Sống với ngoại từ lúc còn để chỏm
Cháu học xa, ngày lễ mới về thăm
Cuối mùa Đông vào trước Tết mỗi năm
Hoa nỡ rộ, én phương xa trở lại

Ngoại để dành trái cây cho cháu hái
Chờ cháu về cắt mấy nhánh mai vàng
Bình pha lê cắm bông điệp, bông trang
Quét dọn lại ngôi miếu thờ Thổ Địa

Cây bùm sụm uốn rồng chờ cháu tỉa
Mấy đứa ở nhà vốn chẳng khéo tay
Cuối gốc sân hoa đơm trắng khóm lài
Chờ cháu hái để ép vào trang giấy
Bánh phồng nếp nướng lửa rơm vàng cháy
Mứt gừng cay, bánh tráng cuốn chuối ngào
Nến chập chờn ánh lửa dưới trời sao
Nhang cháy đỏ, hương lan trong gió lốc

Cháu thương ngoại, thương vòm trời tuổi ngọc
Đôi guốc sơn, quần áo lụa mới may
Nón vải xanh có nơ bướm bông cài
Làm quà Tết, đẹp lòng cô cháu nhỏ

Cháu vô tư như hoa đồng, bướm cỏ
Lớn khôn dần trong nhịp sống thôn quê
Niềm vui riêng mỗi độ đón Xuân về
Được thư ngoại, lòng ơi buồn biết mấy!

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

Lên ...

Nâng lên tròn trịa xuân thì
Nhón lên gót mỏng cực kỳ khít khao
Hây hây lên tới má đào
Lâng lâng lên giữa đường vào bướm hoa
Nhìn lên em gặp hồn ta
Kéo lên em cứ xuýt xoa phong trần
Tình lên quanh đỉnh phù vân...
Gió lên cuốn hết nợ nần giao thoa

Phan Khâm

CƠN ĐAU MÙ LÒA

Trần thị Hương Cau

Diệm Mi vừa tô son vừa nói vọng vào phòng khách:

- Biết hôm nay anh có giờ dạy trễ nên em không thức. Bánh mì trong lò nướng còn cà phê thì em đã chế vô bình rồi, anh vô ăn đi cho nóng.

Không có tiếng trả lời. Màn hình đang đưa tin tức nóng bỏng từ Israel về, trên rẻo đất Gaza bom đạn cày xới ngày đêm còn chưa thức tỉnh được Hiển. Cả tuần nay anh vẫn cứ lầm lỳ như một cái xác chết biết di động, tê liệt mọi xúc cảm bởi vì anh không làm sao tiêu hóa được lời thú tội của vợ. Anh muốn la hét, muốn đập phá tất cả tan tành để thỏa mãn cơn thú tính đang lồng lên trong người; nhưng rồi trước một cơn bùng nổ, lý trí là thứ cuối cùng còn thoi thóp trong anh lại như đang nheo mắt đùa cợt nhắc nhở cho anh biết, anh mới chính là thằng đầu têu đã đưa gia đình tới nguồn cơn tan tác như hiện nay.

Giá như năm trước anh đừng quá lú lẫn đến nỗi tự tin rằng, Kim Hoàng, một cô gái xinh đẹp, ngọt ngào, thua anh đến 32 tuổi đời ấy sẽ yêu anh đắm đuối cho đến ngày răng long tóc bạc như cô vẫn thầm thì bên tai anh hằng đêm, thì bây giờ nỗi đau đớn ê chề đâu có bóp nát tim anh đến hai lần như thế...

Lần thứ nhất xảy ra hồi Giáng Sinh. Buổi sáng hôm đó anh còn lơ mơ ngủ thì Kim Hoàng gọi qua. Cô nũng nịu trách móc Giáng Sinh là mùa cưới bên này, bạn bè làm chung khách sạn với em ríu rít phân phát thiệp hồng, em thấy mà tủi ghê. Thậm chí những cô nàng xấu như cá sấu mà cũng vênh vang có người đến rước đi, còn bé yêu của anh cứ phải thui thủi một mình, dù cho bao người săn đón em vẫn then cài cửa đóng chờ đợi có mỗi mình anh. Mới xa nhau có 4 tháng mà chao ơi, dài lê thê như là 4 năm, nhưng thôi, đến Tết Nguyên Đán vậy, về với em anh nhé. Cô còn không quên hỏi là chuyện li dị của anh với chị Diệm Mi năm tới chắc là dứt điểm anh nhỉ, hy vọng tòa không kéo dài thời gian hòa giải thêm nữa, chứ chờ đợi kiểu này, em phát cuồng lên mất (!) Người đẹp mà lời cũng đẹp, nghe tới đâu là Hiển thấy người cứ rạo rực lên như vừa được uống sâm. Cú điện thoại của Kim Hoàng đưa Hiển đến một quyết định táo bạo, tại sao không nắm bắt cơ hội ngay, đại học cho sinh viên nghỉ lễ đến 3 tuần, còn gì để mà chần chừ.

Ngồi trên máy bay mà gan ruột Hiển tự dưng bất yên, chộn rộn. Anh tự cười mình, năm mươi sáu tuổi đời rồi mà vẫn sôi sục y như hồi trai tân. Phải cám ơn Kim Hoàng đã chu môi thổi phù vào đời anh một luồng gió xuân thì phơi phới như thế, chứ mà cứ ở đời với vợ anh, Diệm Mi đó hả, chắc giờ đây anh sẽ cứ mãi trì trệ, lù đù như một công chức mẫu mực, sáng cắp ô đi chiều cắp ô về, 19 giờ ăn tối, 20 giờ nghiêm chỉnh chờ xem bản tin chính thống của kênh số 1 trong ngày, và đêm nào cũng tắt đèn đi ngủ trước 10 giờ tối như một bầy gà công nghiệp. Sự hồi sinh như đã soi rọi vào tận mỗi giác quan, hình tượng người vợ cũ được đem ra mổ xẻ dưới một lăng kính khác, một lăng kính ảm đạm và rất thiếu khách quan. Người đàn bà ngày xưa từng nổi tiếng là hoa khôi, anh phải đánh đông dẹp bắc mới xin được bàn tay nàng, giờ đây sao quá đỗi cũ kỹ, nhàm chán. Hiển nhớ hồi mới lấy nhau, Diệm Mi rất ít khi trang điểm, thậm chí nước hoa cũng không, vậy mà giờ đây, không kể đi làm thì thôi chớ ngay cả đi chợ, cô cũng tô chuốc cẩn thận. Tuổi đời của phụ nữ hình như tỷ lệ thuận với thời gian ngồi trước bàn phấn. Hiển có hối thì cô trả treo liền:

-Già rồi thì ai chả vậy. Với lại em phải đẹp luôn luôn kẻo hàng xóm nhà mình tưởng anh có hai vợ, một bà ngày thường đi làm thì diện ngất còn một bà đi siêu thị với chồng thì xập xệ, xềnh xoàng!

Đến chuyện nội trợ còn chán hơn, những ngày chung sống với Kim Hoàng, hôm nào cô bé cũng xăng xái trổ tài mỗi bửa ba bốn món cầu kỳ bổ dương lợi khí, nài ép anh phải ăn suýt nữa thì bội

thực, trong khi 24 năm sống chung với Diệm Mi thì thống kê ra chắc hơn 23 năm là ăn đồ xào rau quả, trộn chung với cơm, mỗi người mỗi tô cứ như là cho heo ăn; rồi những lúc Hiển đi đâu về, Kim Hoàng luôn luôn chờ đón anh tại cửa nhà với một chiếc khăn mát lạnh và một vòng tay ôm quanh cổ rừng rực đam mê, còn về với vợ thì nhà cửa gì mà lạnh lẽo như nhà mồ, anh phải thò đầu vào từng phòng mới tìm ra được vợ đang mê man đọc sách còn hơn cả mê chồng, và nhiều bận quên nấu ăn, cô đã hồn nhiên mời anh trệu trạo nhai món bánh mì đen cứng ngắt, chọi chó chắc chắn chó chết ngay. Những thứ đó, Hiển nghĩ cũng chưa là hệ trọng, có lẽ vì.. *lâu rồi, đời mình cũng qua (*)* nhưng cái làm anh chạnh người mỗi khi nghĩ đến là sự lành lạnh giữa hai vợ chồng. Ngày tiếp ngày với những đụng chạm ra vào quen thuộc dần dà dẫn tới sự chai cứng trong mọi cảm giác. Còn đâu cái ấm áp, cái thiêng liêng đầy ắp tin yêu khi được cọ sát, gần gũi nhau; cầm tay vợ mà thản nhiên cứ y như cầm chính tay mình thì coi như cuộc tình đã đi vào đoạn cuối. Trái lại những khi kề cận bên Kim Hoàng, cái áo ngủ sa tanh cũn cỡn như cố tình mời gọi, chỉ cần đặt tay lên vùng da thịt căng mịn, ngà ngọc trầm hương đó thôi, thì tất cả những phiền muộn trong cuộc sống đều như bị trôi tuột vào phía sau lưng, để khẳng định với chính mình, đâu là niềm vui có thực trên thế gian này...

Chuyến bay dài 17 tiếng lê thê rồi cũng chấm dứt việc hành hạ những kẻ đang hồi xuân như Hiển. Không cần đưa đón gì cả, anh nhảy ngay lên Taxi về căn hộ của Kim Hoàng để dành cho cô sự ngạc nhiên mà theo anh là đầy ấn tượng nhất kể từ khi hai người quen nhau. Mới hơn 9 giờ mà bé yêu của anh đã tắt đèn đi ngủ. Ngủ nhiều thì bé sẽ lại càng đẹp hơn. Nhưng hôm nay ngoại lệ, phải thức mèo con dậy thôi. Niềm vui như đã chấp cánh cho Hiển phóng từng hai bậc, vụt một cái là lên đến tầng bốn với kỷ lục thế giới. Căn hộ này chính Hiển đã thuê cho Kim Hoàng nên anh cũng có chìa khóa riêng và xộc ngay vào phòng ngủ.

180 năm trước, Nguyễn Du đã mô tả Từ Hải chết đứng ra làm sao chắc giờ đây Hiển cũng đã chết đứng như thế: Kim Hoàng bé bỏng- nai tơ-mèo con-cục cưng-cục vàng của anh đang cuộn tròn ngon giấc trong vòng tay một người đàn ông khác! May mắn Việt Nam không phải là Mỹ, súng ống không được tự do giắt kè kè bên lưng, nếu không, chắc chắn đêm đó ít nhất thành phố cũng phải có hai người chuyển hộ khẩu xuống âm phủ. May mắn thứ hai nữa là nhờ vào thói quen sáng nào cũng đứng dưới bông sen tắm nước cực nóng-cực lạnh xoay vần trong vòng 5 phút đã giúp cho sự tuần hoàn máu trong cơ thể của Hiển đề kháng được mọi bất biến, dù là cơ học hay tâm lý tác động từ bên ngoài vào, nếu không thì nguy cơ tai biến mạch máu não hay nhồi máu cơ tim trước một sự cố kinh hoàng như hôm đó sẽ dẫn tới việc đột quỵ như chơi.

Hai ngày sau Nô-el Hiển mới lấy được vé qua lại được Đức. Ngồi đợi máy bay ở phi trường, mua một tờ báo đọc đốt thì giờ, vô tình có hai câu thơ của Hoàng Nhuận Cầm làm Hiển chết điếng: *Quả tim anh như căn nhà nhỏ/ Gió em vào nếu chán gió sẽ ra*. Hiển đã trúng nhằm ngọn gió độc nhất trong đời một người đàn ông, đó là ngọn gió phản trắc, ngọn gió dối gian. Anh nghiến răng kèn kẹt nguyền rủa Kim Hoàng không tiếc lời (tuy vốn từ của anh trong lãnh vực này nhiều nhặn lắm là đầy một cái lá mít). Nếu Kim Hoàng mà xuất hiện trước mặt Hiển lúc đó chắc anh cũng không ngăn được cơn giận để bóp nát cái gương mặt mỹ miều của cô như anh đang vày vò tờ báo vô tội trong tay. Anh đầu hai thứ tóc; anh, học vị cao nhất nào cũng có trong túi, suốt cả đời toàn gặt hái được những thành công khiến anh tự tin đến độ thấy quyết định nào của mình cũng chuẩn xác, vậy mà nay bị một con bé nhãi ranh gạt cho ngã nhào, xấc bấc xang bang.

Từ ngày trở lại Đức, Hiển chán chường thả nổi cuộc sống của mình. Buồn rầu, nhục nhã, hối tiếc nhăng nhẳng bám theo anh vào tận cả giấc ngủ, còn ban ngày tuy vẫn lên lớp đều đặn theo một quán tính vô thức nhưng hồn vía của Hiển thì mụ mị trong một cõi hoang hoải u sầu nào đó; tệ hại đến nỗi không ít lần bọn sinh viên phải âu yếm nhắc nhở, thưa giáo sư, chương này giáo sư vừa giảng ngày hôm qua rồi đấy ạ. Một lỗi lầm gần 30 năm đứng trên bục giảng anh đã chưa lần nào va vấp. Tựa tựa như sự ăn năn pha trộn với lòng bao dung của các Phật tử thuần thành vào những ngày đại lễ

thường phóng sanh chim muông, cuối học kỳ đó, anh phá lệ cho tất cả sinh viên ban cao học tồn đọng từ nhiều năm, đều đậu trót lọt cái môn Vật lý Hạt Nhân hắc ám mà họ khiếp sợ đến mất ăn mất ngủ từ bao kiếp nay. Buổi tối vò võ một mình còn kinh khủng hơn, Diệm Mi có mặt bất cứ nơi đâu. Anh thấy rõ mồn một cô đang bụng chửa vượt mặt ngồi chăm chỉ đan vớ nón cho đứa bé sắp chào đời, thứ nào cũng màu tím; cô giải thích màu hồng phấn cho con gái còn màu xanh trời cho con trai, pha hai màu đó lại sẽ ra tím cà, trai gái gì mặc cũng không phá cách. Rồi có lúc anh lại thấy mình đang lo lắng đi lại trước phòng hồi sinh, Diệm Mi hôn mê bằng bặc vì bị băng huyết suýt mất mạng sau lần sinh con. Nháy mắt một cái là hình ảnh Diệm Mi phụng phịu khi anh nhăn nhó là sao em cứ bắt anh ăn chay hoài vậy... Hiển còn nhớ luôn những lúc vợ chồng cãi lẫy nhau, phải thành thật công nhận bây giờ nghiền ngẫm, lời nào Diệm Mi nói đều đúng như thánh:

-Anh tin em đi, các cô ấy chỉ dùng đàn ông bên này làm cầu nối để thoát khỏi cảnh túng cùng chứ làm sao mà còn chuyện cú sét ái tình ở thời đại này nữa đâu anh. Các ông phải dòm lại mình đi chứ, các ông có phải là ca sĩ nổi tiếng, ngôi sao điện ảnh số một đâu để mà các cô trẻ măng trẻ mướt, thua ông đến mấy chục tuổi đời, phải thần tượng, lăn xả vào như thiêu thân! Anh còn nhớ ông Rê không, cái ông hôm trước tới sơn nhà ông bà ngoại đó. Ông Rê đọc báo còn đọc ngược, vậy mà về Việt Nam qua lại, ổng kể với ông bà ngoại, con gái bên đó bu ổng phủi đi không hết, nhưng không biết mấy cô có thiệt lòng không nên bây giờ sáu mươi ngoài rồi mà ổng vẫn cứ chèo queo một mình!

Ngày đó tay chưa nhúng chàm, Hiển còn gằn giọng với vợ:

- Mấy bà bên này bà nào cũng cao ngạo. Mở miệng ra là chê con gái trong nước dối gian, lươn lẹo nhưng đâu phải cô nào cũng vậy. Thiếu gì người tử tế, tính chuyện dài lâu.

Diệm Mi cười khẩy:

- Mơ đi anh! Những cô đứng đắn họ đã lấy người họ yêu, cùng trang phải lứa, chớ dại gì đi lấy một ông cao niên sắp vô viện dưỡng lão để đem về nuôi báo cô chắc!

Vậy mà cũng chưa hết ấm ức, Diệm Mi còn hậm hực thêm:

-Chưa thấy quan tài chưa nhỏ lệ đâu anh. Nhân tiện đây em cũng chơi bài ngửa với anh luôn, ngày nào anh chán em rồi thì anh cứ nói thẳng với em một tiếng, bây giờ cô già quá rồi, cô vừa dữ dằn vừa đanh đá, tôi không thể sống thêm với cô một ngày nào nữa. Thà anh cứ nói như thế, em sẽ đau lắm nhưng chúng ta sẽ chia tay một cách đàng hoàng. Đời em thù nhất là chuyện vụng trộm, bắt một tay hai cá. Em thề rồi, ai du côn với tui thì tui cũng sẽ du côn lại!

Gớm chưa, con nhà tử tế, lại có học mà nói năng cứ y như là dân cửu vạn ngồi ở chợ người (Thú thật đời Hiển chưa tiếp xúc với dân cửu vạn bao giờ, chỉ nghe các thanh niên đi lao động hợp tác bên các nước Đông Âu tải qua cụm từ này). Chuyện gì chớ cãi lý là Hiển không bao giờ chịu thua:

-Em nói gì cũng phải có cái logic, cái trật tự tuyến tính của nó chứ; cái gì cũng phải trải qua thời kỳ quá độ rồi mới đổi mới hoàn toàn được. Ví dụ như anh quen cô nào anh cũng phải thử thách cho thật cặn kẽ rồi mới dứt khoát. Chớ ai mà quen gái hôm trước hôm sau đã đùng đùng về chia tay với vợ, rồi sau đó lỡ gặp thứ cà chớn thì có phải trớt quớt cả hai đàng không ?

Hiển nhớ Diệm Mi đã nhìn anh với đôi mắt không phải mang hình viên đạn mà mang cả kho đạn căm hờn:

-Anh nhiều cuống họng quá em nói không lại. Em chỉ có thể hỏi anh điều này, anh cứ tưởng tượng đi, nếu em cũng nói với anh những câu như vậy khi em quen với một người đàn ông nào khác, thì anh nghĩ sao? Anh có chờ cho em... quá độ không, hay anh đã bóp cổ cho em chết liền tại chỗ hả anh?

Sau này, lúc Hiển và Diệm Mi rã đám, không ai bóp cổ ai cả, cũng không có ai du côn với ai luôn. Anh nhớ khi anh ngập ngừng đề nghị chia tay, Diệm Mi đang ngồi chải tóc trên giường. Nghe xong, cô đã bất động như hóa đá. Bộ đồ lụa tàu, đỏ rực đã không ánh được một sắc hồng nào lên mặt Diệm Mi, mà trái lại, nó còn làm nền để tôn gương

mặt trắng như tuyết, suối tóc đen như mun và đôi môi mộng đỏ mím chặt gần như bật máu của cô (Chỗ nhận xét này sao Hiển thấy quen quen, à nhớ ra rồi, miêu tả nhan sắc công chúa, da trắng như tuyết, tóc đen như mun và môi đỏ như máu trong truyện thần thoại *Bạch Tuyết và 7 Chú lùn* của Anh Em nhà họ Grimm (Brothers Grimm). Hình ảnh trước mắt làm Hiển ngây ra, chưa bao giờ anh lại thấy vợ mình đẹp đến chết người như thế, anh xúc động nghẹn cả lời như khi chiêm ngưỡng một kiệt tác của nhà danh họa. Tự dưng trong một tích tắc Hiển đã phân vân, mình có thả mồi bắt bóng, có đem vàng ròng đổi vàng mã hay không đây(?) Nhưng sau đó rồi anh cũng đành đoạn bỏ đi. Bây giờ mặt mũi đâu mà đến cầu mong người ta thứ tha. Nghĩ vậy chứ đêm đêm Hiển cứ âm thầm tha thẩn qua nhà cũ, ẩn mình vào hàng trắc bá diệp nhìn lên căn gác chuồng chim mà anh biết chắc là Diệm Mi đang vẽ tranh trên đó. Lần triển lãm tranh của cô sau này đã cho anh biết tâm trạng người sáng tác; không còn những bức tranh chói lọi màu sắc nóng bỏng nữa mà thay vào đó là những mãng màu u ám, nhày nhụa bầm dập đến nao lòng.

Khi Hiển tưởng mọi thứ đã vụt khỏi tầm tay thì Diệm Mi tự nhiên rộng lượng dịu dàng trở lại.

Liên lạc mãi với Hiển để kết thúc giấy tờ li dị mà không được, đành phải ghé vào trường đại học, nơi anh đang giảng dạy, Diệm Mi mới biết anh phải vào viện vì cơ thể suy nhược đến nổi nước tràn vào cả phổi. Lúc đầu cô đến thăm anh cũng như đi thăm một người bạn cũ nhưng dần dần nhận ra không phải cơ thể mà cả tinh thần anh cũng suy sụp hoàn toàn khiến Diệm Mi rưng rưng mềm lòng. Cái biển tình thăm thẳm hai mươi mấy năm chung sống tưởng chỉ cuốn trôi được những người ủy mị nay lại triều dâng trong cô đến ngợp ngàn; vợ chồng thì khắc khẩu nhưng hiểu nhau đến từng chân tơ kẻ tóc, mà cũng có khi không cần phải van xin, một cái nắm tay run rẩy, một ánh mắt khắc khoải cũng đủ để thẩm thấu tới từng tế bào đang hấp hối trong tim. Diệm Mi hận chồng nhưng vẫn yêu chồng, cô biết rõ điều đó trong những đêm khổ sở quằn quại đến độ gần như điên dại. Hiển dọn ra khỏi nhà rồi nước mắt Diệm Mi mới trào tuôn. Mẹ cứ hay kể, con Diệm Mi là con đại lỳ, nhỏ không bao giờ khóc nhè nhè còn khi lớn lên tập xe đạp té trầy trụa, tuột cả da đầu gối ra cũng chỉ nghe hắn rên hừ hừ, tuyệt nhiên không thấy một giọt nước mắt. Công ơn cha mẹ gìn giữ nâng niu suốt cả một đời để giờ đây lại bi lụy thê thảm vì một kẻ bạc tình. Độ này đã khá nguôi ngoai, nhớ lại những vật vã đó, Diệm Mi còn tự ngạo mình, may là mình chuyên trị tranh sơn dầu, chớ mà mình chơi màu nước thì suốt năm qua, tất cả sư bộ tranh của mình hòa với nước mắt sẽ thành tranh sơn thủy hết.

Mà đâu chỉ Diệm Mi là thành viên duy nhất của câu lạc bộ *Chồng Mê Gái*, mấy tháng trước đi chợ Á Đông gặp Kim, một người bạn hồi học chung đại học, đang cắp tay một ông người Đức, cao to như cái cối xay bột mì trong khi Kim thì bé loắt choắt như cái kẹo, Diệm Mi trợn tròn cả mắt:

- Sao lại có sự *thay máu* ở đây? Đừng nói với ta ông ấy là ông hàng xóm tốt bụng cho mi đi xe nhờ đó nghe. Lão chồng quanh năm hen suyễn của mi đâu rồi?

- Về Việt Nam lấy tiên nữ rồi. Việt Nam mình cái gì cũng nghèo đói, thiếu thốn chỉ riêng cái khoản gái tơ thì thừa mứa. Lúc đầu ta cũng hận lão hen ấy lắm nhưng mới đây tình cờ gặp lão ngoài đường, ta chủ động chạy tới nói với lão: thiệt lòng em phải cám ơn anh vô cùng, sao anh không bỏ em sớm sớm hồi 5, 10 năm trước, để em khỏi phải mất đi những năm tháng hạnh phúc trần gian với ông bồ của em hiện nay!

Hai người đàn bà ôm nhau cười ngất. Kim tình tứ nháy mắt với bạn tình mới, liến thoắng kể tiếp:

-To như gấu mà lại hiền như thỏ, bị ta ăn hiếp quá chừng. Tới sở làm thì ổng là sếp phòng mình còn về nhà thì mình lại leo lên làm sếp của ổng, oách chưa? Vậy mà cũng chưa oách bằng con Ngân ròm em gái ta, chồng nó cũng về Việt Nam lấy tiên nữ luôn. Con Ngân nó sùng quá, bay về Sài Gòn tìm tới mấy mỹ viện sửa sang nâng cấp cái mặt tiền, rồi tân trang cả điện nước bên trong lên hàng tiêu chuẩn quốc tế và cuối cùng là kẹp một chàng bồ nhí, cao mét tám, đẹp tương đương các nam diễn viên Hàn quốc! Ông ăn chả thì bà phải ăn nem mới cân đôi. Đọc luôn cho mi nghe mấy câu thơ chua của một nhà thơ ẩn danh, dành tặng riêng cho các chàng Việt kiều mê gái: *Hôm qua anh đến*

nhà em/ Ra về mới nhớ rằng quên... năm ngàn / Anh bèn quay lại vội vàng/ Em còn ngồi đó, ...năm ngàn mất tiêu.

Lại một trận cười. Kim sực nhớ ra, quên hỏi chuyện chồng con mi độ này ra sao, Diệm Mi miệng vẫn còn cười, nhưng cười như mếu:

- Ông Hiển nhà mình cá mè một lứa, đang ôm một em trẻ măng, tuổi đáng đầu con. Vài tháng nữa giấy tờ li dị bọn mình sẽ hoàn tất.

Kim lại sôi sục lên nguyền rủa cái giống bội bạc, và sau đó an ủi Diệm Mi bằng cách hăng hái đề nghị sẽ giới thiệu cho Diệm Mi sếp tổng của nó, hiện đang độc thân và rất thích mẫu người đàn bà Á Châu thùy mị như Diệm Mi, bảo đảm chàng mà gặp mi, chàng sẽ hồn xiu phách lạc liền. Về nhà làm bà Tám, *buôn dưa lê* cho mẹ nghe chuyện chị em Kim, mẹ xua tay như đuổi tà, mi đừng bắt chước mấy con bạn mi, hiện ngụy hết rồi. Mẹ ca cẩm cho mấy bài gia huấn:

- Thế nào rồi thằng Hiển cũng quay đầu hồi hướng, lá rụng sẽ về cội, mẹ bảo đảm với con như rứa. Già rồi mới thấy không ai lo lắng cho mình hết lòng bằng chồng mình đâu con ơi. Nếu ngày trước mẹ mờ nóng nảy như con thì làm sao bây giờ cha mẹ lại có được những tháng ngày bình an như ri.

Không biết có phải vì mẹ cứ chơi đòn tâm lý (Mưa dầm thấm dai), láy đi láy lại cái điệp khúc ráng mà học chữ Nhẫn hay không, đến khi nhà thương cho ra, Diệm Mi đã rộng lượng đề nghị Hiển về nhà để thuận tiện trong việc chăm sóc.

Về nhà ba ngày, sáng nào thức giấc, Diệm Mi cũng hỏi đêm qua anh ngủ được không? Hiển khí thế, cả năm nay, chưa bao giờ anh lại ngủ ngon lành say sưa như vậy, trong người gần như bình phục hoàn toàn. Tí nữa chắc anh sẽ thêm sức bằng cách tắm nóng-lạnh như ngày xưa, em còn nhớ không? Thấy Diệm Mi định há họng ra nói, Hiển càng lên gân, em không tin anh làm được sao, tí nữa anh sẽ biểu diễn cho mà xem... Diệm Mi xua tay, để yên cho em nói, nhu cầu chúng mình bây giờ là nói thật nên em thấy cần phải cho anh biết một cách thẳng thắn là trong thời gian anh... mê gái, em cũng đã có một người bạn trai mới!

Sấm sét nào đang bổ xuống đầu Hiển sáng lòa. Đó là cơn đau thứ hai mà anh phải chịu trong đời. Cơn đau này dữ dội và tàn nhẫn hơn cơn đau với Kim Hoàng hàng vạn lần. Đền đài thần thánh của anh cháy rụi tan hoang còn thân xác anh thì thâm đen, xám xịt. Thà cứ để cho anh nằm cô quạnh trong nhà thương còn hơn vực anh về đây rồi đốn ngã anh bằng những đòn roi vô hình xé toạc thịt da. Nỗi khùng nổi điên lên mấy cũng ráng mà ngậm tăm chớ quyền hạn đâu nữa mà trách cứ người khi lỗi mình còn bầy hầy ra đó. Còn cứ mà chơi kiểu gàn bát sách ngâm nga ư ử, đàn ông có quyền năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ được một chồng thì coi như... xưa rồi Diễm ơi! Ngàn lần hỏi là cả ngàn lần tự trả lời: Diệm Mi hoàn toàn có quyền tự do tìm bạn mới. Cụ bà móm mém bên này cũng còn tìm bạn bốn phương huống hồ trẻ đẹp như Diệm Mi. Hồi Hiển còn kè kè một bên mà cũng có mấy tay ba trợn nhắm nháy cô, gặp thời cơ vườn hoang nhà trống như năm rồi, ngu gì tụi nó không nhào vô bốc hốt. Lúc còn phong độ, chưa bị bó rọ trong hoàn cảnh bế tắc, Hiển rất ít khi tin vào những điều mà anh cứ cho là siêu hình, như khi đọc một câu tiếng La Tinh trong Kinh Cựu Ước: par pro pari referto (= to pay like with like, xin tạm dịch một cách vụng về là gieo gió ắt phải gặt bão, còn dịch theo kiểu... cửu vạn nhưng vô cùng dễ hiểu của Diệm Mi là ai du côn với tui thì tui sẽ du côn lại), thì nay nghiệm lại với những hành động u mê của mình, anh mới thấy luật trời sao mà công tâm minh triết vô cùng! Nhưng lý lẽ chính xác thì chỉ giúp Hiển nguôi ngoai trong phút giây, còn cái cách suy nghĩ hạn hẹp với cục bướu phong kiến to chần vần ngày cứ cương phồng trong đầu Hiển, đè lên bán cầu não trái, nén lên bán cầu não phải, khiến anh ngộp ngạt đau đớn gần như quằn quại...

Bước ra khỏi nhà Diệm Mi mới biết trời đang mưa. Mưa bụi mỏng tang không đủ làm ướt áo nhưng cũng làm không khí ẩm sực lên. Diệm Mi khoan khoái hít đầy lồng ngực mùi hoa hồng xen lẫn với oải hương thảo, và có cả mùi hơi đất nồng nồng mà cô lúc nào cũng mê mẩn. Diệm Mi dịu dàng cúi xuống luống hoa mấy tuần trước còn trơ một màu đen khô cứng, hôm nay đã nảy lên cơ man những chồi non bụ bẩm của các sứ giả mùa xuân, nào là uất kim hương, dạ lan hương, bạch dã

quỳ, thủy tiên... nhìn không chán mắt. Còn đúng một tuần nữa là đến hôn nhật lần thứ 25. Hôm qua len lén thử lại bộ váy cưới, Diệm Mi sung sướng vì chui vào vẫn còn vừa vặn, khít khao. Diệm Mi và Hiển lấy nhau vào mùa xuân và sinh con cũng vào mùa xuân. Chao ơi, bao nhiêu là mùa xuân nồng ấm. Hai mươi bốn mùa xuân đầu tiên mình đã một lòng một dạ đóng hết mình vai tỳ nữ tận tụy với chồng con; năm trước được chồng ưu ái cho chuyển lên làm đào thương, khóc ngày khóc đêm suýt nữa là đui luôn hai con mắt như Lục Vân Tiên khóc mẹ; còn mấy tuần vừa rồi thì tự biên tự diễn vai đào lẳng để bắt chồng trải nghiệm nỗi đau của kẻ bị phụ tình. Vai nào mình diễn cũng xuất sắc, giá mà còn ở trong nước thì bao nhiêu danh hiệu cao quý như là nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân chắc mình sẽ lượm hết ráo. Nhưng tuồng diễn đến đây kéo màn là vừa, hành hạ phạm nhân đã nư rồi, ký giấy khoan hồng đi thôi. Những buồn phiền nặng trĩu, những hờn giận ngút ngàn, những khổ đau gập ghềnh đang vây bủa từ bấy lâu rồi cũng phải được sang trang, nếu không, con người sẽ tự chôn sống vào vũng lầy của chính mình đến chết mắt. Chiều nay đi làm về, Diệm Mi sẽ thú thật tất cả: Từ khi anh bỏ tôi ra đi, tôi đã đau đớn co cụm lại, đã lạnh lùng cách ly với tất cả xao động bên ngoài gần bằng các nữ tu Benediktiner dòng kín khổ hạnh, thong dong đâu mà dám tính chuyện trói buộc thêm lần nữa, hả anh? Và còn một điều thầm kín mà ngay chính mẹ cha hay cả anh cũng không bao giờ nhìn thấu: Lộ diện ra bên ngoài là sự lì lợm, bướng bỉnh nhưng sâu thẳm bên trong, tôi cũng chỉ là một người vợ đằm thắm, nhu mì như ngàn vạn người vợ khác, đối với chồng là cả trời yêu thương hun hút, cung cúc hiến dâng, ngợp ngàn chung thủy, rời nhà cha mẹ ra đi lấy chồng chỉ đau đáu tâm niệm đến cuối đời mỗi một câu: *Một lần là trăm năm(**)*...

Dưới cơn mưa xuân, Diệm Mi hân hoan mường tượng ra mình sẽ xinh đẹp như thế nào trong lần kỷ niệm đám cưới bạc sắp tới...

Trần thị Hương Cau

(Germany - Tết Nguyên Đán 2009)

(*) Lời nhạc của Vũ Thành An
(**) Lời nhạc của Trịnh Công Sơn

TIỂU SỬ

Tên thật Trần thị Vân Loan, sinh vào 23.12.1959 tại Sài Gòn nhưng gốc gác là người Huế đặc sệt. Ở Sài Gòn học Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật, sang Đức năm 1984 theo diện đoàn tụ gia đình và đổi qua học Điện Toán. Sau khi lập gia đình, chỉ ở nhà chăm sóc chồng và hai con.

Từ hồi lên trung học đã tập tễnh viết văn vì theo truyền thống gia đình của cha lẫn mẹ và 5 chị em gái trong nhà, ai cũng say mê trong việc đọc và viết. Trước 1975 đã viết cho trang Mai Bê Bi báo Chính Luận, báo Dân Chủ; sau khi ra nước ngoài có tham gia viết cho Làng Văn tại Canada và hiện nay đang là cộng sự viên đắc lực của báo Viên Giác tại Đức. Từ năm 2005 đã mày mò tự học vẽ tranh, cho đến nay đã cùng các họa sĩ trong thành phố tham gia triển lãm tranh nhiều lần. Sở trường là tranh sơn dầu lập thể, màu sắc tươi tắn, mãnh liệt.

Dù cầm bút hay cầm cọ, đều làm việc rất nghiêm túc. Luôn luôn cố gắng tìm tòi những điều mới mẻ, vì lòng tôn trọng người thưởng ngoạn. Còn đối với bản thân, theo đuổi nghệ thuật là một lối thoát, dù chỉ là khoảnh khắc, nhưng cũng đủ đem lại những thăng hoa trong cuộc đời nắng gió, đầy rẫy những gập ghềnh này...

Em Sáu Của Tôi

VŨ NAM

Sau nhiều năm suy nghĩ về em Sáu tôi thấy có bổn phận phải viết lại những dòng chữ kể lại cuộc đời của em.

Năm tôi lên hai tuổi, em Sáu đã được một. Sanh năm một chắc là má tôi mệt lắm. Hai vợ chồng gọi là trẻ nhưng cũng không còn trẻ nữa phải lo cho đến năm đứa con. Sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, hoà bình lập lại ở miền Nam. Từ một làng chài lưới, nhà lá mái tranh, ba má tôi dời cư về ấp du lịch, nơi có núi, có biển. Thời chiến tranh ấp này đầy Việt Minh ẩn núp, nên là vùng mất an ninh, nhưng khi nước nhà độc lập, ấp này trở thành nơi du lịch, người ta có thể đến đó để mở quán ăn, nhà hàng.

Ba má tôi về cắm dùi trên một miếng đất cạnh biển. Cất lên một căn nhà lá, mái lợp bằng tranh, vách bằng lá dừa. Chị em tôi áo quần vá chằng chịt. Có một tấm hình tôi còn giữ mãi đến hôm nay. Trong hình tôi đen đúa, ở truồng, chỉ được có chiếc áo sơ-mi màu đen che được cái lưng mỗi khi dang nắng khỏi phồng da. Sau này khi nhìn tấm hình này, vợ tôi hay cười nói rằng hồi nhỏ tôi xấu quá trời! Hình chụp trước quán ba má tôi, với những người khách du lịch giàu có từ Sàigòn xuống đây để tắm biển, nghỉ ngơi cuối tuần, sau ngày đất nước đã có hòa bình. Tôi đứng cạnh một thằng bé con tuổi bằng tôi, có quần áo đẹp và giày sandal sang trọng. Trong hình tôi đang nhìn nghiêng hướng mắt về thằng bạn. Đâu thấy thằng mặt tôi, vậy mà bà xã vẫn chê tôi xấu, chắc tại vì tôi quá đen, đứng bên cạnh mấy cậu Sàigòn có da mặt thật trắng.

Quán ba má tôi bán cà phê suốt cả ngày. Bán thức ăn chỉ có hai ngày cuối tuần. Cứ bất cứ lúc nào khách muốn có cà phê, hay nước giải khát, đều có ngay trong khoảng từ 5 giờ sáng đến 10 giờ tối. Vừa sáng sớm đã có chiếc xe đò chạy chuyến sớm nhất mang cho quán nửa cây nước đá, để bán cho suốt cả ngày. Đường sữa, cà phê, nước ngọt thì khi hết ba tôi lấy xe đạp đi đến làng lân cận mua đem về. Ngày thường má tôi ngồi bán lai rai, ba tôi làm trưởng ấp, làm thêm vườn rẫy. Nhộn nhịp nhất là hai ngày cuối tuần. Khách Sàigòn xuống tấp nập. Ba má tôi phải lo nấu ăn cho khách, bỏ mặc anh chị em tôi muốn làm gì thì làm.

Gió biển hài hòa cứ thổi và từ từ chị em tôi cũng dần lớn lên trong khoảng thời gian thanh bình của đất nước. Dãy núi nằm trước mặt nhà tôi gần đến đỏi tôi còn nghe tiếng con man tát (man kêu) mỗi buổi sáng. Sương và mây trắng phủ trong những ngày mùa đông. Hè về lá cây xanh màu rực rỡ. Phía sau nhà là biển, gió biển thổi vào nhà suốt cả ngày. Mùa hè ánh nắng rọi xuống mặt biển. Mặt biển chiếu sánh như màng kim tuyến. Mùa gió bấc, mặt biển lồng lộn với những cơn sóng, đầy bọt trắng.

Dần dà có tiền ba má tôi phá bỏ cái quán ăn làm bằng tranh và lá dừa, xây lại quán bằng gạch, xi-măng, mái lợp tôn thiếc. Có thể nói quán ba má tôi là trung tâm „dịch vụ“ ở đây. Những người dân từ ở nơi xa dời cư về đây làm nghề hái cũi hầm than, làm vườn làm rẫy trồng khoai bắp trái cây; những gia đình được chủ Tây, chủ Việt mướn đưa về đây để làm gát-dan cho những Villa to lớn vừa mới cất, hay đến ba tôi để xin hỏi những giấy tờ cần thiết. Không nườm nượp, nhưng trong quán ba má tôi hằng ngày thường vẫn có khách vãng lai.

Thế rồi nhịp độ chiến tranh ngày càng tăng, khách vãng lai ngày càng vắng, vì những buổi chiều thỉnh thoảng đã có những du kích Việt cộng xuất hiện. Ban đầu chính quyền Quốc gia còn chịu để dân tiếp tục sinh sống nơi đây, sau du kích làm quá nên chính quyền ra lịnh cho dân tản cư về vùng an ninh. Như mọi người dân khác trong ấp, gia đình tôi đành bỏ ấp du lịch, dời lại về làng đánh cá.

Dù xa núi rừng ở ấp du lịch, nhưng từ xa, những sớm mai, hay những buổi chiều, từ nơi nhà mới chúng tôi đều có thể dỏi mắt về những đỉnh núi xa xa, màu xanh đậm và mơ một ngày nào sẽ quay về lại nơi đây, khi không còn chiến tranh.

Đến mười tám tuổi, tôi phải vào lính. Tôi xa nhà, xa các chị, dần dà không còn nghĩ đến chuyện của em Sáu. Chuyện về em dần dần mờ như sương chiều mỗi lúc một dày đặc phủ trên cảnh vật theo theo thời khắc của đêm thâu. Lúc đang ở quân

trường tôi nghe nhà nhắn tin ra là nhà đã tìm lại được em Sáu. Qua những thư từ nhà gửi đến, tôi cũng thấy rộn ràng trong lòng. Lý do: Em Sáu của tôi rất đẹp, dù cô mới 17 tuổi. Nhà cho biết thêm, cứ nhìn cô ca sĩ cải lương Phượng Liên, thì nhan sắc của em Sáu tôi cũng vậy. Phượng Liên vóc dáng mảnh mai, giọng ca rất ngọt. Cô đẹp nhưng bao giờ trong tuồng hát mặt cũng dào dào buồn vì đóng đào thương. Dù là anh em ruột, thất lạc nhau từ lúc em còn nhỏ, nhưng nghe tin tôi cũng mong có ngày về phép để gặp em.

Năm em Sáu vừa được gần một tuổi, ba tôi có lăng nhăng với một người nấu ăn cho đoàn hát, tên Dì Hai. Rất mê cải lương nhưng ba tôi không mê đào hát mà lại mê người nấu ăn cho đào hát. Có lẽ mỗi buổi sáng đi chợ mua hàng về cho quán ăn, ba tôi đã quen Dì Hai. Ba tôi lén lút gặp mặt Dì Hai, chớ không ra mặt, vậy mà cũng đến tai má tôi. No mất ngon, giận mất khôn, đang mệt mỏi với năm đứa con, cộng giận chồng có vợ nhỏ, má tôi đem em Sáu tôi đi cho.

Chỉ chưa đầy một tháng sau đó, ba tôi nghe tin mất con, về đi xin lại. Đến nơi họ giấu, họ không muốn cho lại. Chúng tôi mất em Sáu từ đó.

Nỗi buồn dằn dà vì một đứa em, đứa con bị mất, cũng theo ngày tháng phôi pha. Chúng tôi lớn lên với những gợn sóng biển lăng tăng trong ngày hè. Lớn dần lên với những người bạn hàng xóm, như Hùng như Lạc. Rồi qua tuổi thiếu niên, bước vào thời thanh xuân tôi cũng biết yêu đời, yêu người. Hình ảnh em Sáu ngày càng xa hơn. Nhưng Lạc tôi vẫn có bên mình. Cô gái hàng xóm, sớm chiều có nhau. Chúng tôi cùng vào tiểu học ở ngôi trường làng, vì ấp du lịch không có trường tiểu học. Chiều thứ bảy tan học, chị em tôi cùng anh em Hùng, Lạc đi bộ từ làng về ấp, nơi còn gia đình tôi và Lạc. Chiến tranh lan rộng, tàn khóc lắm rồi. Chúng tôi linh cảm được rằng ngày chúng tôi xa ấp không còn bao xa. Ngày chủ nhật cuối tuần, xa trường lớp, chúng tôi sống với núi rừng cây cỏ trong ấp. Sống trọn vẹn một ngày, để sáng hôm sau, thứ hai lại phải cắp tập lục đục trở về làng để học.

Tết năm 1973 tôi được về phép thăm nhà và là dịp đầu tiên tôi gặp em Sáu. Chị tôi diễn tả về em Sáu không sai. Nét mặt em giống cô đào cải lương Phượng Liên lắm. Ở nhà quê nên em không mặc quần áo điệu đà. Em mặc rất đơn giản. Một chiếc áo bà ba màu hồng và chiếc quần dài đen.Tóc em để đến thắt lưng. Màu tóc đen mượt. Vóc mình em nhỏ, mảnh mai. Nếu không biết trước là anh em, gặp đâu đó ngoài đường, những thằng thanh niên đang đi lính như tôi, chắc theo chọc ghẹo, tán tỉnh em ngay. Anh em từ ngày đẻ ra đến mười chín hai mươi năm sau mới gặp mặt lần đầu, nên dù muốn thân thiện cũng không thể thân thiện nhanh được. Hai anh em nói chuyện với nhau như cặp tình nhân vừa mới quen, còn đầy e ngại. May mà em đã về lại nhà tôi được hơn nửa năm, nên trong gia đình em không còn ai rụt rè e lệ với ai, ngoại trừ tôi, người anh vừa từ xa về nhà.

Đời lính, nên sau mấy ngày phép rồi tôi cũng phải ra đi. Và em Sáu tôi vẫn đi qua lại giữa hai gia đình cha mẹ nuôi và ruột của mình. Trong thư từ về gia đình lần nào tôi cũng viết vài lời thăm em Sáu. Sau đó tôi còn biết em Sáu sắp lên xe hoa với một trung sĩ Địa Phương Quân. Gái lớn lên thì phải lấy chồng và em Sáu đi lấy chồng là việc bình thường. Tôi ở xa quá nên cũng không về dự đám cưới được. Và tôi chỉ gặp lại em Sáu, cũng như gặp lại gia đình là sau ngày ba mươi tháng tư năm bảy mươi lăm, khi đất nước được gọi là đã chấm dứt chiến tranh.

Nhưng khi tôi vừa về đến nhà sau ngày đất nước vừa hòa bình, thì như nhiều người dân Việt Nam lúc bấy giờ thường gặp những chuyện buồn, tôi cũng biết được một chuyện buồn cho em Sáu: chồng em mới vừa tử trận chỉ trước ngày 30 tháng 4 vài tuần! Đang xin tiền tử thì miền Nam hoàn toàn được „giải phóng“. Chồng chết, tiền tử không có, con chưa đầy một tuổi. Bao chồng chất khó khăn cho người thiếu phụ.

Đất nước vừa có hoà bình. Tiếng súng đã không còn đêm đêm vọng về, nhưng nỗi lo âu về sự đói khổ, thiếu ăn, đã làm mọi gia đình ở miền Nam trong những ngày tháng này cũng thật khổ sở. Trong những ngày này chúng tôi rủ nhau đạp xe trở về ấp du lịch để thăm lại làng bản ở đây và ngôi nhà của cha mẹ nằm cạnh bờ biển. Quang cảnh tiêu điều. Cầu sập. Đá núi lòi ra trắng xoá vì

BÀI TANGO MUÔN THUỞ

Em yêu dấu,
Có đêm không ngủ được, nghĩ đến em nhiều
Thế mới biết đêm dài quá đỗi!
Nghe yêu thương và nỗi nhớ ngập tràn
Ngón tay dài và hình bóng em ngoan...

Anh muốn em là bài Tango muôn thuở!
Anh muốn em là dòng máu luân lưu
Em là niềm hạnh phúc, là nỗi đau dịu dàng
Ngự trị hồn anh và cả trái tim...
*
Em ơi, rồi một mai em sẽ chết
Anh không muốn ghi lên mộ hoa bia đá
Anh sẽ khắc tên em trong trái tim anh
Không đưa em về huyệt mộ,
mà chôn chặt tận đáy hồn...

Em đi rồi, đôi mắt em còn quanh quẩn
Hương đắm say dù lỡ cuộc tình trần
Kỷ niệm ái ân còn đầy hò hẹn
Ngày nào cũng ly rượu chếnh choáng men cay...

Và... dìu nhau trong bài Tango không-muốn dứt!
Tình yêu này... đã cho nhau bất tuyệt...
Em đi rồi, chiều tím cả bờ môi!

Mỗi lúc đêm về, lặng lẽ, đơn côi
Thế mà có một lần, anh làm bài thơ
(mà cả hai tâm đắc)
"Ta hiểu rằng ta không còn cô độc" gởi tặng em!

BÙI THANH TIÊN
(Virginia)

bom đạn. Đường xá đầy những lỗ đào để chống chiến xa. Cây hai bên đường bị bom cày sới…. Phải tạm quên tất cả để bước vào giai đoạn mới của đất nước. Phải làm lại từ đầu. Phải lao động. Trong nhà tôi phận ai nấy làm. Việc ai người ấy tiếp tục. Riêng em Sáu vì chồng chết nên không còn ở bên nhà chồng, em về tá túc lại với nhà cha nuôi. Vì gia đình trong hiện tại chỉ còn mình ông. Dù sao em Sáu cũng phải có bổn phận chăm sóc ông trong tuổi già. Em làm lại nghề may, ngồi may ở nhà, hằng ngày nấu cơm, chăm sóc con nhỏ và người cha nuôi.

Gái một con trông mòn con mắt. Người đời nói không sai. Em Sáu đã đẹp, giờ sau một lần sanh nở lại đẹp hơn. Đang độc thân nên không thiếu ong bướm ve vản. Nhà cha nuôi của em Sáu cách nhà tôi khoảng mười cây số, nên thỉnh thoảng có việc ngang qua chị em tôi hay ghé thăm Sáu. Ngược lại em Sáu thỉnh thoảng cũng ẵm con xuống thăm gia đình ba má ruột.

Ở miền Nam vào thời kỳ sau năm 75, chắc ai cũng còn nhớ là Cộng Sản có chính sách đưa bộ đội xin vào ở trong nhà dân. Nhà nào đông con cự tuyệt không cho thì họ chịu. Nhà nào ít người thì phải chịu để cho họ ở chung đụng trong nhà. Nhà cha nuôi em Sáu chỉ có ba người nên phải để bộ đội vào ở. Thấy Sáu đẹp, tên trung úy người Bắc, đại đội trưởng, lấy nhà Sáu làm bộ chỉ huy đại đội. Nghĩa là cả ngày và đêm hắn ở đây, ngoài lúc đi công tác. Tên này đã có vợ con ở ngoài Bắc, nhưng lại mê em Sáu kinh khủng, dù biết Sáu là vợ "lính Ngụy". Chuyện anh trung úy bộ đội "thả dê" em Sáu manh nha đến tai ba má tôi. Nhưng dù có thương em Sáu, ba má tôi cũng phải để em Sáu tiếp tục ở nhà người cha nuôi để chăm sóc ông trong lúc tuổi ông cũng đã già và đã phải chịu chứng ghiền rượu đế. Mỗi bữa cơm không có nửa xị rượu cho ông là không được. Ông lại có thêm bịnh suyễn.

Biết phận mình không lo gì được cho em trong cuộc sống mới đầy gian nan vất vả, nhưng vì tình máu mủ ruột thịt vẫn còn đó, nên thỉnh thoảng tôi ghé thăm gia đình người cha nuôi của em Sáu, nhất là muốn thăm em và đứa con trai đầu lòng vừa được sinh ra đã mất cha. Tình thương em trong tôi không khắng khít mặn nồng như mùa hè chói chang, không quá lạnh lẽo như mùa đông, mà mơ hồ như mùa thu., bàng bạc với cơn gió nhẹ. Tôi cũng nghe nói có anh bộ đội đang theo đuổi em

nhưng cũng không biết phải khuyên can em ra sao. Vài chuyện tình của tôi sau ngày đất nước không còn chiến tranh cũng đã đi vào ngỏ cụt. Chuyện tình cảm của tôi, tôi còn lo chưa xong thì còn biết lo cho ai! Ngọc từ Sàigòn lặn lội đến thăm tôi một lần rồi biệt tăm vì biết tôi không thể nào trong hiện tại lập gia đình với Ngọc được. Hoàn cảnh sau 75 đầy khó khăn, có muốn một mái ấm gia đình nho nhỏ cũng là chuyện không đơn giản chút nào. Vài cô gái cùng làm chung trong nhà thầu xây dựng, cũng chỉ là nỗi vui để qua những ngày rộng tháng dài không thấy tương lai trong lúc này.

Nhưng tai họa lớn nhất cho em Sáu là sau khi em có bầu với người bộ đội. Anh này biết tẩy ông già nuôi em Sáu nghiện rượu nên cứ chiều chiều mua về cho ông một xị rượu đế, uống xong ông còn biết trời trăng là gì, và tay bộ đội cứ ra tay hành động theo những toan tính đã có từ trước. Ngày mọi người hàng xóm biết em Sáu có bầu cũng là ngày không còn thấy bóng dáng anh chàng bộ đội này trong nhà em Sáu nữa. Anh xin đổi đi đơn vị khác hay xin phục viên ra khỏi bộ đội cũng không ai biết, mọi người chỉ biết một điều là anh đã có vợ con ở ngoài Bắc. Điều này do chính những người lính Bắc Việt dưới quyền anh "báo cáo" cho bà con làng nước biết.

Em Sáu lại có bầu, lại sanh con một mình, nói như câu ca dao miền Nam là đi biển một mình! Chị em tôi thỉnh thoảng ghé lại thăm em Sáu và hai đứa cháu không cha. Ba má tôi ít dám bàn nhiều đến chuyện em Sáu vì nghĩ mình có ít nhiều trách nhiệm đến cuộc đời gian truân của em trong hiện tại.

Sau này, khi nói chuyện đôi lúc em Sáu tâm sự với tôi. Mình là đàn bà con gái ở một mình, lại mấy ổng cứ nói mình là vợ của "lính ngụy", nên ổng hiếp mình, mình cũng phải ráng chịu chớ biết đi thưa với ai. Sau bảy mươi lăm có người vợ "lính ngụy" nào dám đi thưa cán bộ, bộ đội nếu bị họ chọc nghẹo, bị hiếp? Không khéo còn bị qui chụp là nói xấu cán bộ! Cũng tại số phận hết anh Năm à! Cũng có thể Sáu bị hiếp, cũng có thể Sáu nông nỗi, cũng có thể sự đòi hỏi từ người goá phụ trẻ…, mọi câu hỏi từ từ cũng không ai buồn nhắc đến. Mọi người chỉ thấy Sáu lo tần tảo may vá nuôi hai đứa con mà cha nó là hai người Việt Nam, trong thời chiến tranh Quốc Cộng đã ở hai bên chiến tuyến. Một đã hy sinh cho miền Nam và một đang chốn tránh vì hành vi "tiêu cực" của mình.

Bây giờ, mỗi khi anh em gặp lại, là mỗi lần tôi thấy em Sáu mập thêm ra. Lại cũng giống y như cô đào Phượng Liên khi tôi thấy cô xuất hiện trên sân khấu ở hải ngoại. Cũng mập ra. Lớn tuổi nên người mập ra là chuyện bình thường, nhưng có lẽ do gia đình không còn quá khó khăn vất vả nên người đàn bà dễ trở nên đẫy đà, có da có thịt. Hai đứa con trai Sáu trở thành tài xế cho một công ty lo về xây dựng. Cả hai đã có gia đình. Một ở riêng và một ở chung với Sáu. Ngoài giờ coi cháu, đưa đón cháu đến trường, hình như Sáu chỉ còn một việc làm và làm mỗi ngày là đánh Tứ sắc, nhất là trong dịp Tết. Tôi nghe hàng xóm Sáu nói như vậy. Tôi cũng thấy, những bà hang xóm đến rủ Sáu đi đánh Tứ sắc, thình lình gặp tôi họ cũng thập thò không dám vào rủ, phải đợi đến lúc tôi về họ mới dám trở lại rủ gầy sòng. Chắc mấy bà này cũng bực mình vì tôi lắm. Đồ kỳ đà cản mủi. Ai có ghiền bài bạc, Tứ sắc thì biết sự ghiền ra sao.

Nghe Sáu kể hai thằng con trai rất thương yêu nhau. Sáu không cho tôi biết tụi nó có biết là hai đứa cùng mẹ khác cha không. Nhưng chuyện này không quan trọng. Quan trọng là chúng biết thương yêu nhau và cùng lo cho người mẹ đã vì cha chúng nó mà phải trải qua một thời thanh xuân đầy gian truân, khổ cực. Giờ Sáu phải có quyền được hưởng sự an bình, hạnh phúc trong tuổi già bên cạnh cháu con.

Những ngày trước Tết chị em chúng tôi thuận đường xe hay ghé cho tiền để em Sáu sài, sau đó em mang bánh trái qua nhà chị em chúng tôi cho lại. Gặp nhau em Sáu thường lập lại: Giờ ba má cả ruột lẫn nuôi đều chết hết rồi. Hồi nhỏ em không ở được với anh chị vì hoàn cảnh gia đình, giờ em chỉ còn anh chị là ruột thịt, anh chị cho phép thỉnh thoảng em ghé thăm anh chị, nhà có giỗ lễ ba má, anh chị gọi điện thoại cho em, em sẽ đến phụ anh chị cúng kiến, dù gì cũng là cha mẹ của chung, em cũng muốn phụ một tay.

Người chồng trước đã chết thì không nói làm gì. Người chồng sau, bộ đội, mãi đến tận hôm nay vẫn chưa trở lại để nhìn mặt đứa con trai đã có với Sáu.

Đó là câu chuyện về em Sáu của tôi.

Vũ Nam
(Germany)

BẠN HỮU BA MIỀN

ĐỖ PHÚ

Hắn đang lựa chọn áo quần bán đại hạ gía trong dịp những ngày nghỉ lễ, bỗng cảm thấy như có người đang nhìn hắn. Quay lưng lại, hắn thấy ba chàng đang nói chuyện nhìn hắn rồi vội quay mặt đi chỗ khác làm như không để ý đến hắn. Đi vài bước, hắn quay lại, bắt gặp một cặp mắt đang nhìn hắn, rồi lại vội quay qua hướng khác, ba anh chàng Á Châu, không rõ Việt, Nhật hay Tầu. Người đàn ông vừa nhìn hắn, hắn thấy có nét quen quen, hắn vận dụng trí nhớ để xem người này là ai, đã gặp ở đâu, mấy cha nội này đúng là dân Việt mình rồi.

- Anh có phải là Hải Bắc không? Một anh tiến lại phiá hắn, hỏi.

- Phải, hắn ngạc nhiên vì có ai biết biệt danh Hải Bắc cuả hắn.

-Không nhận ra mình hả, Hoàn Trung đây, giờ ở mô, đi mô rứa?

Phải ngắm Hoàn một lúc, hắn mới nhận ra thằng bạn cũ. Hoàn quay qua giới thiệu hai người bạn cùng đi với hắn Thuận và Khải. Lâu qúa không gặp nhau, chắc phải trên 30 năm rồi còn gì, Hoàn nói trên 40 năm chứ không phải 30 đâu. Dù ở Mỹ trên 30 năm nhưng dáng mình hạc của hắn vẫn không thay đổi là bao trừ nét mặt nhăn nheo, phong trần hơn, tóc muối tiêu, muối nhiều hơn tiêu, nhờ vậy mà Hoàn còn nhận ra hắn. Hắn kéo cả ba người bạn vào tiệm Mc Donald kiếm chút chút gỉ ăn, uống cafe nói chuyện. Hoàn kể từ ngày vào Thủ Đức khóa 13 năm 1962 là lúc chúng mình xa nhau, mỗi đứa mỗi nơi, không còn dịp gặp lại nhau. Sau khi ra trường, tớ đổi lên cao nguyên Lâm Đồng, quen được nhiều em gái ĐàLạt, tớ có gía lắm nên bắt được một em gái hậu phương xứ anh đào, sau là vợ tớ chắc cậu chưa gặp, khi gập cậu sẽ mến *en* ngay. Tớ có hai con đã trưởng thành, cậu chắc cũng không ngờ đâu, sau bao nhiêu năm vất vả trong quân ngũ, rồi lại đi học tập trên 7 năm, vợ tớ vẫn tần tảo nuôi con, chờ chồng. Bây giờ chúng tớ có cửa tiệm buôn bán xe đạp nhỏ ở quận 3 Sài Gòn, đời sống ổn định lại thêm gia đình nhà vợ đông, mẹ già nên tớ không nghĩ đến xin ra đi nữa. Cái thời của địa ngục cũng đã qua. Hắn hỏi làm sao cậu qua đây, du lịch hả, làm ăn chắc khá? Hoàn nói tớ xin đi theo phái đoàn thương mại tham quan thị trường Mỹ, ghé vào tai hắn, Hoàn cười: tham quan cái nỗi gì, có thằng bạn quan chức lớn rủ, thấy nó cho cơ hội là tớ xin đi chứ cái tiệm xe đạp của tớ thì cần tham quan, tham kiết gì. Nhà nước xin được chi phi cho phái đoàn, nên tớ chi ít mà được đi nhiều, xem nhiều. Dịp may hiếm có.

Hắn gặp Hoàn vào năm 1955, lúc xuống Cần Thơ làm việc và quen Hoàn lúc ngồi tán chuyện gẫu ở câu lạc bộ thể thao. Những người bạn mới phần lớn là dân di cư mới từ ngoài Bắc hay Trung vào, Hoàn từ miền trung, dạy học cho một trường trung học tư thục. Sau vài lần gặp nhau rồi thân nhau, Hoàn nói hắn muốn mở lớp riêng của hắn chứ không muốn đi làm công cho người khác, hắn khuyến khích Hoàn nên làm, vì thấy Hoàn là người rất năng động, xông xáo. Hoàn là một con người nhiều thắc mắc, nói nhiều, đòi hỏi nhiều, rất kỹ tính. Ít ngày sau đó Hoàn cho biết mới thuê được l căn nhà kiểu biệt thự, hai phòng ngủ, l phòng khách rộng dùng làm lớp học. Hoàn đã có l số học trò. Hoàn kéo thêm Thái từ Sài Gòn xuống là có thể khai

trương các lớp học tư này, Thái là công tử con nhà giầu, kiểu công tử Bạc Liêu, du học Pháp vài năm, chán qúa bỏ về, được quảng cáo là đã tốt nghiệp ở Montpellier mà không thấy nói tốt nghiệp ngành gì. Thái sẽ dạy hai môn Pháp và Anh văn. Anh lại là loại người bất cần đời, bất cần tiền nên Hoàn yên tâm phần nào nếu không đủ học sinh, sở hụi. Thế là ba thằng bọn hắn dọn vô ở hai phòng. Hoàn nhận lo phần quản lý nhà cửa luôn cả nội trợ.

Chiều chiều Thái dùng chiếc Renault cũ của hắn chở cả ba ra câu lạc bộ thể thao ăn cơm tối. Bà Tư chủ quán ăn tại câu lạc bộ, mỗi khi thấy bọn hắn tới thì chào hỏi ầm ỹ, chào ba cậu Trung Nam Bắc, hôm nay có món canh chua, tôm ướp muối ngon lắm, tầu hũ chiên, khá kho tộ... cái miệng như ống loa của bà Tư làm họ trở thành ba chàng Trung Nam Bắc. Khi thấy hắn tới một mình thì mọi người gọi hắn là cậu Bắc. Mặc nhiên nó trở thành tên của hắn. Hoàn trở thành Hoàn Trung, còn Thái thì ai cũng thấy rõ hắn là người Nam, dù giọng nói đã lớ lớ, có khi hắn cố tình làm vẻ dân Tây học, vì ở Pháp lâu ngày, nên phần nào quên tiếng mẹ đẻ.

Hải Bắc hay cậu Bắc là tên gọi thân thương của mọi người ở Cần Thơ gán cho hắn, Hắn cải chính thế nào cũng không được, đành nhận, ai cũng tỏ vẻ thân thiện hay có thể nói không qúa là ai cũng yêu mến ba chàng trai trẻ tuổi mới vào đời này. Hắn ngạc nhiên và vui sướng thấy sự hội nhập vào miền đất mới quá dễ dàng. Lần đầu tiên gặp người miền Nam hắn hiểu họ ngay và họ cũng hiểu hắn nói gì ngay. Trái với những điều hắn lo lắng như người ta đã nói với hắn. Có một số ít từ ngữ như người Bắc gọi *cái cốc* thì người Nam kêu là *cái ly*, người Bắc gọi *cái lọ* người Nam kêu *cái chai*, người Bắc gọi *qủa bưởi, qủa cam* thì người Nam kêu *trái bưởi, trái cam*, người Bắc *gọi lạc* trong Nam *kêu đậu phọng*, người Bắc gọi *cái ô*, trong Nam kêu *cái dù*, người Bắc *gọi đau*, Nam *kêu ốm*, Bắc *nói khoác lác*, Nam *kêu ba sạo*, người Bắc khen *cô bé đẹp xinh qúa*, trong Nam *con nhỏ đẹp xinh qúa trời, qúa xá*... Nói chung, cách nói, giọng nói của người miền Nam, chậm, kéo dài một cách hết sức dễ thương, ít từ ngữ khác biệt không làm Bắc Trung Nam xa cách, trái lại hắn thấy nó kéo họ lại gần nhau hơn.

Sau khi Hiệp Định Geneve được ký kết, Việt Nam bị phân chia làm hai miền, lấy vĩ

CHỜ NHAU

(cho tha nhân)

Em thả đời theo những ước mơ
Phố quen vẫn kẻ dại mong chờ.
Người đi dấu cũ còn nguyên đó
Nhà vắng đèn khuya lại thẫn thờ!
Ôm phím ngà xưa tìm bóng cũ
Mà nghe hồn ngẩn khúc đêm thu.
Bỗng dưng ta nhớ bài em hát
Dìu dặt lời thơ tiếng sáo ru.
Từ độ em về quên mất lối
Gió ngàn quyến rũ nét son môi.
Còn ta tình lẫn vào sương tuyết
Lặng lẽ buồn riêng một góc trời.
Ngày tháng mỏi mòn xuân chắp cánh
Làm sao em hiểu nỗi buồn quanh
Nắng tàn khói thuốc thâm quầng mắt
Ta vẫn chờ em phố vắng tanh!

Đỗ Bình
(Paris 2009)

tuyến 17 làm ranh giới. Gần một triệu người đã từ bỏ miền

Bắc di cư vào miền Nam, thấy làn sóng di dân quá lớn, qúa bất lợi cho chính quyền kháng chiến mới nên họ đã đưa ra nhiều tin đồn nhằm ngăn chận bớt làn sóng di dân. Những tin đồn thâm độc như Bình Xuyên giết người Bắc di cư, miền Nam tuyển mộ dân mới tới một cách cưỡng ép đi làm đồn điền cao su, dân Nam rất kỳ thị dân Bắc... Hắn là người duy nhất trong gia đình di cư vào Nam. Trước ngày có lệnh di dân, bà dì hắn đã bay vào Sài Gòn vài ngày thăm thú tình hình, khi trở về bà ta nhất quyết ngăn cản mọi người trong gia đình di cư, bà nói rằng chính mắt bà đã chứng kiến công an Bình Xuyên vô cớ đánh người, họ rất hung hăn đối với người Bắc. Ngay cả những người Bắc đã vào Nam từ thế chiến thứ Hai vẫn sống trong lo âu, sợ hãi, bị kỳ thị Nam Bắc, chưa hoàn toàn hội nhập được. Sự cương quyết của bà cộng với sự nhu nhược của bố hắn, nên cả gia đình ở lại, nó lại còn lôi kéo theo nhiều gia đình hai bên nội ngoại. Lúc đó Hải đang học ở Hải Phòng, ở nhờ nhà người chú họ, Hải theo đoàn học sinh, sinh viên xuống tầu vào Nam.

Miền Nam mở ra trước hắn một không gian mới lạ, rộng lớn, cái gì cũng như bao la bát ngát, cũng mới, cần phải quan sát, học hỏi. Sau vài tháng làm việc ở Sài Gòn, hắn được đổi xuống Cần Thơ và từ vùng đất miền Tây này, hắn mang tên Hải Bắc. Và hắn có thêm hai người bạn mới là Hoàn và Thái. Ở vào tuổi hai mươi, vừa học xong trung học, bước chân vào đời với hàng trăm giấc mộng, hoài bão và niềm kiêu hãnh của tuổi trẻ, hắn và Hoàn Trung nghĩ rằng mình có thể làm được mọi điều mơ ước. Những người sinh ra vào thập niên 30 thế kỷ trước, thường là nhân chứng hay là nạn nhân của nhiều biến động chính trị dồn dập xẩy ra cho dân Việt. Sinh ra từ kiếp nô lệ, nhìn thấy cha ông, chú bác họ hàng, dân chúng bị trà đạp nhục nhã bởi thực dân Pháp, rồi Nhật đảo chánh Pháp, rồi VN đứng lên tranh dấu dành độc lập... Thời học sinh của Hải, lịch sử được giảng dậy trong trường là lịch sử Gaulois, lịch sử đã sàng lọc kỹ càng của cha ông bọn thực dân Pháp. Cho đến năm 1954, môn lịch sử Việt vẫn chưa được phát triển và phổ cập đại chúng vì quá nhiều biến động chính trị xẩy ra, qúa nhiều ưu tiên cho các chính quyền mới phải giải quyết. Những hờn tủi, đau đớn, những vết nhơ mà thực dân Pháp, phát xít Nhật để lại ngưởi dân, chính phủ mới cũng không có thì giờ để xóa rửa chúng như người Do Thái đã từng làm đối với bọn quốc xã Đức. Khi đất nước bị chia đôi với miền Bắc thuộc về Cộng Sản, miền Nam thuộc về Quốc Gia, thanh niên, học sinh, sinh viên sung sướng ra nhập vào mọi sinh hoạt mới của miền đất tự do. Khi cuộc di cư khỏi đầu, vấn đề kỳ thị Nam Bắc được nói đến đây đó nhưng không qúa rộng lớn đến độ nguy hiểm.

Lúc mọi người gọi hắn là Hải Bắc, Hoàn là Hoàn Trung, và Thái Nam, vài thằng bạn còn gọi dỡn cợt bọn hắn là ba chàng ngự lâm dù chẳng có gì để có thể liên kết chuyện của họ với chuyện ba chàng ngự lâm cả, do đấy họ tìm hiểu nguyên do của nạn kỳ thị đưa tới chia rẽ. Lý do kỳ thị Nam Bắc đã làm gia đình Hải phân tán. Dì Hoa của hắn tưởng như mình là người nắm được tình hình trong Nam trước ngày di cư nên đã ngăn cản mọi người ra đi và những ai nghe bà đều sợ hãi ở lại.

Hoàn thường nói nếu chúng ta chịu đọc qua sử Việt cận đại dù rất thiếu sót chúng ta cũng thấy được chánh sách cai trị của người Pháp là chia để trị, chỉ dùng ít người mà cai trị được cả nước, mà vơ vét được tối đa tài nguyên cho họ. Pháp đã áp đặt được ở Việt Nam *một chánh sách thực dân trực trị*, biến VN thành thuộc địa của họ và cai trị bằng các công sứ, trú sứ pháp tại các tỉnh. Riêng tại Nam Kỳ, các chức vụ quận trưởng trở lên đều do người Pháp nắm giữ. Họ tước đoạt dần quyền hành của vua quan nhà Nguyễn. Chính sách chia rẽ để trị biến Việt Nam từ một quốc gia thống nhất thành ba quốc gia riêng biệt: Nam Kỳ (cochinchine), Trung Kỳ (Annam) và Bắc Kỳ (Tonkin). Mỗi Kỳ có một chế độ cai trị, luật pháp riêng, và người Việt muốn đi từ Kỳ này sang Kỳ khác phải có thông hành như

GÓP PHẦN XUÂN

Rực rỡ thềm xuân vạn cánh hoa
Sắc hương thắm đượm với muôn nhà
Thơ trong lưu luyến thơ ngào ngạt
Ý đượm mơ màng ý thiết tha
Trên áng trang nghiêm hương khói tỏa
Ngoài hiên thánh thót giọng oanh ca
Giòng văn e ấp chưa tròn ý
Ước được tri âm góp vận hòa

VĂN THỊ KIỀU ANH
(Minnesota)

đi qua một quốc gia xa lạ. Thâm độc hơn nữa, thực dân Pháp còn tạo ra *những kỳ thi địa phương* giữa người Bắc, người Trung, người Nam, người Miên, người Lào, người Kinh và người Thượng. Để thực hiện chính sách chia rẽ này, họ dùng bọn tay sai, quan lại hèn nhát để cai trị người Việt như bọn Nguyễn Thân, Lê Hoan, Hoàng Cao Khải... để họ rảnh tay khai thác tài nguyên về làm giầu cho xứ sở của họ.

Hậu qủa của chánh sách chia để trị tạo nên tính kỳ thị lẫn nhau, sự chia rẽ, bài khích nhau, như một thứ nọc rắn độc, một khi đã thấm xâu vào cơ thể rất khó chữa hoặc xóa bỏ nó đi được. Nó còn tồn đọng trong chúng ta đến ngày hôm nay. Những ngày đầu vào Nam, nhất là sau ngày nhóm Bình Xuyên bị tảo trừ, hắn không hề thấy hay cảm nhận thấy sự kỳ thị nào. Trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, miền Nam thành miền đất tự do, thanh bình. Sau khi Đệ Nhất Cộng Hòa sụp đổ, nạn kỳ thị lại có manh nha xuất hiện do nhu cầu bảo vệ quyền lợi của vài phe nhóm chính trị sôi thịt.

Gần ba trăm năm Trịnh Nguyễn phân tranh 1570-1786, với bẩy lần chúa Trịnh đưa quân vào đánh chúa Nguyễn, chiến tranh Nam Bắc thời đó cũng không hẳn đã làm phân hóa đất nước, bởi vì cả hai phủ chúa đều nhân danh phò nhà Lê trị vì, không có chính sách phân chia dân chúng để cai trị, không có chính sách làm người dân chia rẽ nhau, miền Bắc thì lo đối phó với triều đình nhà Măn Thanh, lo chống Tầu lúc nào cũng lăm le muốn tràn qua xâm lấn đất Việt, miền Nam lo mở mang bờ cõi. Hơn nữa, dân số Việt lúc đó còn thấp, chỉ gia tăng mạnh vào đầu thế kỷ thứ XX, 13 triệu dân khoảng 1900 và 31 triệu dân năm 1960. Vì không có con số thống kê về dân số, nên dân số dự đoán của dân Việt vào thế kỷ 15, 16 chừng vài triệu dân. Hoàn là người lưu tâm đến nhiều thứ trong đó có tệ nạn kỳ thị, sự chia rẽ nên hay thảo luận với hắn, với bạn bè và đã viết nhiều bài gửi đăng báo vào những năm 1960. Gặp lại Hoàn, hắn thấy lại tuổi thơ, hồi tưởng lại những buổi ba thằng tranh luận hàng giờ, cả một chặng đường đời đã qua, nó hiện hữu trở lại những vấn nạn của 60 năm trước, ngày nay có vẻ như trầm kha hơn. Tuổi già làm cho giấc mơ của họ teo lại, rồi giấc mơ vẫn chỉ là giấc mơ. Ngày nay sự tiến bộ về khoa học, kỹ thuật, dân sinh và xã hội nhanh chóng và thay đổi hàng ngày, không cho phép một người hay một nhóm người nghĩ thay, nói thay cho người khác hay quần chúng. Sự độc đoán, độc quyền làm đui chột tính cạnh tranh, sự mở mang trí thức, sự kiểm soát lẫn nhau để cùng phục vụ xã hội, nó chỉ đưa tới lạm dụng, lạm quyền, tham nhũng, bao che tội ác, bao che mọi tệ nạn xã hội.

Bọn độc tài, hại dân, hại nước luôn khai thác những vấn nạn xã hội, để làm phân tán sự chống đối của dân, để dễ cai trị dân, để che dấu những sự sai lầm triền miên có thể nhận chìm cả một dân tộc. Họ sẽ phải nhận sự phê phán của lịch sử càng ngày càng khắc nghiệt.

ĐỖ PHÚ (Virginia)

XIN NGHỈ HƯU

Tiết Thượng Nguyên khí trời mát mẻ,
Xin có lời rành rẽ cáo tri.
Kể từ lìa nước ra đi,
Dấn thân hoạt động thiếu gì góp công.
Việc lớn nhỏ cộng đồng sớm tối,
Chẳng kể gì mỏi gối chồn chân.
Văn chương, thi phú góp phần,
Vun bồi học thuật toàn dân tỏ tường.
Thi Văn Đoàn Bốn Phương ra mắt,
Khắp đó đây kết chặt tình thân.
Văn nhân, thi sĩ xa gần,
Cùng nhau tương kính như tân kết đoàn.
Tình giao hảo hân hoan sớm tối,
Năm năm ròng tựa Hội Hoa Đăng
Tương thân chi khác môi răng,
Ngày đêm sinh hoạt càng tăng hợp quần.
Thơ xướng họa Long Vân tốt đẹp,
Lấy khiêm nhường khuôn phép xã giao.
Khi đi đứng, lúc ra vào,
Thương yêu, đùm bọc khác nào anh em.
Tuổi chồng chất càng thêm biếng nhác,
Lúc đứng ngồi đã khác khi xưa.
Dẫu cho thiện chí có thừa,
Hàm răng khấp khểnh, muối dưa bẽ bàng.
Luôn quý lẽ "đáo giang tùy khúc", (1)
Vẫn trọng "câu tùy tục nhập gia".(2)
Thời gian mỗi tuổi một già,
Mắt mờ, chân chậm cũng là tự nhiên.
Noi gương bậc Thánh Hiền đạo cả,
Thuận lẽ trời, "lão giả an chi" (3).
Tuổi già ngày một yếu đi,
Việc chung không được nể vì tham gia.
-Xưa nay luật "tre già măng mọc",
Rừng Bích Đào nẩy lộc đơm hoa
Thanh niên gánh vác sơn hà,
Để cho lão trượng về nhà nghỉ ngơi.
Tám hai tuổi thảnh thơi nhàn hạ,
Vẫn nhớ câu chị ngã, em nâng.
Lời quê góp ý xin dâng,
Xây lầu Văn học cao tầng sánh mây.
Lời chân thật tỏ bày tha thiết,
Để anh em đều biết ý tôi.
Hoàn thành tác phẩm ba rồi,
Tìm người thay thế là tôi rất mừng.
Thi Đoàn vẫn tưng bừng hoạt động,
Vẫn con đường Chính Thống ta đi
Chữ rằng "NGÔN DỊCH TRƯỜNG PHI"
Nghìn sau tiếng tốt còn ghi để đời.

TRƯỜNG GIANG

San Jose 2- 2009

GHI CHÚ :

(1) *Thuyền đi tới đoạn sông nào, phải tùy theo khúc sông ấy thẳng hay quanh co mà lái thuyền cho khỏi đâm vào bờ. Người ta cũng vậy, phải tùy theo hoàn cảnh mà cư xử với nhau khéo léo, không để gây ra va chạm, xích mích với nhau.*

(2) *Vào nhà ai phải theo gia quy, khuôn phép của nhà đó mà cư xử cho đúng phép tắc của gia đình họ.*

(3) Già rồi thì an phận, không đua đòi